



LÀM CHỦ CÔNG NGHỆ CHẠM ĐÍCH TƯƠNG LAI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

Báo cáo thường niên 2019

Nội dung



04

GIỚI THIỆU
VIETCOMBANK

52

BÁO CÁO CỦA
BAN LÃNH ĐẠO

90

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

104

QUẢN TRỊ
DOANH NGHIỆP

130

CỘNG ĐỒNG
VÀ XÃ HỘI

146

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NGÂN HÀNG VIỆT NAM ĐẦU TIÊN
CÓ HIỆN DIỆN THƯƠNG MẠI TẠI MỸ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)

23.122

Tăng 26,6% so với năm 2018

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU VIETCOMBANK

6-9	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và TGD
10	Thông tin khái quát
12-23	Lịch sử hình thành và phát triển
24	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
26-33	10 dấu ấn của Vietcombank 2019
34	Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý
36-39	Chỉ số tài chính cơ bản 2015 - 2019
40	Định hướng phát triển
42-51	Danh hiệu và giải thưởng

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC



“Cùng với hệ thống giải pháp đồng bộ và nỗ lực của toàn hệ thống, Vietcombank đã có thêm một năm kinh doanh bút phá ấn tượng, hoàn thành toàn diện tất cả các chỉ tiêu, trong đó có một số chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu vượt xa kế hoạch đề ra”.

Chủ tịch HĐQT
NGHIÊM XUÂN THÀNH

Kinh tế thế giới năm 2019 diễn biến khó đoán định. Các nền kinh tế lớn tăng trưởng chậm lại, cạnh tranh thương mại quốc tế dâng cao, thương chiến Mỹ - Trung tác động tiêu cực tới nền kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh đó, Việt Nam vẫn chứng tỏ sức hút của thị trường có độ mở và tiềm năng lớn với một nền kinh tế năng động, là điểm sáng tăng trưởng cao trong khu vực và quốc tế. Đây là năm thứ 2 liên tiếp hoàn thành 12/12 chỉ tiêu kinh tế xã hội, trong đó có 7 chỉ tiêu vượt Nghị quyết của Quốc hội, tăng trưởng GDP đạt 7,02% trong khi vẫn kiểm soát CPI ở mức thấp; thứ hạng, vị thế và uy tín của Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

Ngành Ngân hàng năm 2019 tiếp tục đạt được những thành công và đọng lại nhiều dấu ấn đậm nét trong điều hành chính sách tiền tệ: Thanh khoản của các Tổ chức tín dụng được đảm bảo vững chắc hơn; thị trường ngoại hối, tỷ giá ổn định; mặt bằng lãi suất cho vay tiếp tục giảm và ở mức thấp nhất trong 10 năm trở lại đây; tăng trưởng tín dụng đi vào chiều sâu, tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả, đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng của GDP. Cùng với đó, số lượng ngân hàng đáp ứng chuẩn mục Basel II tăng, chất lượng tài sản hệ thống ngân hàng cải thiện, tỷ lệ nợ xấu nội bảng toàn ngành giảm xuống dưới 2%.

Quán triệt các chủ trương, chính sách của Chính phủ và chỉ đạo điều hành của Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) đã đề ra những định hướng chiến lược phát triển phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và thực tiễn của thị trường. Cùng với hệ thống giải pháp đồng bộ và nỗ lực của toàn hệ thống, Vietcombank đã có thêm một năm kinh doanh bút phá ấn tượng, hoàn thành toàn diện tất cả các chỉ tiêu, trong đó có một số chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu vượt xa kế hoạch đề ra. Quy mô kinh doanh tăng trưởng cao, tăng trưởng tín dụng đạt 16%, là mức cao nhất trong các NHTM có quy mô lớn. Cơ cấu kinh doanh được chuyển dịch có chiều sâu theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và bền vững: Tỷ lệ nợ xấu giảm về dưới 0,8%. Đặc biệt, Vietcombank tiếp tục ghi nhận kỷ lục mới về lợi nhuận trước thuế đạt 23.122 tỷ đồng (tương đương 1 tỷ đô la Mỹ), tăng 26,6% so với năm 2018, gấp 3,4 lần so với quy mô lợi nhuận năm 2015. Vietcombank trở thành 1 trong 2 doanh nghiệp niêm yết nộp ngân sách lớn nhất cả nước.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)

23.122

TƯƠNG ĐƯƠNG 1 TỶ ĐÔ LA MỸ
tăng 26,6% so với năm 2018



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



Tổng Giám đốc
PHẠM QUANG DŨNG

“Những thành quả Vietcombank đạt được trong năm 2019 là to lớn và tạo tiền đề quan trọng, củng cố nền tảng vững chắc để Vietcombank bước vào một giai đoạn phát triển mới, hội nhập với khu vực và quốc tế”.

TỔNG TÀI SẢN (Tỷ đồng)

1.222.719

tăng 13,8% so với năm 2018

Bên cạnh đó, Vietcombank đã chính thức khai trương Văn phòng Đại diện tại New York - là ngân hàng Việt Nam đầu tiên có hiện diện thương mại tại Mỹ; chính thức ký kết thỏa thuận hợp tác độc quyền phân phối bảo hiểm có thời hạn 15 năm với Tập đoàn bảo hiểm FWD, ghi nhận kỷ lục về giá trị hợp tác lớn nhất tại thị trường Việt Nam. Thành lập Trung tâm Ngân hàng số, hoàn thành giai đoạn 1 dự án Chuyển đổi hoạt động Ngân hàng bán lẻ, hướng tới mục tiêu chiến lược trở thành ngân hàng số 1 về Bán lẻ và đứng đầu về Ngân hàng số.

Những thành quả Vietcombank đạt được trong năm 2019 là to lớn và tạo tiền đề quan trọng, củng cố nền tảng vững chắc để Vietcombank bước vào một giai đoạn phát triển mới, hội nhập với khu vực và quốc tế. Xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng của Đảng, Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, của các cổ đông và hàng triệu khách hàng.

Với ý nghĩa đó, ngay trong năm 2020, Ban Lãnh đạo Vietcombank và hơn 18.000 cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống cùng cam kết sẽ đồng lòng quyết tâm với nỗ lực cao nhất hiện thực hóa mục tiêu chiến lược giữ vững vị thế Ngân hàng số 1 tại Việt Nam, từng bước ghi danh vào bản đồ tài chính thế giới, sớm trở thành một trong 300 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, một trong 1.000 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu, có đóng góp lớn vào sự phát triển của Việt Nam.

Chủ tịch HĐQT
NGHIÊM XUÂN THÀNH

Tổng Giám đốc
PHẠM QUANG DŨNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH

Tên công ty bằng tiếng Việt:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM.

Tên công ty bằng tiếng Anh:

JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIET NAM.

Tên giao dịch: VIETCOMBANK

Tên viết tắt: VIETCOMBANK

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 23/05/2008.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp: 0100112437

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 02/06/2008 (đăng ký lần đầu)

Đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019

- **Vốn điều lệ (Vốn đầu tư của chủ sở hữu): 37.088.774.480.000 đồng**

Bằng chữ: Ba mươi bảy nghìn không trăm tám mươi tám tỷ, bảy trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng.

- **Mã cổ phiếu: VCB**

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: **3.708.877.448**

- **Địa chỉ:** 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam

- **Số điện thoại:** 84 - 24 - 3934 3137

- **Fax:** 84 - 24 - 3826 9067

- **Website:** www.vietcombank.com.vn

VỐN ĐIỀU LỆ (Tỷ đồng)

37.089



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Trong suốt quá trình hoạt động của mình, Vietcombank luôn xác định rõ và hướng tới việc xây dựng một ngân hàng hoạt động chuẩn mực, tuân thủ các quy định của pháp luật và bắt nhịp với các thông lệ quốc tế, đảm bảo hoạt động an toàn và bền vững.

TỔ CHỨC TIỀN THÂN CỦA VIETCOMBANK

Tiền thân của Vietcombank là Sở Quản lý Ngoại hối thuộc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được thành lập ngày 20/01/1955 theo Nghị định 443/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Năm 1961, Sở Quản lý Ngoại hối được đổi tên thành Cục Ngoại hối thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Nghị định 171/CP ngày 26/10/1961 của Hội đồng Chính phủ. Đơn vị này vừa thực hiện chức năng tham mưu, nghiên cứu chính sách quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngoại hối, vừa tiến hành các hoạt động nghiệp vụ kinh doanh của một ngân hàng thương mại đối ngoại. Đây là bước phát triển, tạo tiền đề thành lập ngân hàng chuyên doanh và nghiệp vụ ngân hàng đối ngoại sau này.

Ngày 30/10/1962 NGHỊ ĐỊNH SỐ 115/CP THÀNH LẬP NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Để phù hợp với tập quán quốc tế về hoạt động ngân hàng đối ngoại, ngày 30/10/1962, Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 115/CP thành lập Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam với nhiệm vụ: Kinh doanh ngoại hối, thanh toán quốc tế, tín dụng quốc tế, cho vay ngoại thương, tham gia quản lý ngoại hối, góp phần bảo vệ tiền tệ và tài sản Nhà nước, tăng cường và mở rộng quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa với nước ngoài.

Ngày 01/04/1963 RA MẮT NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Sau một thời gian chuẩn bị, Ngân hàng Ngoại thương (NHNT) Việt Nam chính thức ra mắt và đi vào hoạt động với tư cách một pháp nhân ngân hàng đối ngoại, kể từ đó thương hiệu NHNT Việt Nam (tiếng Anh: Bank For Foreign Trade of Vietnam) viết tắt là Vietcombank chính thức ra đời. Trụ sở giao dịch đặt tại sảnh tầng 1 tòa nhà 47-49 Lý Thái Tổ, Hà Nội, cũng là trụ sở của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Vietcombank mang 2 "nhiệm vụ": Đối nội: Tham mưu cho NHNN về quản lý ngoại hối; Đối ngoại: Thực hiện nhiệm vụ kinh doanh tiền tệ, tín dụng, các nghiệp vụ ngân hàng đối ngoại như thanh toán xuất nhập khẩu, thanh toán vay nợ, viện trợ quốc tế, các dịch vụ ngân hàng phục vụ cho các cơ quan nước ngoài tại Việt Nam, các dịch vụ chuyển ngân, thanh toán séc với nước ngoài v.v..

Ngay sau khi thành lập, Vietcombank đã nỗ lực phấn đấu, tích cực lao động và trau dồi nghiệp vụ, phát triển mối quan hệ giao thương với các ngân hàng bạn bè xã hội chủ nghĩa, bước đầu hình thành mạng lưới thanh toán quốc tế với các nước tư bản chủ nghĩa và thực hiện quan hệ tín dụng với các tổ chức kinh tế nước ngoài, từ đó góp phần xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.



Giai đoạn 1963 – 1975 SỨ MỆNH CAO CẢ TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN

Trong giai đoạn 1963 – 1975, thời kỳ chiến tranh chống Mỹ ác liệt, Vietcombank đã đảm đương thành công nhiệm vụ lịch sử là ngân hàng thương mại đối ngoại duy nhất tại Việt Nam, hỗ trợ chi viện tài chính cho chiến trường miền Nam, đồng thời góp phần xây dựng và phát triển kinh tế miền Bắc.

Để tiếp nhận nguồn vốn viện trợ ngoại tệ của nước ngoài và tạo nguồn ngoại tệ để trang bị khí tài cho chiến trường miền Nam, tháng 4/1965, theo chỉ thị của Bộ Chính trị, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thành lập một tổ chức chuyên trách nghiệp vụ thanh toán đặc biệt với bí danh B29 tại Vietcombank. Ra đời với một cơ cấu tổ chức rất gọn nhẹ, B29 hoạt động đơn tuyến và bảo mật đến mức tối đa được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị và Thường vụ Trung ương Cục Miền Nam. Với trên 10 người hoạt động trong thời gian 10 năm, Quỹ Ngoại tệ đặc biệt B29 đã tham gia vận chuyển và chuyển khoản một lượng lớn ngoại tệ, chi viện cho chiến trường miền Nam. "Con đường chuyển tiền" gắn với bí số B29 đã trở thành một trong 5 "đường mòn Hồ Chí Minh" huyền thoại, đóng góp quan trọng cho chiến thắng của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là một chiến công thầm lặng trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc mà Cục Ngoại hối, Ngân hàng Ngoại thương có vinh dự được tham gia.



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tiếp theo)



Giai đoạn 1975 – 1990 LỚN MẠNH TRONG GIAN KHÓ

Sau ngày miền Nam giải phóng, bằng nhiều biện pháp tích cực và có hiệu quả, Vietcombank đã nhanh chóng tiếp quản hệ thống ngân hàng của chế độ cũ, đấu tranh với các ngân hàng nước ngoài, thu về cho quốc gia một khối lượng tài sản, vốn ở nước ngoài lên tới hàng trăm triệu đô la Mỹ, góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Cũng trong thời kỳ này, các mối quan hệ quốc tế của Vietcombank được mở rộng một bước đáng kể thông qua việc kế thừa quyền hội viên của Việt Nam tại Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á, mở rộng mạng lưới ngân hàng đại lý với hơn 500 đơn vị ngân hàng đại lý trên toàn thế giới, mở văn phòng đại diện tại nước ngoài, tham gia các hoạt động tài chính, tiền tệ, thanh toán trong khối SEV.

Vietcombank trở thành ngân hàng đối ngoại duy nhất của Việt Nam thực hiện độc quyền ngoại hối trên 3 phương diện: Độc quyền ngoại tệ, độc quyền thanh toán giao dịch quốc tế, độc quyền cung ứng tín dụng xuất nhập khẩu.

Đến cuối những năm 80, Vietcombank đã thiết lập một hệ thống ngân hàng chuyên doanh đối ngoại thống nhất trong cả nước gồm Trụ sở chính tại Hà Nội và 11 chi nhánh tại các địa bàn trọng yếu.

Với vai trò là ngân hàng chuyên doanh đối ngoại, Vietcombank đã đóng vai trò quan trọng tháo gỡ khó khăn cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp thông qua cho vay và hỗ trợ doanh nghiệp, là đơn vị đầu tiên đứng ra bảo lãnh nhập hàng trả chậm, sử dụng uy tín của mình vay các ngân hàng nước ngoài hàng trăm triệu đô la Mỹ, tháo gỡ khó khăn chung của cả nước.

THỜI KỲ ĐẦU ĐỔI MỚI 1990 – 2000

Năm 1990, Đề án đổi mới hoạt động ngân hàng được Hội đồng Bộ trưởng thông qua, từ đây Vietcombank đã trở thành ngân hàng thương mại quốc doanh, kinh doanh trong lĩnh vực đối ngoại.

Với chức năng thực hiện quản lí vốn ngoại tệ tập trung vào năm 1993, Vietcombank đã chính thức tham gia sâu rộng hơn vào thị trường tiền tệ thế giới, gia nhập tổ chức thanh toán quốc tế SWIFT, là thành viên của Hiệp hội ngân hàng châu Á vào năm 1995, gia nhập tổ chức thẻ quốc tế và là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành các loại thẻ tín dụng quốc tế là Master card và Visa card năm 1996, đồng thời Vietcombank là ngân hàng sáng lập Hội thẻ ngân hàng Việt Nam, tiên phong trong ứng dụng công nghệ vào hoạt động ngân hàng. Trong giai đoạn này, Vietcombank đã tham gia đầu tư vào một loạt các dự án lớn trong các lĩnh vực trọng yếu của đất nước như đường ống khí đốt Nam Côn Sơn, Đạm Phú Mỹ, Đuôi hơi Phú Mỹ, Thủy điện Yaly,...

Trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn do sự bao vây cấm vận, Vietcombank đã hoàn thành xuất sắc vai trò ngân hàng đối ngoại duy nhất thay mặt quốc gia hoạt động trên thị trường tiền tệ, thị trường tài chính quốc tế, tham gia cùng Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước đàm phán giảm xử lý thành công công nợ Nhà nước tại Câu lạc bộ Paris và nợ thương mại tại Câu lạc bộ London, tạo điều kiện cho nền kinh tế đất nước vượt qua giai đoạn khó khăn khủng hoảng, từng bước ổn định.

Không chỉ đảm bảo an toàn, hiệu quả cho hoạt động Ngân hàng, trong những thời điểm khó khăn của ngành Ngân hàng Việt Nam, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, Vietcombank còn tham gia vào việc chấn chỉnh, củng cố, kiểm soát và xử lý một số NHTM cổ phần yếu kém. Với sự hỗ trợ hiệu quả của Vietcombank về nguồn vốn, nhân lực cũng như các giao dịch nghiệp vụ, các ngân hàng này đã vượt qua được những thời điểm khó khăn nhất của thị trường để từng bước ổn định và vươn lên.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tiếp theo)



Giai đoạn 2000 – 2005 GIAI ĐOẠN TÁI CƠ CẤU VIETCOMBANK

Vietcombank là ngân hàng đầu tiên triển khai và hoàn thành Đề án Tái cơ cấu (2000 – 2005) mà trọng tâm là nâng cao năng lực tài chính, quản trị điều hành, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, đóng góp cho sự ổn định và phát triển kinh tế, đồng thời tạo dựng uy tín đối với cộng đồng tài chính khu vực và toàn cầu. Với sự tư vấn hỗ trợ kỹ thuật từ ngân hàng ING trong khuôn khổ dự án của Worldbank, Vietcombank đã làm sạch bảng tổng kết tài sản, nâng cao hiệu quả hoạt động, bước đầu thực hiện chuẩn hóa sắp xếp lại mô hình hoạt động hướng theo thông lệ của các ngân hàng tiên tiến trên thế giới.

Vietcombank đã tăng cường đầu tư, hiện đại hoá, nâng cao trình độ công nghệ, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ, mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác bằng việc thành lập các công ty liên doanh, các công ty trực thuộc.

Năm 2002, Vietcombank triển khai đưa vào ứng dụng hệ thống ngân hàng lõi – Core Banking và trở thành ngân hàng đầu tiên ở Việt Nam cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng trực tuyến (Online Banking), dịch vụ ATM và Internet Banking. Vietcombank là ngân hàng tiên phong ở Việt Nam đã làm một cuộc cách mạng về dịch vụ, sản phẩm ngân hàng thông qua việc phát triển hàng loạt các sản phẩm, đáp ứng được nhu cầu và đem lại tiện ích gia tăng cho khách hàng.

Với lợi thế về nguồn vốn, đặc biệt là vốn ngoại tệ, Vietcombank đã tham gia tài trợ vốn cho hàng loạt các dự án thuộc các lĩnh vực then chốt phục vụ các dự án trọng điểm phát triển của quốc gia như điện lực, dầu khí, hàng không, viễn thông....

Ngày 26/12/2007 PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Với những kết quả nổi bật trong hoạt động và quản trị điều hành, năm 2007, Vietcombank vinh dự được Đảng, Chính phủ lựa chọn là ngân hàng tiên phong thực hiện cổ phần hóa trong ngành ngân hàng. Ngày 26/12/2007, Vietcombank đã thực hiện thành công kế hoạch phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO). Đây là sự kiện IPO lớn nhất tại thời điểm đó và đã mang lại cho ngân sách Nhà nước nguồn thu từ thặng dư từ IPO lên tới gần 10 nghìn tỷ đồng – một con số kỷ lục.



Tháng 6/2008 HOẠT ĐỘNG THEO MÔ HÌNH NGÂN HÀNG TMCP

Ngày 02/06/2008, Vietcombank đã chính thức hoàn tất chuyển đổi và hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại cổ phần.

Ngày 30/06/2009 NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Ngày 30/06/2009, cổ phiếu Vietcombank chính thức được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, minh bạch hóa thông tin, thu hút sự quan tâm của đông đảo các nhà đầu tư trong và ngoài nước.



Ngày 30/09/2011 KÝ KẾT HỢP ĐỒNG CỔ ĐỒNG CHIẾN LƯỢC VỚI MIZUHO CORPORATE BANK

Ngày 30/09/2011, Vietcombank lại một lần nữa tiên phong trong việc bán vốn cho cổ đồng chiến lược nước ngoài với bước ngoặt quan trọng thông qua việc ký kết Hợp đồng cổ đồng chiến lược với Mizuho Corporate Bank thuộc Tập đoàn Tài chính Mizuho – tập đoàn Tài chính lớn thứ ba tại Nhật Bản và thứ 20 trên thế giới. Việc bán cổ phần chiến lược của Vietcombank đã trở thành thương vụ M&A lớn nhất khu vực trong năm, là minh chứng cho niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài vào tiềm năng và tương lai phát triển của thị trường tài chính Việt Nam nói chung, của Vietcombank nói riêng.



Ngày 31/03/2013 RA MẮT BỘ NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU MỚI

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập, Vietcombank đã ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới, ghi dấu cho những thành công và sự chuyển đổi quan trọng, chuẩn bị cho một giai đoạn phát triển mới.

Thương hiệu mới Vietcombank mang những đặc tính riêng với giá trị cốt lõi: Sáng tạo, Phát triển không ngừng, Chu đáo – Tận tâm, Kết nối rộng khắp, Khác biệt, An toàn – Bảo mật, ngoài yếu tố chuyển tải sự liên tục trong hành trình phát triển còn bao hàm những cam kết đồng hành sâu sắc đối với đông đảo khách hàng đã đặt trọn niềm tin vào Vietcombank trong suốt chặng đường nửa thế kỷ dựng xây và phát triển.



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

Giai đoạn 2014 – 2019 HOẠT ĐỘNG BỨT PHÁ, CHINH PHỤC ĐỈNH CAO

Trong giai đoạn này, Vietcombank đã xây dựng chiến lược phát triển toàn diện đến 2020; phê duyệt chiến lược công nghệ thông tin đến năm 2020 với phương châm tăng tốc, đáp ứng nhu cầu phát triển; xây dựng và thông qua phương án cơ cấu lại đến năm 2020... Đây là các định hướng chiến lược và tiên đề quan trọng để hệ thống Vietcombank xây dựng các kế hoạch và triển khai thực hiện nhằm phát triển bền vững trong giai đoạn mới, là nền tảng định hình cho giai đoạn phát triển, chinh phục đỉnh cao mới của Vietcombank.

Giai đoạn 2014 – 2019, Vietcombank đã có những chuyển dịch toàn diện và ấn tượng cả về hoạt động kinh doanh và quản trị điều hành. Quy mô kinh doanh tăng trưởng cao. Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt trên 23.000 tỷ đồng (tương đương 1 tỷ USD), tăng gần 4 lần so với 5 năm trước, về đích trước 1 năm so với đề án cơ cấu lại, là một trong 2 doanh nghiệp niêm yết nộp ngân sách lớn nhất cả nước. Hệ thống mạng lưới liên tục mở rộng, vươn tầm quốc tế: năm 2019 Vietcombank khai trương Văn phòng đại diện tại Mỹ, đánh dấu sự hiện diện đầu tiên của một ngân hàng Việt Nam tại trung tâm tài chính lớn nhất toàn cầu.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Vietcombank tích cực chung tay cùng các địa phương trong các hoạt động an sinh xã hội, tạo dựng một hình ảnh ngân hàng xanh luôn hướng đến cộng đồng và vì cộng đồng. Thương hiệu, uy tín và hình ảnh của Vietcombank không ngừng được nâng cao, được các tổ chức trong nước và quốc tế trao tặng nhiều danh hiệu, giải thưởng uy tín: 5 lần liên tục đạt thương hiệu quốc gia; là ngân hàng mạnh nhất Việt Nam; được Moody's xếp hạng tín nhiệm thuộc nhóm cao nhất; là doanh nghiệp Việt Nam dẫn đầu trong Top 2.000 Công ty đại chúng lớn nhất thế giới do tạp chí Forbes xếp hạng...

Với những thành công trong giai đoạn vừa qua, Vietcombank tiếp tục hướng đến mục tiêu trở thành một trong 100 ngân hàng lớn nhất khu vực Châu Á, một trong 300 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, một trong 1.000 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu có đóng góp lớn vào sự phát triển của Việt Nam.

Ngày 15/07/2015 TRIỂN KHAI HIỆP ƯỚC VỐN BASEL II, TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM ĐẦU TIÊN ĐÁP ỨNG CHUẨN BASEL II

Lễ khởi động triển khai Hiệp ước Vốn Basel II tại Vietcombank đã được thực hiện vào ngày 15/07/2015. Các dự án thuộc chương trình Basel II được đánh giá là hoạt động chuyển đổi có quy mô lớn nhất, bao trùm tất cả các mảng quản trị rủi ro của ngân hàng. Sau hơn 3 năm triển khai, ngày 28/11/2018, Vietcombank đã chính thức được Thống đốc NHNN Việt Nam chấp thuận, là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đáp ứng các chuẩn mực an toàn theo Basel II, được áp dụng Thông tư 41 sớm 01 năm so với yêu cầu.



Ngày 18/12/2017 KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN SWIFT GPI, TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM ĐƯỢC SWIFT CHỨNG NHẬN ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN GPI

Vietcombank là ngân hàng đầu tiên đăng ký và chính thức khởi động dự án Sáng kiến đổi mới thanh toán toàn cầu (SWIFT GPI) ngay trong tháng 12/2017, chỉ sau 6 tháng, dự án GPI đã được Vietcombank hoàn tất đảm bảo đúng cam kết với SWIFT. Tháng 6/2018, Vietcombank trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được SWIFT chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn GPI và là ngân hàng chuẩn GPI thứ 60 trên toàn thế giới. Thành công của dự án đã thể hiện nỗ lực và quyết tâm của Vietcombank nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán, khẳng định vị thế của Vietcombank trong hoạt động thanh toán chuyển tiền quốc tế tại Việt Nam cũng như trên thế giới.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tiếp theo)



Ngày 01/04/2018 KỶ NIỆM 55 NĂM THÀNH LẬP

Với mốc lịch sử 55 năm phát triển, Vietcombank đã ghi dấu một giai đoạn phát triển đầy bản lĩnh và tự hào, khẳng định vị thế dẫn đầu hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Với những kết quả và thành tựu đạt được, Vietcombank đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất của Chủ tịch nước trao tặng nhân dịp kỷ niệm 55 năm thành lập. Trong thư chúc mừng gửi toàn thể cán bộ nhân viên Vietcombank nhân dịp này, đồng chí Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng, đồng chí Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc và đồng chí Thống đốc NHNN Lê Minh Hưng đều bày tỏ tin tưởng và giao nhiệm vụ cho Vietcombank trở thành Ngân hàng số 1 Việt Nam và sớm trở thành ngân hàng tầm cỡ trong khu vực và quốc tế.



Ngày 19/10/2018 KHAI TRƯƠNG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG TNHH NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM TẠI LÀO (VIETCOMBANK LÀO)

Ngân hàng con của Vietcombank tại Lào có địa chỉ đặt tại số 12, tổ 15, Đại lộ Lanexang, Hatsady Villagae, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử phát triển mạng lưới, Vietcombank thành lập ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài, là bước đi chiến lược quan trọng hiện diện kinh doanh của Vietcombank ở khu vực Đông Nam Á, trong hành trình vươn mình kết nối ra quốc tế.

Ngày 28/12/2018 TĂNG VỐN CẤP 1 THÀNH CÔNG, TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG CÓ QUY MÔ VỐN CHỦ SỞ HỮU LỚN NHẤT TẠI VIỆT NAM



Ngày 28/12/2018, Vietcombank đã chính thức được Chính phủ và Thống đốc NHNN phê duyệt tăng vốn điều lệ thông qua việc bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài là GIC và Mizuho với tổng giá trị giao dịch lên tới 6.168 tỷ đồng. Việc bán thành công cổ phần cho GIC – quỹ đầu tư của Chính phủ Singapore đã khẳng định uy tín, vị thế và tiềm năng phát triển của Vietcombank và niềm tin gia tăng của nhà đầu tư nước ngoài đối với hoạt động ngân hàng tại Việt Nam. Việc tăng vốn thành công đã tạo tiền đề nâng cao chuẩn mực an toàn vốn cho Vietcombank và mang lại nguồn thặng dư cho Nhà nước lên tới 3.783 tỷ đồng, nâng vốn điều lệ của Vietcombank lên 37,1 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 1,6 tỷ USD), tạo nền tảng vốn vững chắc cho việc đáp ứng yêu cầu về an toàn vốn theo chuẩn mực Basel II, tạo tiền đề để Vietcombank tiếp tục đà tăng trưởng theo những mục tiêu đã đề ra.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tiếp theo)



Ngày 01/11/2019

KHAI TRƯƠNG HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI NEW YORK, MỸ

Ngày 01/11/2019, Vietcombank đã khai trương hoạt động Văn phòng đại diện tại New York theo sự phê chuẩn của Cục dự trữ Liên bang Mỹ, trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên vượt qua được những điều kiện khắt khe để hiện diện tại thị trường Mỹ, thông qua đó khẳng định hoạt động của Vietcombank đã đáp ứng toàn diện các chuẩn mực quốc tế, tiếp tục vươn ra biển lớn, tăng cường hiện diện tại các thị trường tài chính sôi động trên thế giới.



NGÂN HÀNG VIỆT NAM ĐẦU TIÊN CÓ HIỆN DIỆN THƯƠNG MẠI TẠI MỸ



Ngày 25/06/2019

KÝ KẾT HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TRỊ GIÁ 200 TRIỆU USD VỚI JBIC, TÀI TRỢ CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TẠI VIỆT NAM

Tín dụng xanh là xu hướng phát triển chung của thế giới và có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội bền vững, hiện thực hóa chiến lược tăng trưởng xanh của các quốc gia. Đây là khoản cấp tín dụng hợp vốn do JBIC là ngân hàng đầu mối thu xếp vốn cùng với bốn ngân hàng thương mại hàng đầu Nhật Bản, để đầu tư cho các dự án năng lượng xanh, bảo vệ môi trường tại Việt Nam. Vietcombank là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam được JBIC cấp khoản tín dụng này nhằm tối ưu hóa những tác động tích cực về mặt xã hội và môi trường, góp phần phát triển kinh tế bền vững, thúc đẩy hội nhập khu vực và bảo vệ môi trường tại Việt Nam.



Ngày 25/06/2019

KÝ KẾT THỎA THUẬN HỢP TÁC ĐỒNG QUYỀN 15 NĂM PHÂN PHỐI BẢO HIỂM CÓ GIÁ TRỊ LỚN NHẤT TRONG LỊCH SỬ NGÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM VỚI TẬP ĐOÀN FWD

Thỏa thuận hợp tác lịch sử với FWD - tập đoàn có ưu thế nổi bật trong ứng dụng kỹ thuật số vào tất cả quy trình của hoạt động bảo hiểm tiếp tục cho thấy nỗ lực mạnh mẽ của Vietcombank trong chuyển đổi số và hoạt động bán lẻ để đạt được mục tiêu đề ra, hướng đến xây dựng mô hình liên kết ngân hàng - bảo hiểm dẫn đầu tại khu vực.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Dịch vụ huy động vốn;
- Dịch vụ cho vay;
- Dịch vụ chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Dịch vụ bảo lãnh ngân hàng;
- Dịch vụ bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế;
- Dịch vụ phát hành thẻ tín dụng;
- Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ;
- Dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật;
- Dịch vụ ngân hàng đại lý;
- Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tính đến 31/12/2019, Vietcombank hiện có 111 Chi nhánh với 472 phòng giao dịch hoạt động tại 54/63 tỉnh thành phố trong cả nước: Miền Bắc có 23 chi nhánh chiếm tỷ lệ 20,7%; Hà Nội có 15 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 13,5%; Bắc và Trung bộ có 14 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 12,6%; Nam Trung bộ và Tây Nguyên có 12 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 10,8%; Hồ Chí Minh có 18 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 16,2%; Đông Nam Bộ có 14 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 12,6%; Tây Nam Bộ có 15 chi nhánh, chiếm 13,5%.

Vietcombank thiết lập và duy trì quan hệ ngân hàng đại lý với 1.316 ngân hàng tại 102 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

1.316

ngân hàng tại 102 quốc gia
và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới

111

Chi nhánh

472

Phòng giao dịch

54/63

Tỉnh thành phố

102

Quốc gia và vùng lãnh thổ
trên toàn thế giới

10 DẤU ẤN TIÊU BIỂU CỦA VIETCOMBANK NĂM 2019



LỢI NHUẬN BỨT PHÁ KỶ LỤC, ĐẠT 1 TỶ USD, THUỘC TOP 200 TỔ CHỨC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG CÓ LỢI NHUẬN CAO NHẤT TOÀN CẦU

Năm 2019, hoạt động của Vietcombank tiếp tục bứt phá ấn tượng, lập kỷ lục mới, trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên đạt mốc lợi nhuận 1 tỷ đô la Mỹ và nằm trong Top 200 tổ chức tài chính ngân hàng có lợi nhuận cao nhất toàn cầu.

Thành tựu đạt được tiếp tục khẳng định tính đúng đắn của chiến lược chuyển dịch hoạt động kinh doanh tập trung vào 3 trụ cột là Bán lẻ, Dịch vụ, Đầu tư (Kinh doanh vốn) của Vietcombank, thực hiện theo đúng mục tiêu đảm bảo chất lượng tăng trưởng, an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững; Đồng thời cho thấy sự nỗ lực và tận tâm cống hiến của hơn 18.000 cán bộ Vietcombank trên toàn hệ thống.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)

23.122

TƯƠNG ĐƯƠNG 1 TỶ ĐÔ LA MỸ
tăng 26,6% so với năm 2018



NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN CÓ HIỆN DIỆN THƯƠNG MẠI TẠI MỸ; NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN ĐƯỢC NHNN CHẤP THUẬN MỞ CN TẠI ÚC, KHÔNG NGỪNG MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI RA QUỐC TẾ

Năm 2019, Vietcombank đã khai trương hoạt động Văn phòng đại diện tại New York theo sự phê chuẩn của Cục dự trữ Liên bang Mỹ, trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên vượt qua được những điều kiện khắt khe để hiện diện tại thị trường Mỹ, thông qua đó khẳng định hoạt động của Vietcombank đã đáp ứng toàn diện các chuẩn mực quốc tế, tiếp tục vươn ra biển lớn, tăng cường hiện diện tại các thị trường tài chính sôi động trên thế giới.

NGÂN HÀNG VIỆT NAM ĐẦU TIÊN CÓ HIỆN DIỆN THƯƠNG MẠI TẠI MỸ



10 DẤU ẤN TIÊU BIỂU CỦA VIETCOMBANK NĂM 2019 (tiếp theo)



KÝ KẾT THỎA THUẬN HỢP TÁC ĐỘC QUYỀN 15 NĂM PHÂN PHỐI BẢO HIỂM CÓ GIÁ TRỊ LỚN NHẤT TRONG LỊCH SỬ NGÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM VỚI TẬP ĐOÀN FWD

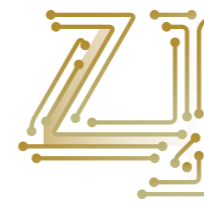
Thỏa thuận hợp tác lịch sử với FWD – Tập đoàn có ưu thế nổi bật trong ứng dụng kỹ thuật số vào tất cả quy trình của hoạt động bảo hiểm tiếp tục cho thấy nỗ lực mạnh mẽ của Vietcombank trong chuyển đổi số và hoạt động bán lẻ để đạt được mục tiêu đề ra, hướng đến xây dựng mô hình liên kết ngân hàng – bảo hiểm dẫn đầu tại khu vực.



KHOẢN ĐẦU TƯ CỦA GIC VÀ MIZUHO (Triệu USD)

265

TƯƠNG ĐƯƠNG 6,2 NGHÌN TỶ ĐỒNG



PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ THÀNH CÔNG TRÊN 111 TRIỆU CỔ PHIẾU CHO GIC VÀ MIZUHO, TIẾP TỤC LÀ NGÂN HÀNG CÓ VỐN HÓA CAO NHẤT THỊ TRƯỜNG, CHẠM MỐC 14 TỶ USD

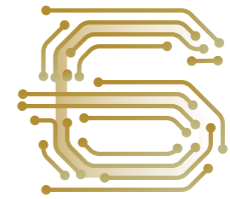
Khoản đầu tư của GIC và Mizuho có giá trị 265 triệu đô la Mỹ (tương đương khoảng 6,2 nghìn tỷ đồng) đã nâng vốn điều lệ của Vietcombank lên 37,1 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 1,6 tỷ đô la Mỹ), tạo nền tảng vững chắc cho việc đáp ứng yêu cầu về an toàn vốn theo chuẩn mực Basel II, tạo tiền đề để Vietcombank tiếp tục đà tăng trưởng mạnh mẽ theo những mục tiêu đã đề ra. Giao dịch này cũng cho thấy niềm tin và sự quan tâm của các nhà đầu tư quốc tế đối với Việt Nam.

10 DẤU ẤN TIÊU BIỂU CỦA VIETCOMBANK NĂM 2019 (tiếp theo)



**THÀNH LẬP TRUNG TÂM NGÂN HÀNG SỐ TẠI VIỆT NAM,
HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG ĐỨNG ĐẦU
VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

Vietcombank là ngân hàng lớn đầu tiên đưa vào hoạt động Trung tâm ngân hàng số tại Việt Nam. Năm 2019, Vietcombank cũng đã khởi động Dự án "Chuyển đổi ngân hàng số" với mục tiêu thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ các mô hình kinh doanh sáng tạo dựa trên số hóa, mang đến sự hài lòng cho khách hàng thông qua các trải nghiệm số hóa sử dụng nền tảng dữ liệu và công nghệ.



**NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN TRÊN THỊ
TRƯỜNG PHÁT HÀNH THẺ CHIP NỘI ĐỊA
CONTACTLESS THEO CHUẨN VCCS**

Công nghệ thẻ chip, đặc biệt là chip không tiếp xúc mà Vietcombank tiên phong áp dụng sẽ mở ra tương lai thanh toán trong nhiều lĩnh vực như giao thông thông minh (thanh toán vé xe bus, BRT, tàu điện ngầm, bãi đỗ xe, trạm thu phí,...) hay giáo dục; y tế với việc phát hành, thanh toán đối với thẻ sinh viên, thẻ bảo hiểm, thẻ bệnh viện,...

Đây là bước đi theo đúng xu hướng chung của thế giới nhằm loại trừ các vấn đề về gian lận, giả mạo thẻ đang tồn tại. Sự kiện này cũng đã đưa Vietcombank trở thành ngân hàng có mạng lưới chấp nhận thẻ contactless lớn nhất thị trường, đồng hành với chiến lược quốc gia về phát triển các đô thị thông minh và xã hội phi tiền mặt.



**TIÊN PHONG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỚI 3 LẦN HẠ LÃI SUẤT TRONG NĂM 2019,
ĐƯA LÃI SUẤT CHO VAY VỀ MỨC THẤP NHẤT THỊ TRƯỜNG (5%)**

Bám sát chủ trương của Chính phủ và định hướng của NHNN trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, tập trung tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng đối với doanh nghiệp, trong năm 2019, Vietcombank đã tiên phong hỗ trợ doanh nghiệp với 3 lần giảm lãi suất cho vay, trong đó có 2 lần giảm đối với 5 lĩnh vực ưu tiên và 1 lần giảm 0,5% đồng loạt cho các doanh nghiệp có dư nợ tại Vietcombank nhằm chia sẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Vietcombank tin rằng đây là những hành động thiết thực, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Vietcombank trong việc chủ động, tiên phong thực hiện các chính sách điều hành của Chính phủ và NHNN, nỗ lực vì mục tiêu chung phát triển kinh tế xã hội đất nước.



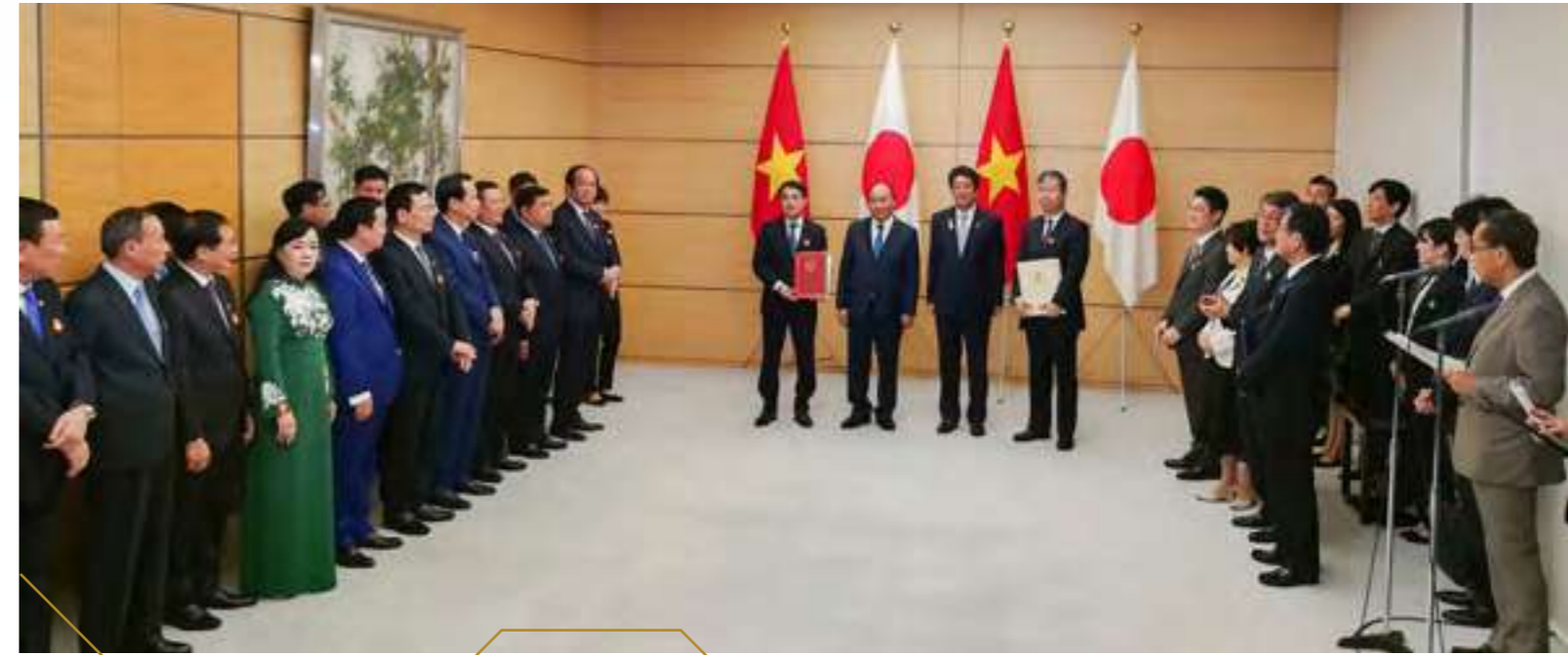
10 DẤU ẤN TIÊU BIỂU CỦA VIETCOMBANK NĂM 2019 (tiếp theo)



NGÂN HÀNG NỘP THUẾ THU NHẬP LỚN NHẤT VIỆT NAM; NGÂN HÀNG CÓ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM

Theo công bố của Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính) năm 2019 về danh sách các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam, Vietcombank tiếp tục là ngân hàng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và là một trong hai doanh nghiệp niêm yết nộp thuế thu nhập lớn nhất cả nước. Kết quả này tiếp tục ghi nhận sự đóng góp quan trọng của Vietcombank đối với ngân sách Nhà nước, đồng thời khẳng định tính hiệu quả vượt trội trong hoạt động kinh doanh của Vietcombank.

Năm 2019, Vietcombank cũng tiếp tục được Công ty Anphabe – đơn vị tư vấn tiên phong về giải pháp thương hiệu nhà tuyển dụng và môi trường làm việc hạnh phúc tại Việt Nam cùng Công ty Intage – Công ty nghiên cứu thị trường hàng đầu Nhật Bản bình chọn là ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam.



ĐỒNG HÀNH TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH "VÌ MỘT VIỆT NAM XANH" VÀ LÀ NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN ĐƯỢC JBIC CẤP KHOẢN TÍN DỤNG 200 TRIỆU USD ĐỂ HỖ TRỢ CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO, NĂNG LƯỢNG XANH TẠI VIỆT NAM

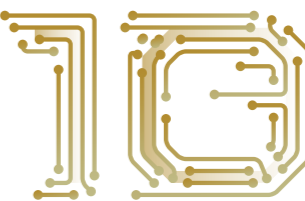
Tiếp tục hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng Xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, Vietcombank đã đồng hành tổ chức chương trình "Vì một Việt Nam Xanh" với mục đích nâng cao nhận thức, trách nhiệm và phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của cán bộ đoàn, đoàn viên, thanh thiếu nhi cả nước tham gia trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh, góp phần bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển bền vững đất nước.

Năm 2019, Vietcombank cũng là ngân hàng đầu tiên được Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật bản (JBIC) cấp khoản tín dụng 200 triệu USD để hỗ trợ các dự án năng lượng tái tạo, năng lượng xanh và bảo vệ môi trường tại Việt Nam.

"NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM" DO TẠP CHÍ EUROMONEY TRAO TẶNG

Năm 2019, Vietcombank vinh dự là ngân hàng duy nhất của Việt Nam được tạp chí Euromoney trao giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam". Giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất" thuộc gói giải thưởng "Awards for Excellence" là giải thưởng danh giá bậc nhất thế giới trong ngành tài chính ngân hàng được Euromoney trao cho các ngân hàng dẫn đầu tại 100 quốc gia trên thế giới.

Giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" được Euromoney trao cho Vietcombank dựa trên đánh giá các yếu tố: Khả năng phát triển bền vững, kết quả kinh doanh, quản lý rủi ro, công nghệ thông tin, chất lượng điều hành và những đóng góp cho thị trường tài chính ngân hàng nội địa.

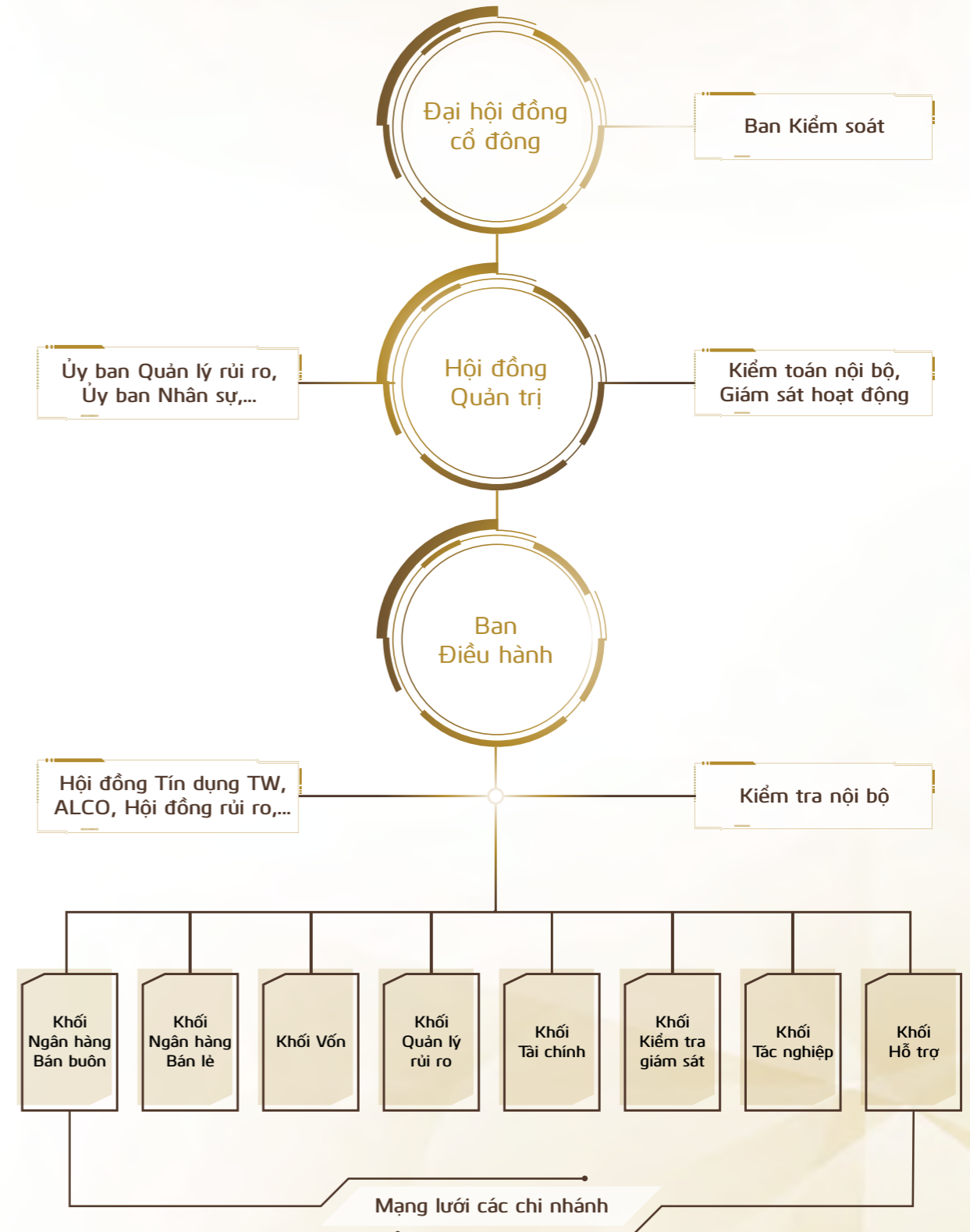


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

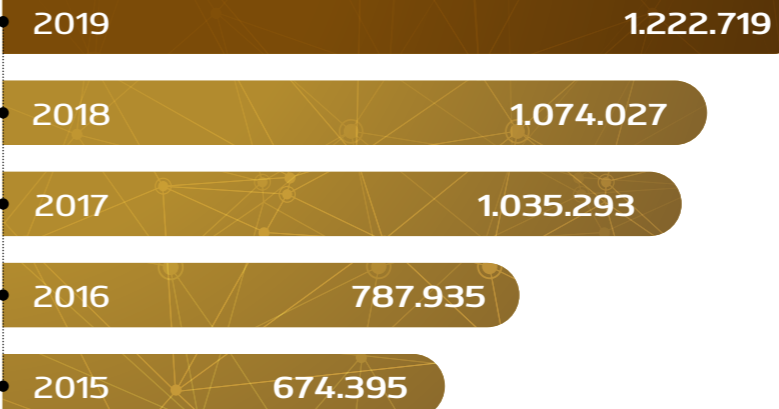


CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

ĐVT: Tỷ VNĐ, %

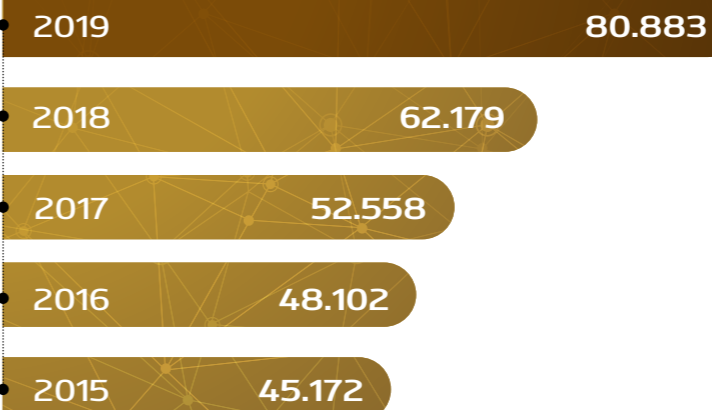
	2015	2016	2017	2018	2019
MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Tổng tài sản	674.395	787.935	1.035.293	1.074.027	1.222.719
Vốn chủ sở hữu	45.172	48.102	52.558	62.179	80.883
Tổng dư nợ TD/TTS	57,4%	58,5%	52,5%	58,8%	60,1 %
Thu nhập ngoài lãi thuần	5.749	6.352	7.469	10.870	11.153
Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh	21.202	24.886	29.406	39.278	45.730
Tổng chi phí hoạt động	(8.306)	(9.950)	(11.866)	(13.611)	(15.818)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	12.896	14.929	17.540	25.667	29.913
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(6.068)	(6.406)	(6.198)	(7.398)	(6.790)
Lợi nhuận trước thuế	6.827	8.523	11.341	18.269	23.122
Thuế TNDN	(1.495)	(1.672)	(2.231)	(3.647)	(4.596)
Lợi nhuận sau thuế	5.332	6.851	9.111	14.622	18.526
Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng	5.314	6.832	9.091	14.606	18.511
MỘT SỐ CHỈ TIÊU AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ					
• <i>Chỉ tiêu hiệu quả</i>					
NIM	2,58%	2,63%	2,66%	2,94%	3,10%
ROAE	12,03%	14,69%	18,09%	25,49%	25,90%
ROAA	0,85%	0,94%	1,00%	1,39%	1,61%
• <i>Chỉ tiêu an toàn</i>					
Tỷ lệ dư nợ tín dụng (bao gồm TPDN)/huy động vốn	76,76%	76,71%	76,74%	77,68%	78,09%
Tỷ lệ nợ xấu	1,79%	1,46%	1,11%	0,97%	0,78%
Hệ số an toàn vốn CAR	11,04%	11,13%	11,63%	12,14%	9,34%

TỔNG TÀI SẢN (Tỷ đồng)



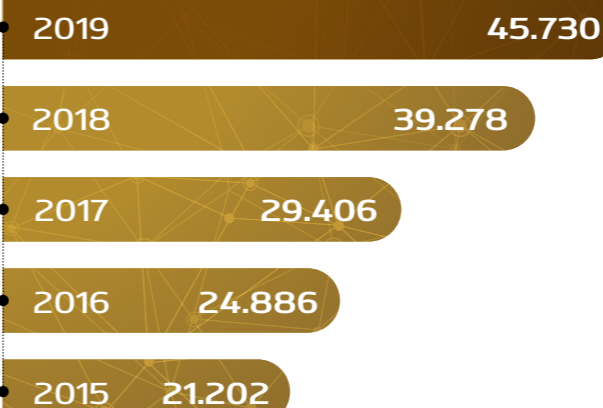
1.222.719
tăng 13,8% so với năm 2018

VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tỷ đồng)



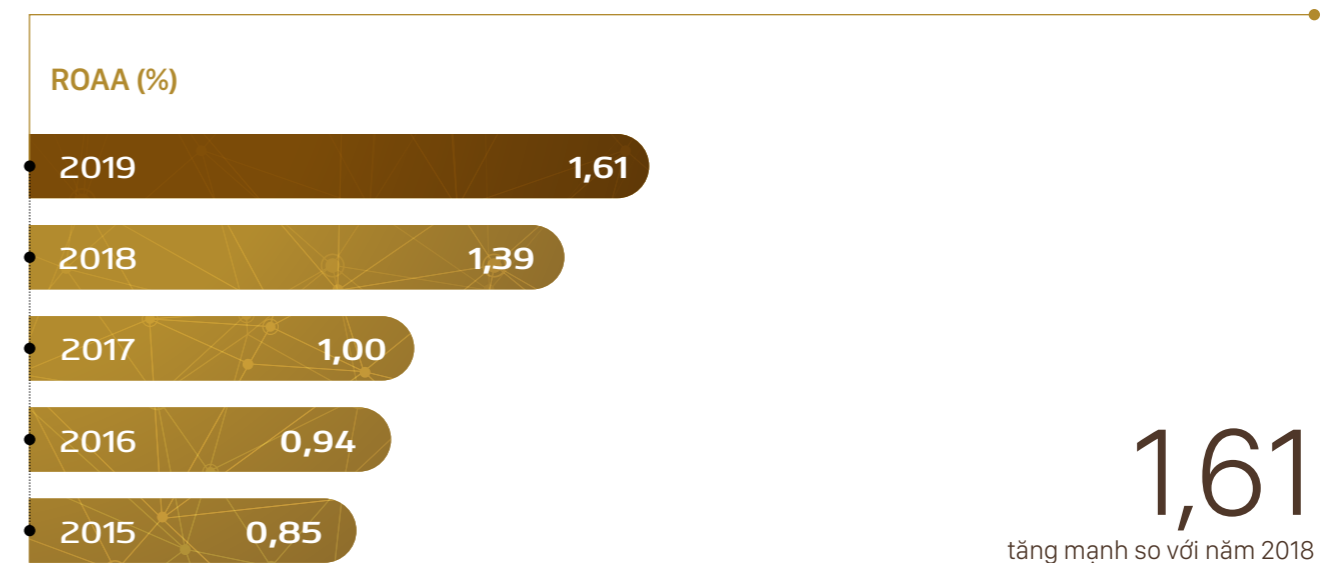
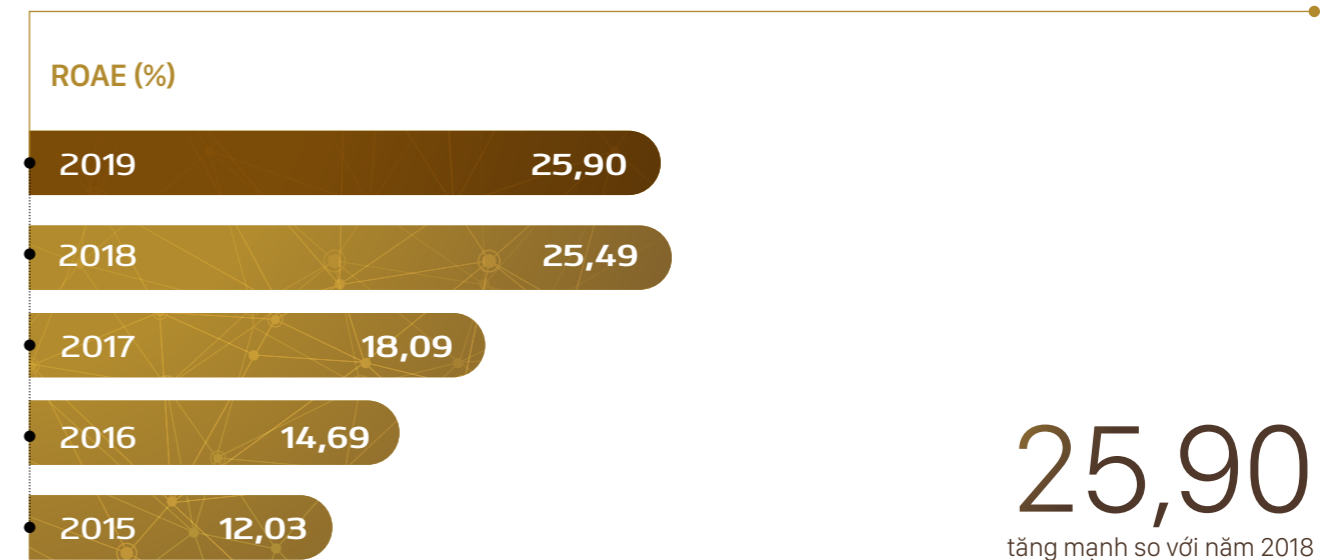
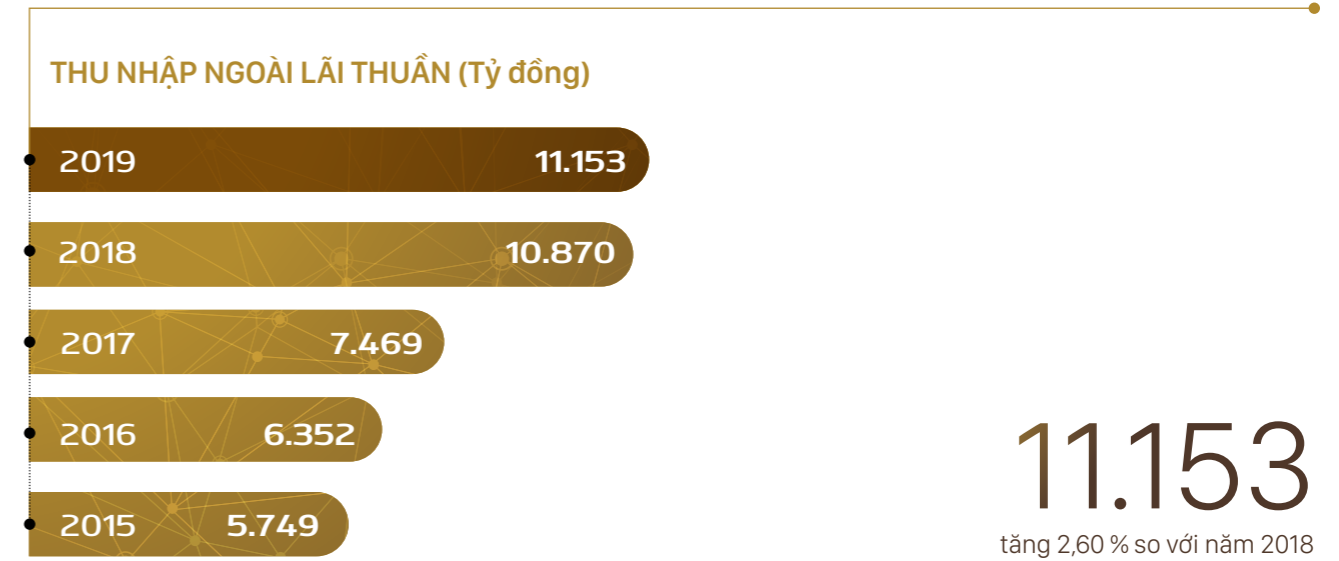
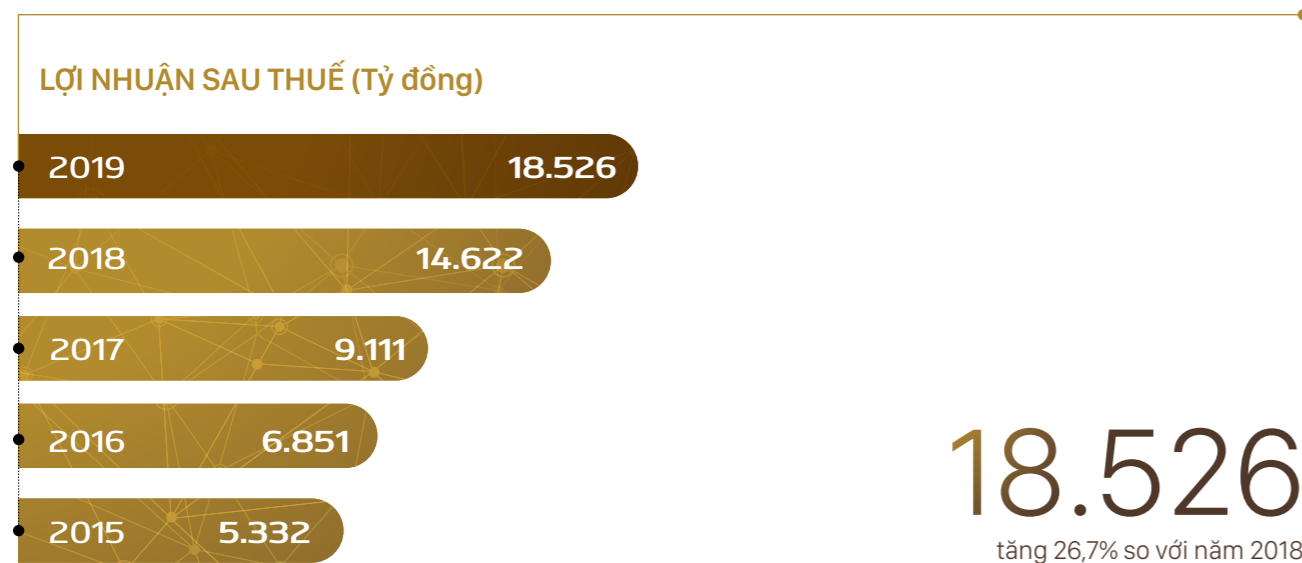
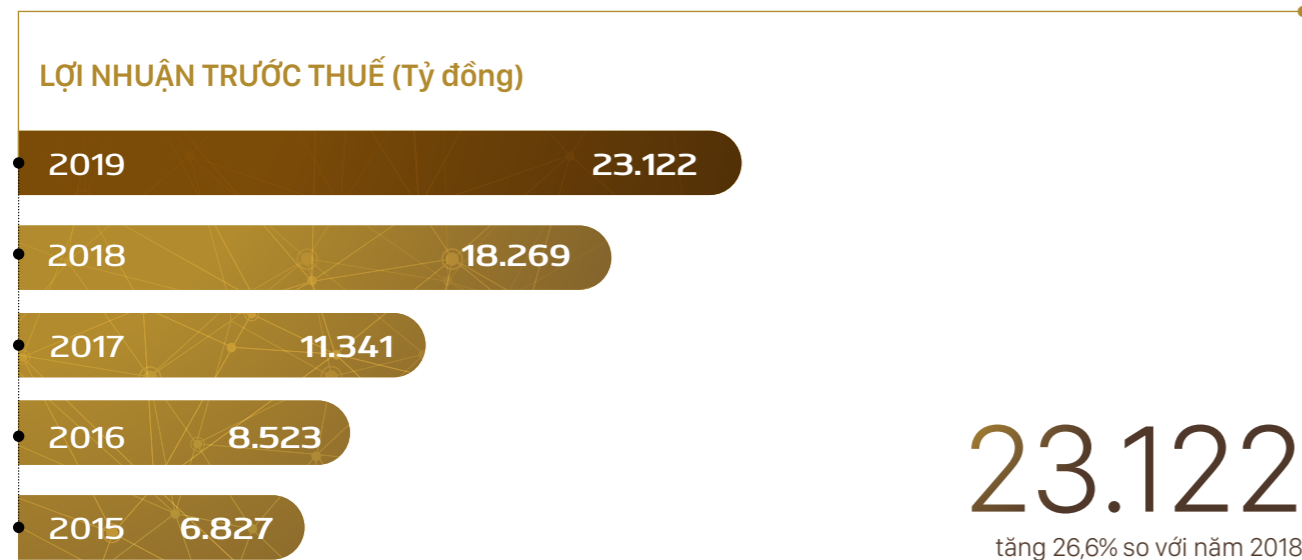
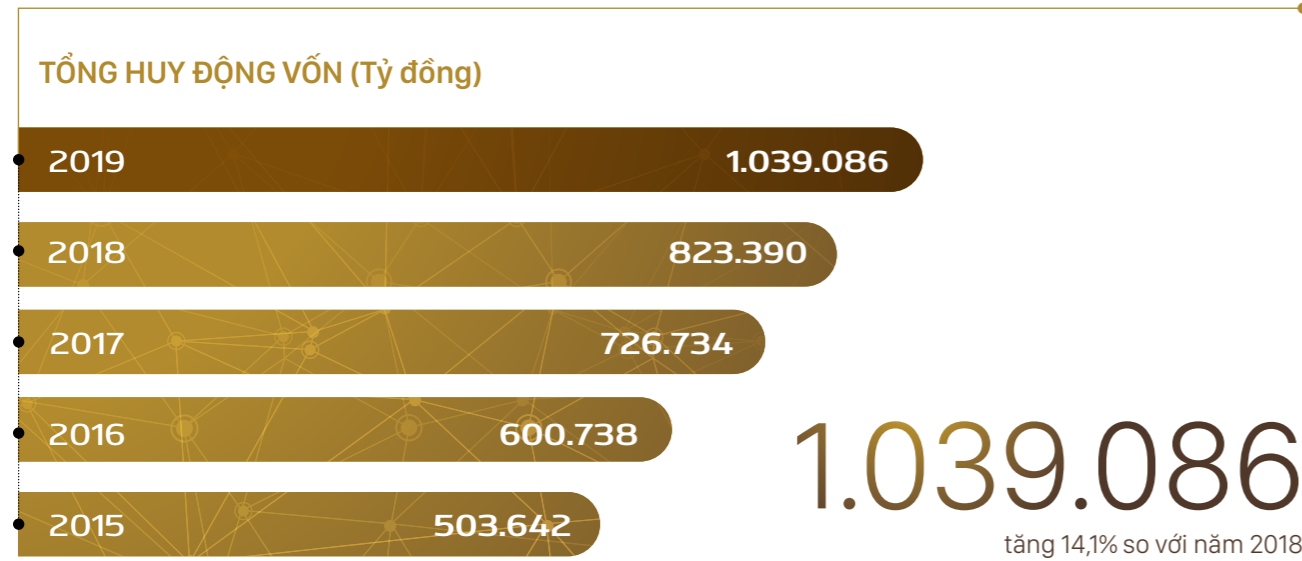
80.883
tăng 30,1% so với năm 2018

TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tỷ đồng)



45.730
tăng 16,4% so với năm 2018

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN (tiếp theo)



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN

NGÂN HÀNG SỐ 1 VIỆT NAM

► Ngân hàng số 1 tại Việt Nam, phấn đấu trở thành một trong 100 Ngân hàng lớn nhất trong khu vực Châu Á, một trong 300 tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới và được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất.

► Ở giai đoạn tiếp theo (sau năm 2020), Vietcombank định hướng tiếp tục duy trì vị thế ngân hàng số 1 tại Việt Nam và từng bước nâng cao vị thế trong khu vực.

CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐẾN 2020



Ngân hàng Số 1 về Bán lẻ và Top 2 về Bán buôn

Củng cố hoạt động bán buôn, đẩy mạnh hoạt động bán lẻ, làm cơ sở cho sự phát triển bền vững. Duy trì và mở rộng thị trường hiện có trong nước và chọn lọc phát triển thị trường nước ngoài.



Ngân hàng có quy mô lợi nhuận lớn nhất và hiệu suất sinh lời cao

Tối ưu hóa tỷ lệ chi phí hoạt động/ thu nhập, nâng cao hiệu quả quản lý chi phí hoạt động, tăng quy mô và chuyển dịch cơ cấu thu nhập cao và bền vững. Đảm bảo các chỉ số an toàn theo quy định của NHNN và mục tiêu của NHNT. Nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư và hiệu quả của các công ty con.



Ngân hàng đứng đầu về mức độ hài lòng của khách hàng

Tăng dần số lượng và doanh số từ khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm, phát triển dịch vụ ngân hàng tiên tiến dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.



Ngân hàng đứng đầu về chất lượng nguồn nhân lực

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua chính sách tuyển dụng, đào tạo, luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ; tăng cường sự gắn bó và hiệu quả của cán bộ.



Ngân hàng quản trị rủi ro tốt nhất

Quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế và không ngừng nâng cao văn hóa quản trị rủi ro.



Ngân hàng đứng đầu về chuyển đổi ngân hàng số

Xây dựng kiến trúc công nghệ hiện đại tiên tiến, đáp ứng yêu cầu phát triển của hoạt động kinh doanh, nhất là các lĩnh vực dịch vụ ngân hàng số và yêu cầu của các dự án chuyển đổi nâng cao năng lực cạnh tranh; chuyển đổi mạnh mẽ sang ngân hàng số (digital banking).

DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG CỦA VIETCOMBANK NĂM 2019

2019 là một năm thành công đối với hệ thống Vietcombank. Những thành quả đạt được đã khẳng định vững chắc vị thế, thương hiệu của Vietcombank ở trong nước, khu vực và quốc tế, là tiền đề cho Vietcombank sẵn sàng bước vào một giai đoạn phát triển mới, chinh phục những đỉnh cao mới.

Bên cạnh kết quả kinh doanh ấn tượng trên tất cả các mặt, vượt mọi chỉ tiêu kế hoạch đề ra, Vietcombank tiếp tục được các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế vinh danh, trao tặng những giải thưởng danh giá. Sự ghi nhận này một lần nữa khẳng định sự lớn mạnh vượt trội của Vietcombank trên bước đường chinh phục khách hàng và hướng tới mục tiêu vươn ra biển lớn.

GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC

TOP 10 THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM NĂM 2019

Tháng 4/2019, tại Hà Nội, Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức chương trình thường niên lần thứ 18 - Liên hoan các Doanh nghiệp Rừng Vàng và Thương hiệu Mạnh Việt Nam 2019 với chủ đề "Vị thế mới - Cơ hội mới" và Lễ công bố và vinh danh Top 100 Doanh nghiệp Rừng Vàng và Thương hiệu Mạnh Việt Nam 2018.

Ban tổ chức đã khảo sát, bình chọn và vinh danh những Doanh nghiệp FDI và Doanh nghiệp Việt Nam có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tích cực đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số và nỗ lực vì sự phát triển của cộng đồng. Vietcombank vinh dự được vinh danh trong Top 10 Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2019.



Đại diện Vietcombank, ông Phạm Mạnh Thắng - Phó Tổng Giám đốc nhận cúp Top 10 thương hiệu mạnh Việt Nam tại sự kiện.



Đại diện Vietcombank, ông Đặng Hoài Đức - Phó Tổng Giám đốc (đứng giữa) đón nhận sự vinh danh của Tạp chí Forbes.

FORBES VIỆT NAM VINH DANH VIETCOMBANK LÀ NGÂN HÀNG VIỆT NAM CÓ GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG CAO NHẤT VƯỢT 10 TỶ USD

Tháng 6/2019, Tạp chí Forbes Việt Nam công bố "Danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất" năm 2019. Trong nhóm ngành tài chính, Vietcombank vinh dự là đại diện duy nhất trong các tổ chức tín dụng quy mô lớn mà Nhà nước giữ cổ phần chi phối, liên tiếp có mặt trong danh sách bình chọn suốt 7 năm qua.

Tạp chí Forbes Việt Nam đánh giá: Năm 2018, Vietcombank ghi nhận lợi nhuận kỷ lục 14.605 tỷ đồng, tăng 60% so với năm 2017, dẫn đầu hệ thống ngân hàng Việt Nam. Con số này thậm chí cao hơn 2.000 tỷ đồng so với tổng lợi nhuận của cả hai ngân hàng VietinBank và BIDV cộng gộp. Trên thị trường chứng khoán, lần đầu Vietcombank vươn lên trở thành nhà quản quỹ về lợi nhuận, xếp trên các tên tuổi lớn như Vinhomes, Vinamilk, PV Gas. Vietcombank hiện trở thành ngân hàng Việt Nam có giá trị vốn hóa thị trường cao nhất vượt 10 tỷ USD.

VIETCOMBANK DẪN ĐẦU CÁC NGÂN HÀNG TRONG DANH SÁCH DOANH NGHIỆP TỶ USD HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM

Tháng 6/2019, tại TP. Hồ Chí Minh, Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư tổ chức Lễ công bố danh sách và tôn vinh "50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam" (Top 50). Vietcombank 7 lần liên tiếp vinh dự được bình chọn trong danh sách Top 50 và dẫn đầu các ngân hàng trong danh sách doanh nghiệp tỷ USD hiệu quả nhất Việt Nam.

Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư đánh giá: "Vietcombank ghi nhận tốc độ tăng trưởng kép về doanh thu giai đoạn năm 2015 - 2018 lên đến 21,8%, tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt ở mức rất cao so với trung bình ngành (16,2%). Trên thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu Vietcombank đã tăng trưởng 73,5% chỉ trong 3 năm qua, đưa doanh nghiệp thuộc diện "phải có" trong danh mục đầu tư của các quỹ lớn".



Bà Phan Thị Thanh Tâm - Phó Trưởng Văn phòng đại diện Vietcombank khu vực phía Nam (thứ 3 từ trái sang) nhận biểu trưng "Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam".

DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG CỦA VIETCOMBANK NĂM 2019 (tiếp theo)

GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC (tiếp theo)

NĂM THỨ 3 LIÊN TIẾP VIETCOMBANK LÀ THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG CÓ GIÁ TRỊ NHẤT VIỆT NAM

Tháng 7/2019, Tạp chí Forbes Việt Nam đã công bố danh sách 50 thương hiệu dẫn đầu. Theo danh sách, Vietcombank là ngân hàng duy nhất nằm trong Top 10 thương hiệu dẫn đầu, giá trị thương hiệu đạt 246,5 triệu USD (tăng 68,6 triệu USD so với năm 2018), tiếp tục dẫn đầu các ngân hàng trên thị trường với khoảng cách 98,5 triệu USD so với ngân hàng đứng thứ 2 và 105,4 triệu USD so với ngân hàng thứ 3. Đây là năm thứ 3 liên tiếp Vietcombank giữ vị trí là thương hiệu ngân hàng có giá trị nhất trong danh sách bình chọn của Forbes Việt Nam.

Ngân hàng	Giá trị thương hiệu (triệu USD)		Thay đổi (triệu USD)	Thay đổi (%)
	2018	2019		
Vietcombank	246,5	177,9	68,6	38,6
BIDV	148	146,2	1,8	1,2
Techcombank	141,1	89,2	51,9	58,2
VietinBank	139,9	153,6	-13,7	-8,9
VPBank	138,3	99,2	39,1	39,4



Đại diện Vietcombank (giữa) nhận giải thưởng đơn vị dẫn đầu Top 10 Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín năm 2019.

VIETCOMBANK TIẾP TỤC LÀ NGÂN HÀNG UY TÍN NHẤT VIỆT NAM

Tháng 8/2019, tại Hà Nội, Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) tổ chức Lễ tôn vinh Top 10 Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín và Top 10 Doanh nghiệp niêm yết uy tín năm 2019. Vietcombank tiếp tục được bình chọn ở vị trí dẫn đầu Top 10 Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín. Đây là năm thứ 3 liên tiếp Vietcombank vinh dự nhận được danh hiệu này. Bảng xếp hạng là kết quả nghiên cứu độc lập và khách quan của Vietnam Report được công bố thường niên từ năm 2016, dựa trên phương pháp Media Coding (mã hóa dữ liệu báo chí) trên truyền thông, kết hợp nghiên cứu chuyên sâu các ngành trọng điểm, có tiềm năng tăng trưởng cao.

Tại buổi lễ, Vietcombank cũng được Vietnam Report vinh danh trong Top 10 Doanh nghiệp niêm yết uy tín năm 2019.



Đại diện Vietcombank nhận giải thưởng từ Ban tổ chức

VIETCOMBANK TIẾP TỤC DẪN ĐẦU CÁC NGÂN HÀNG TRONG TOP 500 DOANH NGHIỆP LỢI NHUẬN TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2019

Tháng 11/2019, Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo điện tử VietNamNet tổ chức Lễ Công bố 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2019. Với kết quả kinh doanh ấn tượng, dẫn đầu ngành Ngân hàng về quy mô lợi nhuận, Vietcombank xuất sắc có mặt trong Top 10 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam của bảng xếp hạng Profit 500 2019 và tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu các ngân hàng thuộc bảng xếp hạng.

So với bảng xếp hạng năm 2018, năm 2019, Vietcombank tăng 3 bậc, xếp hạng 4 trong Top 10 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam.

Với việc nhận giải thưởng này, Vietcombank tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu ngành Ngân hàng tại thị trường Việt Nam, hướng đến mục tiêu trở thành ngân hàng số 1 Việt Nam, một trong 100 ngân hàng hàng đầu khu vực, một trong 300 tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới và được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất vào năm 2020.

VIETCOMBANK - NGÂN HÀNG CÓ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM

Theo kết quả khảo sát "100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2018" của Công ty Anphabe và Công ty nghiên cứu thị trường Intage, Vietcombank tiếp tục khẳng định vị thế là ngân hàng có môi trường làm việc hấp dẫn nhất khi được bình chọn xếp thứ 1 toàn ngành ngân hàng, xếp thứ 2 toàn thị trường Việt Nam với thứ hạng tăng thêm 2 bậc so với năm 2017 và trong Top 50 doanh nghiệp Việt có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất.

Anphabe đánh giá: "Đây không chỉ là thành quả riêng của các cấp quản lý và bộ phận nhân sự, mà còn là minh chứng cho nỗ lực của từng nhân viên Vietcombank trong việc cùng nhau xây dựng một môi trường làm việc lý tưởng và lan tỏa những tình cảm tích cực của Công ty ra bên ngoài".



VIETCOMBANK LÀ NGÂN HÀNG NỘP THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

Tháng 10/2019, Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính) công bố danh sách 1.000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam năm 2018. Trong danh sách, Vietcombank tiếp tục là ngân hàng nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam và là một trong 2 doanh nghiệp niêm yết nộp thuế thu nhập lớn nhất cả nước.

Kết quả này tiếp tục ghi nhận sự đóng góp quan trọng của Vietcombank đối với ngân sách Nhà nước, đồng thời khẳng định tính hiệu quả vượt trội trong hoạt động kinh doanh của Vietcombank.

DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG CỦA VIETCOMBANK NĂM 2019 (tiếp theo)

GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ



Ông Thomas William Tobin – Giám đốc Khối Bán lẻ Vietcombank (thứ 2 từ trái sang) nhận giải thưởng từ đại diện Tạp chí The Asian Banker.

VIETCOMBANK NHẬN GIẢI THƯỞNG “NGÂN HÀNG CÓ SÁNG KIẾN MOBILE BANKING TỐT NHẤT VIỆT NAM” CỦA THE ASIAN BANKER

Tháng 1/2019, tại Hà Nội, trong khuôn khổ hội thảo Triển vọng ngành Dịch vụ Ngân hàng – Tài chính, Tạp chí The Asian Banker (TAB) đã trang trọng tổ chức Lễ trao giải “Giải thưởng quốc gia Việt Nam 2019”. Vietcombank vinh dự nhận giải thưởng “Ngân hàng có sáng kiến Mobile Banking tốt nhất Việt Nam”.

Giải thưởng này được đánh giá dựa trên một quá trình lựa chọn, đánh giá khách quan với sự tham gia của nhóm các nhà nghiên cứu cấp cao có kinh nghiệm thẩm định hơn 200 tổ chức tài chính trên toàn cầu, qua đó cung cấp các chuẩn mực chính xác về hiệu quả hoạt động của hơn 25 tổ chức tài chính tại Việt Nam trong năm ở nhiều mảng khác nhau.

VIETCOMBANK LÀ NGÂN HÀNG VIỆT NAM DUY NHẤT CÓ MẶT TRONG TOP 30 NGÂN HÀNG MẠNH NHẤT KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Tháng 2/2019, Tạp chí The Asian Banker công bố danh sách 500 ngân hàng mạnh nhất khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Danh sách được lựa chọn dựa trên quy mô tài sản và một số tiêu chí khác để xếp hạng 500 ngân hàng hàng đầu (AB500Rank) và 500 ngân hàng mạnh nhất dựa trên niềm tin về khả năng sinh lời lâu dài từ kinh doanh cốt lõi của các ngân hàng (Strength Rank) hay các ngân hàng mạnh nhất khu vực.

14 ngân hàng Việt Nam có mặt trong danh sách bình chọn. Xét về Strength Rank, Vietcombank vẫn là ngân hàng đứng đầu trong số 14 ngân hàng Việt Nam lọt Top 500 và xếp thứ 29, tăng 19 bậc so với xếp hạng năm 2017.

Xét về xếp hạng ngân hàng hàng đầu (AB500Rank), Vietcombank tiếp tục đứng ở nhóm ngân hàng hàng đầu trong số các ngân hàng của Việt Nam lọt danh sách và đứng thứ 169 trong bảng xếp hạng của khu vực, tăng 19 bậc so với năm trước.



Đại diện Vietcombank, ông Phạm Mạnh Thắng – Phó Tổng Giám đốc (thứ 3 từ trái sang) và bà Phan Khánh Ngọc – Trưởng phòng Quan hệ Công chúng TSC (thứ 3 từ phải sang) nhận giải thưởng do The Asian Banker trao tặng

VIETCOMBANK NHẬN GIẢI THƯỞNG NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM TRÊN CÁC LĨNH VỰC: GIAO DỊCH, NGOẠI HỐI VÀ QUẢN LÝ TIỀN MẶT

Tháng 5/2019, tại Thái Lan, trong khuôn khổ Hội nghị “Triển vọng ngành Tài chính 2019”, Vietcombank vinh dự được tạp chí The Asian Banker trao tặng các giải thưởng “Ngân hàng giao dịch tốt nhất Việt Nam”, “Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam” và “Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản lý tiền mặt tốt nhất Việt Nam”.

Theo đánh giá xếp hạng của The Asian Banker, 2018 là năm thành công vượt trội của Vietcombank với vị thế là ngân hàng Việt Nam duy nhất có mặt trong Top 30 ngân hàng mạnh nhất khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời được đánh giá cao tại ba lĩnh vực: giao dịch, cung cấp dịch vụ ngoại hối và quản lý tiền mặt.

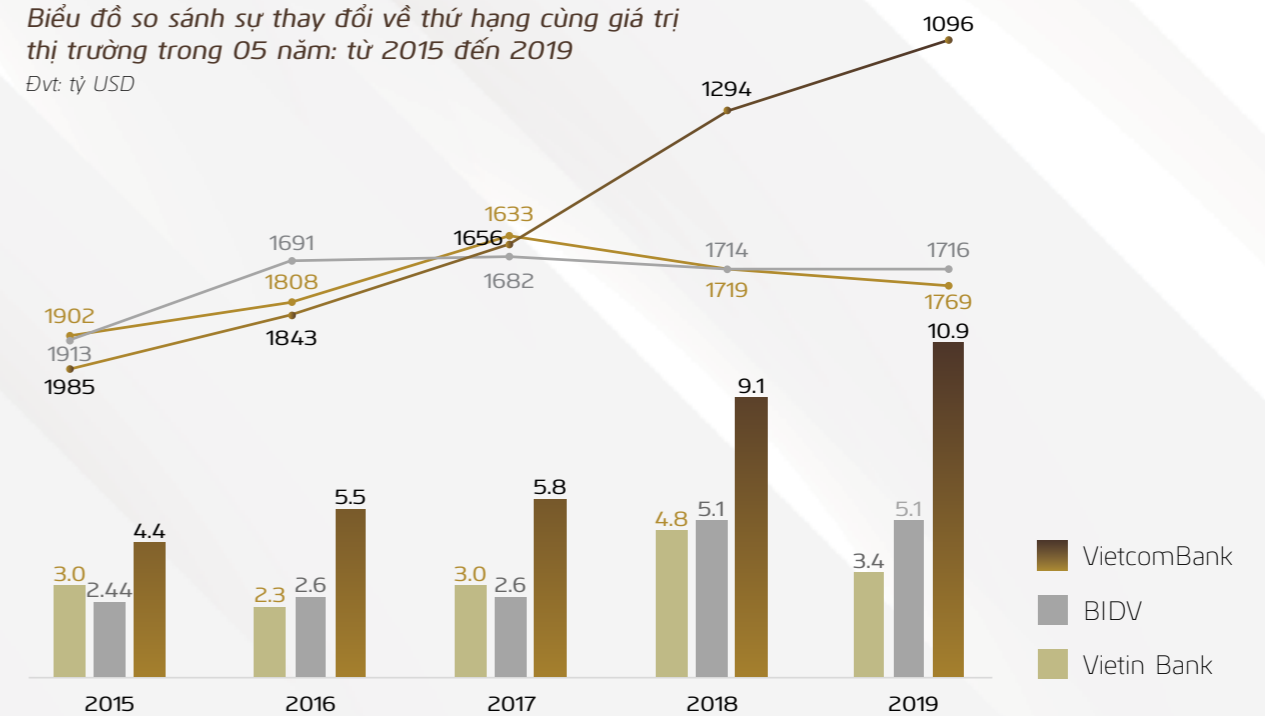
VIETCOMBANK NẪM TRONG BẢNG XẾP HẠNG “THE WORLD’S LARGEST PUBLIC COMPANIES 2019” CỦA FORBES

Trong Bảng xếp hạng “The World’s Largest Public Companies 2019” của Forbes, Vietcombank ở vị trí dẫn đầu trong số các công ty Việt Nam và đứng thứ 1.096, tăng tới 198 bậc so với năm 2018. Với giá trị thị trường đạt ngưỡng 10,9 tỷ USD, chỉ trong vòng 5 năm, giá trị thị trường của Vietcombank đã gia tăng gần 3 lần so với thời điểm 2015, năm bắt đầu bước vào giai đoạn tái cơ cấu 2016 - 2020.

Forbes tính toán thứ hạng cho các công ty dựa trên tổng điểm của doanh thu, lợi nhuận, tài sản và vốn hóa thị trường. Đây là năm thứ 17 liên tiếp Forbes đưa ra danh sách Global 2000 (2.000 công ty niêm yết lớn nhất thế giới).

Biểu đồ so sánh sự thay đổi về thứ hạng cùng giá trị thị trường trong 05 năm: từ 2015 đến 2019

Đvt: tỷ USD



DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG CỦA VIETCOMBANK NĂM 2019 (tiếp theo)

GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ (tiếp theo)



Đại diện Vietcombank, bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Phó Tổng Giám đốc (thứ 2 từ phải sang) và ông Nguyễn Tiến Đạt – Phó Trưởng phòng Kế hoạch TSC (thứ 2 từ trái sang) nhận giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam” năm 2019 do tạp chí Euromoney trao tặng.

VIETCOMBANK NHẬN GIẢI THƯỞNG “NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM” CỦA TẠP CHÍ EUROMONEY

Tháng 7/2019, tại Hồng Kông (Trung Quốc), Tạp chí Euromoney tổ chức Lễ trao giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất năm 2019”. Cùng với sự có mặt của các thương hiệu lớn như Credit Suisse, DBS Bank, Morgan Stanley, HSBC, Bank of America Merrill Lynch, UOB, UBS, Goldman Sachs,... Vietcombank vinh dự là ngân hàng duy nhất của Việt Nam được tạp chí Euromoney mời tham dự Lễ trao giải và nhận giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2019”. Đây là lần thứ 5 Vietcombank nhận được giải thưởng này từ Euromoney.

Giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam” được trao cho một ngân hàng dẫn đầu tại Việt Nam hàng năm, dựa trên các yếu tố: khả năng phát triển bền vững, kết quả kinh doanh, quản lý rủi ro, công nghệ thông tin, chất lượng điều hành và những đóng góp cho thị trường tài chính ngân hàng nội địa.

VIETCOMBANK NHẬN GIẢI THƯỞNG NGÂN HÀNG QUẢN TRỊ RỦI RO THẺ XUẤT SẮC KHU VỰC ĐÔNG NAM Á CỦA VISA

Tháng 6/2019, tại Trung Quốc, Tổ chức thẻ quốc tế Visa đã tổ chức trao giải thưởng Champion Security Award cho 08 ngân hàng, tổ chức tài chính tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Vietcombank là đại diện ngân hàng Việt Nam đầu tiên và duy nhất đến nay vinh dự được đón nhận giải thưởng rất có ý nghĩa này.

Giải thưởng này là sự ghi nhận của Visa cho những nỗ lực trong việc quản lý và phòng chống rủi ro, gian lận giao dịch thẻ rất hiệu quả của Vietcombank nhiều năm qua nhằm nỗ lực mang đến cho khách hàng phương thức thanh toán văn minh, hiện đại và an toàn bảo mật cũng như những cam kết dài hạn của Vietcombank trong việc tạo lập hệ sinh thái thanh toán không dùng tiền mặt thân thiện, an toàn cho cộng đồng.



Đại diện Trung tâm thẻ Vietcombank nhận giải thưởng do Tổ chức thẻ quốc tế Visa trao tặng.

VIETCOMBANK NHẬN GIẢI THƯỞNG “NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2019” CỦA TẠP CHÍ FINANCE ASIA

Tháng 6/2019, tại Hồng Kông (Trung Quốc), Tạp chí Finance Asia đã tổ chức Lễ trao giải “Ngân hàng tốt nhất năm 2019”. Vietcombank vinh dự nhận giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2019” của tạp chí Finance Asia. Đây là lần thứ 5 liên tiếp Vietcombank vinh dự nhận giải thưởng này từ tạp chí Finance Asia.

Finance Asia đánh giá Vietcombank đã có nhiều nỗ lực trong phát triển phương thức kinh doanh cân bằng dựa trên việc xây dựng doanh thu bán lẻ và giảm phụ thuộc vào tín dụng doanh nghiệp, thị phần bán lẻ trong tổng doanh thu của Vietcombank đã tăng từ 30% lên 46%.



Ông Nguyễn Ngọc Ban – Giám đốc công ty tài chính Việt Nam tại Hongkong (Vinafico) đón nhận sự vinh danh của tạp chí Finance Asia

VIETCOMBANK - NGÂN HÀNG VIỆT NAM DUY NHẤT LỘT TOP 100 DOANH NGHIỆP QUYỀN LỰC NHẤT TRONG BẢNG XẾP HẠNG CỦA NIKKEI

Tháng 7/2019, Tạp chí Nikkei công bố Bảng xếp hạng Asia300, cung cấp cái nhìn tổng quan về những doanh nghiệp đang hướng tới việc trở thành lực lượng thống trị trong thế kỷ 21. Đây là danh sách độc quyền của Nikkei về các công ty lớn nhất và phát triển nhanh nhất từ các nền kinh tế trên khắp lục địa.

5 đại diện của Việt Nam gồm: Vietcombank, FPT, PetroVietnam, Vinamilk và Vingroup có mặt trong danh sách Asia300 của Nikkei.

Nikkei đồng thời cũng công bố Top 100 doanh nghiệp quyền lực nhất trong bảng xếp hạng này và có xếp thứ hạng. Ba doanh nghiệp Việt Nam lọt Top 100 là Vinamilk - đứng vị trí thứ 25, Vietcombank - đứng thứ 54 và PetroVietnam, xếp thứ 84.

STT	Công ty	Ngành	Tăng trưởng doanh thu	Tăng trưởng lợi nhuận ròng	Biên lợi nhuận ròng	ROE	Tỷ lệ tài sản được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu
50	Swire Pacific/ Tập đoàn Swire Pacific	Conglomerate/ Tập đoàn đa ngành	96	91	30	199	59
51	Spring Airlines/ Hãng hàng không Spring Airlines	Airline/ Hãng không	64	75	125	111	102
52	Dabur India/ Công ty TNHH Dabur Ấn Độ	Consumer products/ Hàng tiêu dùng	202	114	87	29	46
53	Formosa Plastics/ Tập đoàn Nhựa Formosa	Chemicals/ Ngành hóa chất	247	49	50	108	32
54	Commercial bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank)/Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam	Finance/ Ngành Tài chính Ngân hàng	43	27	71	42	322
55	Singapore Exchange/ Sở giao dịch chứng khoán Singapore	Financial exchange/ Giao dịch chứng khoán	207	187	12	14	91
56	Bank Central Asia /Ngân hàng Trung ương Châu Á	Finance/ Ngành Tài chính Ngân hàng	78	85	19	68	262

DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG CỦA VIETCOMBANK NĂM 2019 (tiếp theo)

GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ (tiếp theo)

VIETCOMBANK NHẬN GIẢI THƯỞNG NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VÀ CÔNG TY NỔI BẬT NHẤT TRONG NGÀNH TÀI CHÍNH VIỆT NAM CỦA ASIAMONEY

Tháng 9/2019, tại Singapore, Tạp chí Asiamoney tổ chức Lễ vinh danh và trao các giải thưởng quan trọng thuộc hạng mục giải thưởng quốc gia và hạng mục giải thưởng "Các công ty nổi bật nhất châu Á" cho các định chế tài chính xuất sắc nhất khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Vietcombank vinh dự được Asiamoney trao tặng 3 giải thưởng quan trọng gồm: "Ngân hàng nội địa tốt nhất Việt Nam" (Best Domestic Bank in Vietnam), "Ngân hàng cung cấp dịch vụ tốt nhất Việt Nam dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ" (Best Bank for SMEs in Vietnam) thuộc hạng mục giải thưởng quốc gia và giải "Công ty nổi bật nhất trong ngành Tài chính tại Việt Nam" (Most Outstanding Company in Vietnam - Financial Sector) thuộc hạng mục giải thưởng "Các công ty nổi bật nhất châu Á".



VIETCOMBANK ĐƯỢC THE ASIAN BANKER VINH DANH LÀ NGÂN HÀNG MẠNH NHẤT VIỆT NAM

Tháng 9/2019, trong khuôn khổ Hội nghị thường niên về thanh toán quốc tế Sibos tại Anh, Tạp chí The Asian Banker (TAB) đã tổ chức Lễ vinh danh 500 ngân hàng lớn và mạnh nhất thế giới. Vietcombank là ngân hàng duy nhất của Việt Nam được Tạp chí The Asian Banker mời tham dự sự kiện và vinh dự nhận giải thưởng "Ngân hàng có bảng cân đối tài chính mạnh nhất Việt Nam" năm 2019. Đây là năm thứ tư liên tiếp Vietcombank nhận được giải thưởng này.

Đại diện Vietcombank, bà Phạm Văn Giang – Phó Trưởng Ban Định chế Tài chính (đứng giữa) nhận Giải thưởng từ đại diện The Asian Banker.

VIETCOMBANK NHẬN GIẢI THƯỞNG "NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM" DO ALPHA SEA TRAO TẶNG

Tháng 9/2019, tại Singapore, Tạp chí Alpha Southeast Asia (Alpha SEA) tổ chức Lễ vinh danh các định chế tài chính xuất sắc nhất khu vực Đông Nam Á. Vietcombank vinh dự là đơn vị duy nhất của Việt Nam được Alpha SEA mời tham dự lễ trao giải và nhận giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" năm 2019.

Đánh giá về Vietcombank, Alpha SEA nhận định: Với việc giữ vững vị thế dẫn đầu, Vietcombank là lựa chọn hàng đầu của các doanh nghiệp, định chế tài chính với mạng lưới khách hàng phát triển ngày một rộng khắp.

Đại diện Vietcombank, bà Vũ Thị Bích Thu – Trưởng VPĐD tại Singapore (thứ 2 từ trái sang) nhận giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" của Tạp chí Alpha SEA.



VIETCOMBANK NHẬN CÁC GIẢI THƯỞNG CỦA TỔ CHỨC THẺ QUỐC TẾ JCB

Vietcombank vinh dự nhận được 4 Giải thưởng quan trọng của Tổ chức thẻ quốc tế JCB dành cho các Ngân hàng thành viên tại Việt Nam năm 2019.

Tại Hội nghị thường niên năm 2019 của Tổ chức thẻ quốc tế JCB diễn ra tại Vũng Tàu, JCB đã vinh danh Vietcombank tại 4 hạng mục giải thưởng quan trọng bao gồm: Ngân hàng dẫn đầu về Tổng Doanh số sử dụng thẻ JCB (Leading Licensee in Total Retail Spending Volume), Ngân hàng dẫn đầu về Tổng doanh số thanh toán thẻ JCB (Leading Licensee in Merchant Sales), Ngân hàng dẫn đầu về việc sử dụng thẻ JCB ở nước ngoài (Leading Licensee in Cross Border Retail Spending Performance), Ngân hàng dẫn đầu về sản phẩm mới (Leading Licensee in New Product).



Bà Trần Thị Hạnh – Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ Vietcombank nhận giải thưởng do đại diện TCTQT JCB trao tặng.

VIETCOMBANK NHẬN 6 GIẢI THƯỞNG QUAN TRỌNG DO TỔ CHỨC THẺ QUỐC TẾ VISA TRAO TẶNG

Tháng 11/2019, tại Phú Quốc, trong khuôn khổ Hội nghị khách hàng thường niên năm 2019 của Tổ chức thẻ quốc tế Visa, Vietcombank được vinh danh tại 6 hạng mục giải thưởng quan trọng, bao gồm: Ngân hàng dẫn đầu về doanh số chi tiêu thẻ (Leadership in Payment Volume 2019); Ngân hàng dẫn đầu về doanh số chi tiêu thẻ ghi nợ (Leadership in Debit Payment Volume 2019); Ngân hàng dẫn đầu về doanh số thanh toán thẻ (Leadership in Merchants Sales Volume 2019); Ngân hàng dẫn đầu về doanh số chi tiêu thẻ ở nước ngoài (Leadership in Cross-Border Payment Volume 2019); Ngân hàng dẫn đầu về tỷ lệ kích hoạt thiết bị thanh toán thẻ không tiếp xúc (Leadership in Contactless active terminals penetration 2019); Ngân hàng đầu tiên ra mắt thiết kế thẻ theo công nghệ Visa QuickRead (First Bank to launch Visa QuickRead 2019).



Ông Thomas William Tobin – Giám đốc Khối bán lẻ Vietcombank nhận giải thưởng Ngân hàng dẫn đầu về doanh số chi tiêu thẻ năm 2019

TỔNG HUY ĐỘNG VỐN (Tỷ đồng)

1.039.086

tăng 14,1% so với 2018

CHƯƠNG 2

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

54	Tình hình tài chính năm 2019
56	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
58-63	Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
64-79	Đánh giá kết quả hoạt động năm 2019
80-85	Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2020
86-89	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank

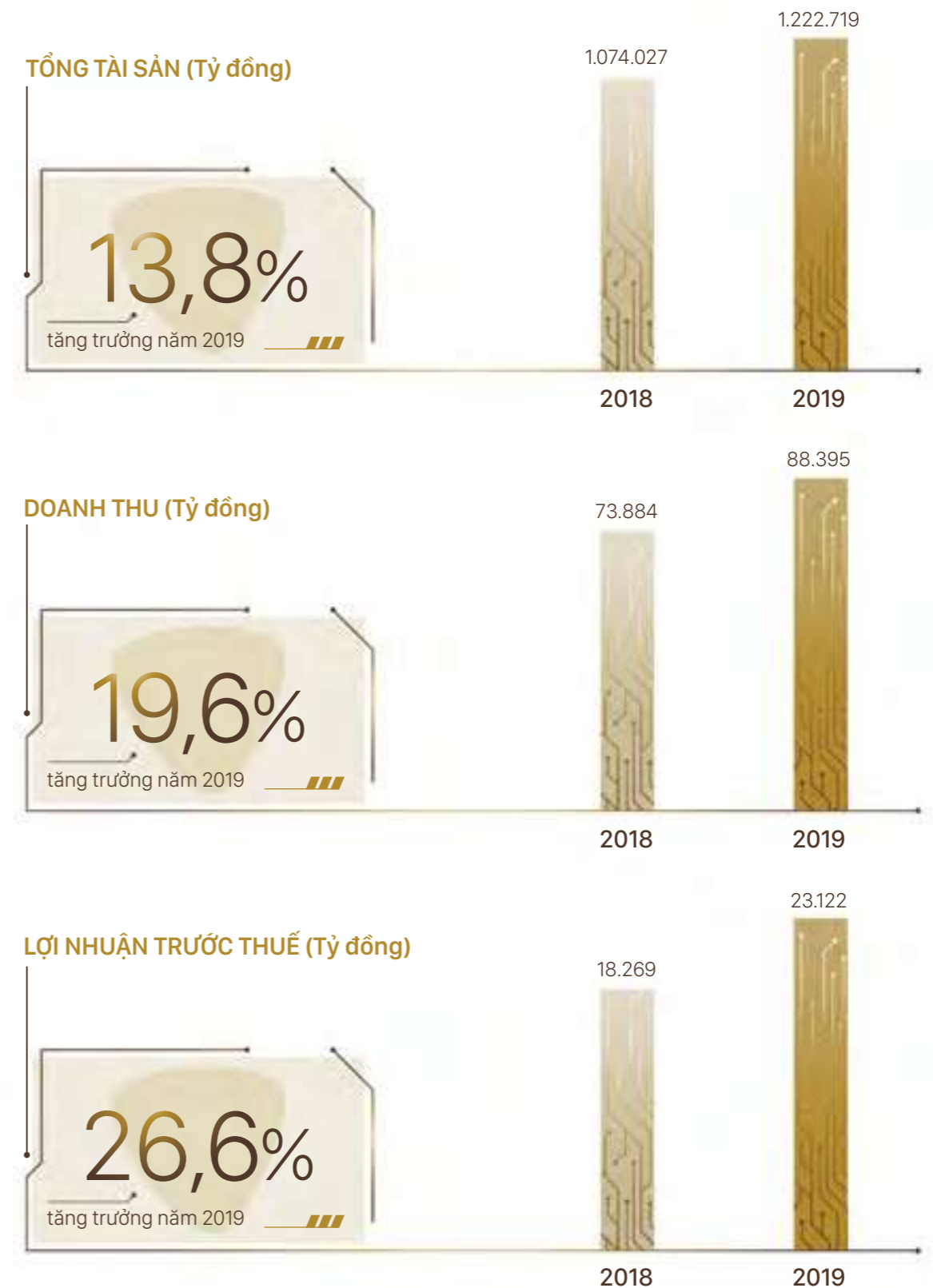
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Tỷ VNĐ, %

	2018	2019
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
Tổng tài sản	1.074.027	1.222.719
Doanh thu	73.884	88.395
Thuế và các khoản phải nộp (Số đã nộp trong kỳ)	4.141	6.751
Lợi nhuận trước thuế	18.269	23.122
Lợi nhuận sau thuế	14.622	18.526
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu		
• Quy mô vốn		
Vốn điều lệ	35.978	37.089
Tổng tài sản có	1.074.027	1.222.719
Tỷ lệ an toàn vốn (*)	12,14%	9,34%
• Kết quả hoạt động kinh doanh		
Doanh số huy động tiền gửi	14.772.709	17.486.521
Doanh số cho vay	1.623.756	1.718.858
Doanh số thu nợ	1.534.396	1.617.310
Nợ xấu	6.223	5.804
Tỷ lệ tín dụng (bao gồm TPDN)/tổng vốn huy động thị trường 1 (quy VNĐ)	77,68%	78,09%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	1,57%	0,25%
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ tín dụng	1,58%	1,56%
Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ tín dụng thị trường 1	0,97%	0,78%
• Khả năng thanh toán		
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	24,1%	22,0%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
• VNĐ	91,8%	86,9%
• USD và Ngoại tệ khác quy USD	104,0%	96,6%

(*) Năm 2018, tỷ lệ an toàn vốn của Vietcombank áp dụng theo quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014.

Kể từ năm 2019, Vietcombank bắt đầu áp dụng theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TỔNG SỐ CỔ PHẦN
3.708.877.448

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
3.708.877.448	Cổ phần phổ thông	378.103.902	3.330.773.546

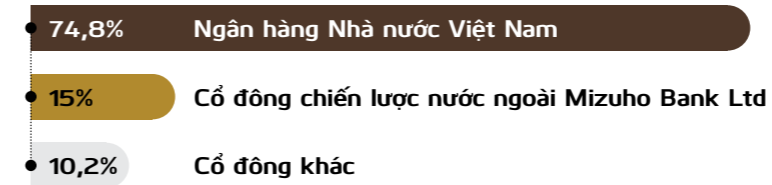
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ SỐ CỔ PHẦN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG

Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
1 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	2.774.353.387	2.774.353.387	Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Các TCTD số 47/2010/QH12: "Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ."
2 Cổ đông nội bộ	85.226	85.226	
• Hội đồng Quản trị	71.590	71.590	
• Ban Kiểm soát	13.636	13.636	
3 Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd.	556.334.933	556.334.933	
Tổng	3.330.773.546	3.330.773.546	

- Theo QĐ số 2526/QĐ-NHNN ngày 05/12/2014 của NHNN v/v cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Vietcombank, ông Nghiêm Xuân Thành - Chủ tịch HĐQT Vietcombank đại diện 40% vốn Nhà nước, ông Phạm Quang Dũng - Ủy viên HĐQT, TGD Vietcombank đại diện 30% vốn Nhà nước tại Vietcombank.
- Theo QĐ số 909/QĐ-NHNN ngày 26/04/2019 của NHNN v/v chuyển đổi công tác cán bộ, trong đó có nội dung cử ông Đỗ Việt Hùng là người đại diện 30% vốn Nhà nước tại Vietcombank.

SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG

24.331



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
I Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	2.774.353.387	74,8%	1
II Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd	556.334.933	15,00%	1
III Cổ đông khác	378.189.128	10,2%	24.329
1 Cổ đông là cá nhân trong nước	31.332.500	0,84%	22.953
2 Cổ đông là tổ chức trong nước	18.601.077	0,50%	151
3 Cổ đông là cá nhân nước ngoài	6.592.681	0,18%	999
4 Cổ đông là tổ chức nước ngoài	321.662.870	8,67%	226
Tổng	3.708.877.448	100,00%	24.331

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1 NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	47-49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.774.353.387	74,8%
2 MIZUHO BANK. LTD	1-5-5 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	556.334.933	15,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Vietcombank chốt tại ngày 31/12/2019 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam - VSD cung cấp)

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ/THOÁI VỐN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ/THOÁI VỐN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019

Trong năm 2019, Vietcombank đã thực hiện thoái một phần vốn đầu tư tại Tổng Công ty Hàng không Việt Nam như sau:

ĐVT: Tỷ VNĐ, %

Stt	Tên đơn vị	Vốn đầu tư 31/12/2019	Vốn đầu tư 31/12/2018	Thoái vốn
1	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	305,58	353,18	47,59



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ/THOÁI VỐN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019

Thông tin chung công ty con

ĐVT: Tỷ VNĐ, %

Tên	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2019	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	VCBS	Giấy phép hoạt động số 09/GPHDKD ngày 24/04/2002 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 63/GPDC-UBCK ngày 29/12/2017 do UBCKNN cấp.	Chứng khoán	700,00	100%
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Vietcombank	VCBL	Giấy phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31/10/2017 do Ngân hàng Nhà nước cấp	Cho thuê tài chính	500,00	100%
Công ty TNHH MTV Kiều hối Vietcombank	VCBR	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314633162 ngày 20/09/2017 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp	Chi trả Kiều hối	30,00	100%
Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào	VCB Lào	Giấy phép hoạt động số 88/BOL ngày 25/5/2018 do Ngân hàng Trung ương Lào cấp	Ngân hàng	1.840	100%
Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông	VFC	Đăng ký kinh doanh số 58327 ngày 10/02/1978 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp	Dịch vụ Tài chính	116,90	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	VCBM	Giấy Đăng ký kinh doanh số E0321392009_6 ngày 15/06/2009 do chính quyền bang Nevada, Hoa Kỳ cấp	Chuyển tiền Kiều hối	204,98	87,5%
Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198	VCBT	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30/05/1996 và sửa đổi lần gần đây nhất theo giấy phép ngày 30/01/2019 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	Cho thuê văn phòng	70,00	70%

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (tiếp theo)

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ/THOÁI VỐN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019 (tiếp theo)

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của công ty con

VCBL Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Vietcombank

DỰ NỢ CHO THUÊ TÀI CHÍNH (Tỷ đồng)

4.436,5

đạt 100% kế hoạch

VCBL là Công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính. Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 97,39 tỷ đồng, đạt 80,5% kế hoạch lợi nhuận được giao. Dự nợ cho thuê tài chính của VietcombankL đến cuối năm 2019 đạt 4.436,5 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch được giao.

VCBS Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)

180,81

đạt 78,6% kế hoạch

VCBS là công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Thị trường chứng khoán tuy có nhiều biến động nhưng Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh tích cực. Lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2019 đạt 180,81 tỷ đồng, đạt 78,6% kế hoạch.

VCB Lào Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)

32,22

đạt 81% kế hoạch

VCB Lào là ngân hàng con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tại thị trường Lào, chính thức hoạt động từ tháng 07/2018. Trong năm 2019, VCB Lào hoạt động tương đối hiệu quả, lợi nhuận trước thuế đạt 32,22 tỷ đồng, đạt 81% kế hoạch.

VCBM Công ty Chuyển tiền Vietcombank

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)

4,55

vượt 57% kế hoạch

VCBM là công ty con do Vietcombank nắm giữ 87,5% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực chuyển tiền kiều hối tại Mỹ và chuyển về Việt Nam thông qua các đối tác chi trả trong nước. Trong năm 2019, VCBM tiếp tục mở rộng mạng lưới với hệ thống 150 đại lý tại 19 bang, tăng 18 đại lý so với cuối năm 2018. Lợi nhuận trước thuế năm 2019 của VCBM đạt 4,55 tỷ đồng, vượt 57% kế hoạch.

VFC Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)

9,08

vượt 24% kế hoạch

VFC là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính tại thị trường Hong Kong. Một số mảng hoạt động chính của Công ty là: nhận tiền gửi, tín dụng, dịch vụ thanh toán, chuyển tiền. Lợi nhuận trước thuế của VFC năm 2019 đạt 9,08 tỷ đồng, vượt 24% kế hoạch.

VCBR Công ty TNHH Một thành viên Kiều hối Vietcombank

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)

2,42

vượt kế hoạch được giao

VCBR là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực nhận kiều hối từ đối tác nước ngoài và thực hiện chi, trả cho người thụ hưởng tại Việt Nam. Lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2019 đạt 2,42 tỷ đồng vượt kế hoạch được giao.

VCBT Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)

60,61

vượt 13% kế hoạch

VCBT là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Công ty FELS Property Holdings Pte, Ltd. của Singapore với tỷ lệ vốn góp là 70:30, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng tại tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Do đặc thù thuận lợi về vị trí và khách hàng nên năm 2019 Công ty tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 60,61 tỷ đồng, vượt 13% kế hoạch.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (tiếp theo)

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ/THOÁI VỐN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019 (tiếp theo)

Thông tin chung công ty liên doanh – liên kết

ĐVT: Tỷ VNĐ, %

Tên	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2019	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Boday – Bến Thành	VBB	Số 2458/GP ngày 07/02/2005 và giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 2458/GCND C2/41/1 ngày 28/12/2012 do Bộ KH&ĐT cấp	Cho thuê văn phòng	410,36	52%
Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	VCBF	Số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 02/12/2005 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 17/GPĐC-UBCK ngày 09/02/2018 do UBCKNN cấp	Quản lý quỹ đầu tư	135,15	51%

Tên	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2019	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank – Cardif	VCLI	Số 55/GP ngày 23/10/2008 và giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 55/GPĐC1/KDBH ngày 28/12/2018 do Bộ tài chính cấp	Bảo hiểm nhân thọ	270,00	45%
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank Boday	VCBB	Số 283/GP ngày 05/12/1991 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 283/GPĐC4 ngày 04/03/2002 do Bộ KH&ĐT cấp	Cho thuê văn phòng	11,11	16%

ĐVT: Tỷ VNĐ, %

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của công ty liên doanh – liên kết:

VBB Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Boday – Bến Thành

VCBF Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank

VCLI Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank – Cardif

VCBB Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank Boday

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)

146,04

vượt 25% kế hoạch

VBB là công ty liên doanh giữa Vietcombank với Công ty CP DVTM TP.HCM (Setra Corp.) và đối tác Boday Investments Ltd. (Hongkong) với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 52%; 18% và 30% hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tòa nhà văn phòng cao cấp (hạng A) tại địa chỉ số 5 Công trường Mê Linh, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đáp ứng nhu cầu về trụ sở làm việc của chi nhánh và các đơn vị trực thuộc của Vietcombank trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Cuối năm 2019, gần 100% diện tích cho thuê của VBB đã được lấp đầy. Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 146,04 tỷ đồng, vượt 25% kế hoạch.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)

22,32

vượt 5% kế hoạch

VCBF là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Franklin Templeton với tỷ lệ vốn góp tương ứng là 51% và 49%, hoạt động trong các lĩnh vực: Thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 22,32 tỷ đồng, vượt 5% kế hoạch.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)

32

vượt kế hoạch được giao

VCLI là công ty liên doanh hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ của Vietcombank và BNP Paribas Cardif với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 45% và 55%. Công ty VCLI chuyên về phân phối các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ qua ngân hàng (Bancassurance) bao gồm: Bảo hiểm tín dụng cá nhân; Bảo hiểm tín dụng nhóm; Bảo hiểm tín dụng cho hai người đồng vay, Bảo hiểm tử kỳ, Bảo hiểm hỗn hợp..

Công ty đẩy mạnh công tác bán hàng, mở rộng mạng lưới tư vấn viên tài chính bán bảo hiểm (FC) tại hệ thống Vietcombank trong năm 2019. Lợi nhuận trước thuế đạt 32 tỷ đồng, vượt kế hoạch được giao.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)

41,70

vượt 2% kế hoạch

VCBB là Công ty Liên doanh giữa Vietcombank, Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn, và đối tác Boday Investments Ltd., Hồng Kông. Công ty hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng Tòa nhà Harbour View Tower tại địa chỉ 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm 2019, Công ty vẫn duy trì hoạt động ổn định, lợi nhuận trước thuế đạt 41,70 tỷ đồng, vượt 2% kế hoạch năm 2019.

(Ghi chú: Số liệu tài chính của các Công ty VFC, VCBR, VCB Lào, VCBM, VCLI, VCBB là số liệu chưa kiểm toán năm 2019, các Công ty còn lại là số liệu đã kiểm toán năm 2019).

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG VƯỢT BẬC, HOÀN THÀNH XUẤT SẮC KẾ HOẠCH ĐÃ ĐỀ RA TRONG NĂM 2019

Năm 2019, toàn hệ thống Vietcombank đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành cơ bản Đề án cơ cấu lại Vietcombank đến 2020 đã được Thống đốc NHNN phê duyệt và hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được Đại hội cổ đông giao.



QUY MÔ TỔNG TÀI SẢN TIẾP TỤC MỞ RỘNG, VỐN CHỦ SỞ HỮU TĂNG TRƯỞNG MẠNH

- Tổng tài sản đạt 1.222.719 tỷ đồng, tăng 13,8% so với năm 2018.
- Vốn chủ sở hữu đạt 80.883 tỷ đồng, tăng 30,1% so với năm 2018, trong đó lợi nhuận chưa phân phối đạt 26.055 tỷ đồng (năm 2018 đạt 16.139 tỷ đồng).

TỔNG TÀI SẢN (Tỷ đồng)

1.222.719

tăng 13,8% so với năm 2018

VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tỷ đồng)

80.883

tăng 30,1% so với năm 2018



TỔNG HUY ĐỘNG VỐN VƯỢT NGƯỠNG 1 TRIỆU TỶ ĐỒNG, TỶ TRỌNG NGUỒN VỐN GIÁ RẺ TIẾP TỤC CẢI THIỆN

TỔNG HUY ĐỘNG VỐN (Tỷ đồng)

1.039.086

tăng 14,1% so với 2018

- Tổng huy động vốn đạt 1.039.086 tỷ đồng, tăng 14,1% so với 2018. Trong đó, tiền gửi khách hàng (bao gồm phát hành giấy tờ có giá) đạt 949.835 tỷ đồng, tăng 15,4% so với năm 2018
- Tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn thị trường I chiếm 30,1% (năm 2018 là 29,5%).



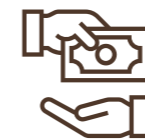
TÍN DỤNG TĂNG TRƯỞNG CAO SO VỚI THỊ TRƯỜNG, TIẾP TỤC CHUYỂN DỊCH MẠNH MẼ SANG TÍN DỤNG BÁN LẺ

DƯ NỢ TÍN DỤNG (Tỷ đồng)

741.387

tăng 15,9% so với 2018

- Dư nợ tín dụng đạt 741.387 tỷ đồng, tăng 15,9% so với 2018 và đạt 100% kế hoạch được giao.
- Tỷ trọng tín dụng bán lẻ chính thức vượt tỷ trọng tín dụng bán buôn, chiếm 51,8% tổng dư nợ.



CHẤT LƯỢNG NỢ ĐƯỢC KIỂM SOÁT CHẶT CHẼ, THU HỒI NỢ XẤU VÀ NỢ NGOẠI BẢNG ĐẠT KẾT QUẢ TỐT

THU HỒI NỢ NGOẠI BẢNG (Tỷ đồng)

3.179

hoàn thành kế hoạch được giao

- Dư nợ nhóm 2 là 2.561 tỷ đồng; tỷ lệ nợ nhóm 2 ở mức 0,35%, giảm so với mức 0,59% cuối năm 2018.
- Dư nợ xấu nội bảng ở mức 5.804 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu ở mức 0,78%, giảm so với mức 0,97% cuối năm 2018.
- Dư quỹ dự phòng rủi ro dư nợ cho vay nền kinh tế là 10.417 tỷ đồng; tỷ lệ bao nợ xấu nội bảng đạt mức cao (182,0%).
- Thu hồi nợ ngoại bảng đạt 3.179 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch được giao.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG VƯỢT BẬC, HOÀN THÀNH XUẤT SẮC KẾ HOẠCH ĐÃ ĐỀ RA TRONG NĂM 2019 (tiếp theo)



HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TIẾP TỤC TĂNG TRƯỞNG KHẢ QUAN

DOANH SỐ THANH TOÁN QUỐC TẾ - TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI (TỶ USD)

85,4

tăng 9,03% so với 2018

- Các hoạt động TTQT-TTTM, KDNT, dịch vụ ngân hàng điện tử, thẻ, kiều hối đều tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm trước, gia tăng đóng góp vào thu dịch vụ cho Ngân hàng.
- Thị phần TTQT-TTTM tăng so với năm 2018 (16,52% so với 16,23%).
- Doanh số thanh toán quốc tế - tài trợ thương mại đạt 85,4 tỷ USD, tăng 9,03% so với 2018.



LỢI NHUẬN TĂNG TRƯỞNG CAO, CƠ CẤU THU NHẬP CHUYỂN DỊCH TÍCH CỰC, CHỈ SỐ SINH LỜI ĐẠT MỨC CAO

- Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ đạt 22.717 tỷ đồng, tăng 26,1% so với năm 2018. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 23.122 tỷ đồng, tăng 26,6% so với năm 2018.
- Thu nhập thuần từ hoạt động phi tín dụng chiếm 39,2% thu nhập từ hoạt động kinh doanh, trong đó:
 - Thu thuần từ hoạt động đầu tư chiếm 16,54% thu nhập HDKD.
 - Thu thuần dịch vụ và thu khác chiếm 22,67% thu nhập HDKD và tăng 34% so với cùng kỳ năm trước (thu thuần dịch vụ bao gồm phí, thu nhập thuần hoạt động kinh doanh ngoại tệ, và thu nhập khác). Trong đó, thu nhập thuần từ kinh doanh ngoại tệ tăng 49,2% so với năm trước và đóng góp 42,3% trong thu dịch vụ.
- Chỉ số ROAA, ROAE: đạt tương ứng là 1,61% và 25,90%, tăng mạnh so với năm 2018 và cao hơn mặt bằng chung các TCTD.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT (TỶ ĐỒNG)

23.122

tăng 26,6% so với năm 2018

ROAA (%)

1,61

tăng mạnh so với năm 2018

ROAE (%)

25,90

tăng mạnh so với năm 2018



NỘP NSNN GẦN 9.000 TỶ
ĐỒNG, TRONG ĐÓ NỘP THUẾ
LÀ 6.751 TỶ ĐỒNG, TĂNG 33%

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (TỶ ĐỒNG)

gần 9.000



QUY MÔ VỐN HÓA LỚN NHẤT TRONG CÁC NGÂN HÀNG NIÊM YẾT

GIÁ TRỊ VỐN HÓA VƯỢT (TỶ USD)

vượt 14,5

tiếp tục dẫn đầu trong khối các ngân hàng

- Vietcombank có giá trị vốn hóa vượt 14,5 tỷ USD, tiếp tục dẫn đầu trong khối các ngân hàng
- Hệ số an toàn vốn CAR (theo TT41) đạt 9,6%, tăng 0,8% so với 2018.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 (tiếp theo)

KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH NĂM 2019

Vietcombank triển khai đồng bộ các giải pháp điều hành, linh hoạt điều chỉnh theo môi trường kinh doanh.



Hội thảo xây dựng chiến lược phát triển Vietcombank đến năm 2025, tầm nhìn 2030 (03/07/2019)

TÍCH CỰC THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH PHỦ VÀ NHNN, ĐỒNG HÀNH CÙNG DOANH NGHIỆP VÌ MỤC TIÊU CHUNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐẤT NƯỚC

- Vietcombank thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ, chia sẻ, tháo gỡ khó khăn cùng doanh nghiệp như giảm lãi suất cho vay đối với 05 đối tượng ưu tiên theo chỉ đạo tại nghị quyết số 01/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/01/2019 và định hướng điều hành của Thống đốc NHNN, với mục tiêu đồng hành cùng doanh nghiệp.
- Triển khai các chương trình ưu đãi hấp dẫn cho phân khúc doanh nghiệp vừa và nhỏ, triển khai chương trình ưu đãi và cam kết các mức lãi suất cố định 2 năm/3 năm/5 năm với mức lãi suất cạnh tranh trên thị trường giúp doanh nghiệp quản trị chi phí tài chính, an tâm sản xuất kinh doanh.

QUYẾT LIỆT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN VIETCOMBANK ĐẾN 2020, CÁC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG VÀ TIỂU ĐỀ ÁN

- Các Đề án, tiểu đề án, chương trình hành động các Khối tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh của Vietcombank trong năm 2019.
- Các chi nhánh thuộc danh sách thực hiện Đề án phát triển chi nhánh đến 2020 cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra: Cải thiện thị phần tín dụng và huy động vốn trên địa bàn, kiểm soát được chất lượng tín dụng, lợi nhuận gia tăng và phát triển khách hàng mục tiêu.



ĐIỀU HÀNH HUY ĐỘNG VỐN PHÙ HỢP VỚI TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, ĐẢM BẢO NGUỒN VỐN CHO TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG

- Mở rộng tài khoản thanh toán và tài khoản chuyên thu cho KBNN và BHXH.
- Tiếp tục triển khai nhiều chương trình huy động vốn giá rẻ, huy động vốn ngoại tệ và các chương trình đồng hành cùng khách hàng có nguồn ngoại tệ lớn.
- Điều chỉnh lãi suất huy động cạnh tranh hơn cho một số địa bàn đặc thù, mức độ cạnh tranh huy động vốn cao.
- Tập trung vào các giao dịch IPO lớn để phục vụ chuyển đổi ngoại tệ. Bám sát các doanh nghiệp có kế hoạch thoái vốn, các nhà đầu tư tiềm năng để tiếp cận cung cấp dịch vụ tài chính liên quan.

TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG VÀ ĐẨY MẠNH THU HỒI NỢ XẤU/ NỢ ĐÃ XỬ LÝ DPRR

- Kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng tại tất cả các chi nhánh.
- Phân công thành viên Ban lãnh đạo phụ trách một số Chi nhánh có nợ có vấn đề lớn; tăng cường giám sát chỉ đạo công tác xử lý thu hồi nợ đối với từng chi nhánh.

CƠ CẤU LẠI DANH MỤC BÁN BUÔN, TRIỂN KHAI NHIỀU GIẢI PHÁP TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG BÁN LẺ, TÍN DỤNG QUA PHÒNG GIAO DỊCH

- Cơ cấu lại danh mục tín dụng bán buôn theo hướng an toàn, nâng cao hiệu quả tổng thể từ khách hàng.
- Ban hành các chương trình lãi suất linh hoạt phù hợp với từng đối tượng khách hàng/khu vực trong giai đoạn đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng.
- Mở rộng tín dụng vào khách hàng FDI lớn, rủi ro tín dụng thấp với ngành nghề định hướng mở rộng, có khả năng phát triển các dịch vụ tổng thể như HDV ngoại tệ, TTQT, dịch vụ bán lẻ,...
- Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng bán lẻ với nhiều công cụ về lãi suất, sản phẩm đa dạng.

TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN TĂNG THU DỊCH VỤ

- Rà soát các biểu phí; xây dựng cơ chế thẩm quyền ưu đãi phí căn cứ theo phân khúc, phân hạng khách hàng.
- Nâng cao hiệu quả kinh doanh thẻ, dịch vụ ngân hàng điện tử: Gia tăng hợp tác với các đối tác, phát triển tiện ích, tích hợp các kênh bán, mở rộng kết nối với các nhà cung cấp dịch vụ về thanh toán hóa đơn, thanh toán QR Code.
- Triển khai chương trình hành động năm 2019 về thanh toán quốc tế - tài trợ thương mại để duy trì, mở rộng thị phần và gia tăng thu phí.
- Thu kinh doanh ngoại tệ tiếp tục duy trì ổn định thông qua điều tiết linh hoạt tỷ giá, mở rộng cơ sở khách hàng có nguồn ngoại tệ chuyển đổi lớn.
- Tăng thu phí thông qua phân phối các sản phẩm quỹ mở, các sản phẩm bảo hiểm Bancassurance nhân thọ/phi nhân thọ.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 (tiếp theo)

KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH NĂM 2019 (tiếp theo)

CHUYỂN DỊCH DANH MỤC ĐẦU TƯ NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN, THỰC HIỆN THOẢI VỐN ĐẠT HIỆU QUẢ CAO

- Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn trên thị trường 2 thông qua mở rộng đầu tư giấy tờ có giá, trái phiếu của các Định chế tài chính.
- Thoải vốn tại các tổ chức được thực hiện đúng kế hoạch, góp phần nâng cao lợi nhuận Vietcombank.

KIỆN TOÀN MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI PHÙ HỢP VỚI CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

- Tiếp tục mở rộng phát triển mạng lưới: Thành lập 05 Chi nhánh mới, 39 Phòng giao dịch, VCB Lào được khai trương và đi vào hoạt động; được FED phê duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng đại diện tại New York (Mỹ); triển khai các công tác thành lập Chi nhánh tại Úc.
- KIỆN TOÀN MÔ HÌNH TỔ CHỨC, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của một số Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính; sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Khối bán buôn theo Mô hình CTOM; thành lập Khối Quản trị nguồn nhân lực; xây dựng tiêu chí tách phòng chi nhánh và thực hiện cho các Chi nhánh đáp ứng đủ tiêu chí.
- Xây dựng và kiện toàn đội ngũ cán bộ; thực hiện luân chuyển, điều động cán bộ, luân chuyển một số cán bộ tại trụ sở chính làm công tác khách hàng về Chi nhánh.
- Công tác nghiên cứu khoa học có nhiều đổi mới mạnh mẽ, nhiều sáng kiến được áp dụng triển khai vào thực tế. Tổ chức thành công cuộc thi “Đổi mới – Sáng tạo để phát triển và hội nhập” ở quy mô toàn hệ thống, qua đó đã lựa chọn được nhiều sáng kiến có giá trị ứng dụng và hiệu quả cao.

TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ VÀ HIỆU QUẢ CÁC DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ VÀ HOẠT ĐỘNG

Tích cực triển khai các dự án nâng cao năng lực quản trị và hoạt động, một số dự án được áp dụng vào thực tiễn:

- Chương trình Basel II: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công nhận Vietcombank là ngân hàng đầu tiên đáp ứng chuẩn mực Basel II tại Việt Nam theo Thông tư 41 sớm 01 năm so với yêu cầu.
- Chương trình CTOM: Tiếp tục triển khai 17 sáng kiến và đã hoàn thành 7 sáng kiến. Từ tháng 6/2019, chính thức triển khai Mô hình CTOM tại Trụ sở chính và các chi nhánh.
- Các dự án thuộc Khối Bán lẻ: Khối Bán lẻ tích cực thực hiện các dự án chuyển đổi của Khối, bao gồm RTOM, CRM bán lẻ và RLOS; đồng thời trong năm 2019, Khối Bán lẻ chủ động triển khai một số hạng mục chuyển đổi mô hình bán lẻ.
- Đề án phát triển CNTT đến năm 2020: Tích cực thực hiện Đề án với 54 dự án CNTT nhằm hỗ trợ nghiệp vụ và xây dựng, nâng cấp hạ tầng, từng bước hiện đại hóa hệ thống CNTT theo lộ trình chiến lược phát triển Vietcombank đến năm 2020. 14 dự án trọng điểm được tập trung triển khai như dự án đầu tư đổi mới hệ thống CoreBanking, Trade Finance, ERP, MPA, SOA,...

HOÀN THIỆN CÁC QUY TRÌNH, QUY CHẾ NỘI BỘ ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

- Xây dựng và ban hành các quy định, quy chế nội bộ về Quy định giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Vietcombank, quy trình tín dụng bán buôn, cơ chế thẩm quyền ưu đãi phí đối với khách hàng bán buôn, Quy định về quản trị rủi ro thanh khoản.
- Hoàn thiện các quy chế nội bộ như Quy chế luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác và nghỉ bắt buộc đối với cán bộ Vietcombank.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 (tiếp theo)

KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH NĂM 2019 (tiếp theo)



TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, KIỂM SOÁT VÀ TUÂN THỦ

- Thực hiện kiểm tra 100% các chi nhánh trong toàn hệ thống Vietcombank, 04 Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, 02 Công ty con và kiểm tra kiểm toán 22 chuyên đề trên phạm vi toàn hàng.
- Kiểm tra rủi ro tác nghiệp tại chi nhánh, ngăn chặn cảnh báo kịp thời những rủi ro tiềm ẩn, đề xuất giải pháp khắc phục, kiến nghị xử lý những vi phạm tại các đơn vị.

THỰC HIỆN THÀNH CÔNG PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

- Triển khai thành công phương án phát hành riêng lẻ tăng vốn cấp 1 trong bối cảnh thị trường rất khó khăn, khẳng định uy tín, vị thế và nâng cao năng lực cạnh tranh của Vietcombank.
- Vietcombank hoàn thành phát hành riêng lẻ 111.108.873 cổ phiếu mới cho GIC Private Limited ("GIC") – Quỹ đầu tư quốc gia của Singapore và cổ đông hiện hữu Mizuho Bank, mang về khoảng 6,2 nghìn tỷ đồng (khoảng 265 triệu USD).

CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI VÌ CỘNG ĐỒNG

Tích cực tham gia công tác an sinh - xã hội vì cộng đồng. Năm 2019, Vietcombank tài trợ các chương trình an sinh xã hội với giá trị gần 197 tỷ đồng, tập trung vào công tác giáo dục, y tế, xây nhà cho người nghèo.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Nhận thức rõ Việt Nam là một trong những quốc gia chịu sự tác động và ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, Vietcombank nghiêm túc thực hiện Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020, Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015 của Thống đốc NHNN về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng cũng như các quy định khác có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động cấp tín dụng.
- Khi thẩm định cấp tín dụng cho các dự án, Vietcombank đánh giá các rủi ro môi trường và xã hội tác động đến hiệu quả sử dụng vốn và khả năng trả nợ của khách hàng và yêu cầu chủ đầu tư các dự án được xem xét cấp tín dụng phải đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và xã hội. Sau đó, Ngân hàng định kỳ thường xuyên kiểm tra giám sát việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội đối với các khoản tín dụng đã cấp cho khách hàng.
- Vietcombank chú trọng truyền thông về trách nhiệm quản lý rủi ro môi trường của tổ chức tín dụng để tạo sự đồng thuận, ủng hộ của khách hàng.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 (tiếp theo)

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (tiếp theo)

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Vietcombank luôn quan tâm phát triển nguồn nhân lực, người lao động được phát huy năng lực, mở rộng cơ hội thăng tiến trong công việc, cải thiện thu nhập của cán bộ, nâng cao sự gắn bó của cán bộ đối với Ngân hàng. Cụ thể như sau:



Người lao động được đảm bảo việc làm ổn định:

- Tổng số lao động đến 31/12/2019 là 18.948 người (đã bao gồm số lao động của 02 Công ty VCBS và VCBL), tăng ~ 10% so với năm 2018. Thời gian làm việc cho người lao động 8h/ngày, 5 ngày trong một tuần. Vietcombank bảo đảm chế độ nghỉ phép năm, nghỉ các ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng của người lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động, nghỉ thai sản, ốm đau theo đúng quy định tại Luật BHXH.
- Toàn thể người lao động tại Vietcombank đều được ký hợp đồng lao động phù hợp, đúng quy định của Pháp luật. Việc tham hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy định trong Bộ Luật lao động. Người lao động có nguyện vọng xin nghỉ hưu trước tuổi cũng được tạo điều kiện thuận lợi.
- Vietcombank đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào hầu hết các khâu trong quy trình tuyển dụng (nhận hồ sơ, lựa chọn hồ sơ, tổ chức thi trực tuyến trên máy,...). Công tác tuyển dụng tại Vietcombank được thực hiện theo các quy định rõ ràng, đảm bảo trung thực, khách quan nhằm tuyển dụng được cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu công việc và vị trí công tác được giao. Lao động mới tuyển đảm bảo đúng quy định về thời gian thử việc theo loại hợp đồng lao động và chế độ trả lương trong thời gian thử việc.



Xây dựng Cơ chế đãi ngộ tài chính và phi tài chính đảm bảo quyền lợi của người lao động:

Trong thời gian qua, cơ chế tiền lương và chế độ đãi ngộ người lao động của Vietcombank đã từng bước tiệm cận với thị trường trong khu vực và trên thế giới, cụ thể như sau:

Cơ chế đãi ngộ về lương, bảo hiểm

- Cơ chế đãi ngộ về lương

Về cơ bản, cơ chế lương của Vietcombank đã được xây dựng trên nguyên tắc tương xứng với giá trị đóng góp trong ngân hàng, mang tính công bằng và cạnh tranh với thị trường. Thu nhập bình quân của cán bộ Vietcombank có xu hướng tăng qua các năm và ở mức cao so với mức thu nhập bình quân trên thị trường.

Tiền lương của người lao động được chia thành 02 phần: (1) Tiền lương cố định xác định theo ngạch/bậc phù hợp với vị trí công việc chuyên môn đảm nhận; (2) Tiền lương hiệu quả xác định theo kết quả đánh giá hoàn thành công việc được đo lường bằng các chỉ tiêu KPIs, khuyến khích người lao động phấn đấu đạt kết quả công việc tốt.

Vietcombank giao quyền chủ động cho Trưởng các Đơn vị trong việc rà soát, sắp xếp lương của người lao động theo năng lực, số lượng, chất lượng hoàn thành công việc. Việc nâng lương được thực hiện dựa trên mức độ đánh giá hoàn thành công việc của người lao động. Đối với các cán bộ có thành tích đặc biệt xuất sắc, có sáng kiến và đưa vào áp dụng mang lại hiệu quả cao, được Ban Lãnh đạo Vietcombank khen thưởng sẽ được nâng bậc lương vị trí công việc trước hạn.

Vietcombank áp dụng cơ chế lương chuyên gia, với mức lương rất cạnh tranh đối người lao động có trình độ cao nhằm tuyển dụng được lao động cần thiết cho một số lĩnh vực đặc thù, các dự án chuyển đổi nâng cao năng lực quản trị và hoạt động.

Cơ chế đãi ngộ ngoài lương

Để tạo động lực cho người lao động, ngoài những cơ chế đãi ngộ trực tiếp về tài chính, Vietcombank xây dựng và triển khai nhiều chương trình đào tạo trong và ngoài nước cho người lao động để nâng cao năng lực chuyên môn và tạo sự gắn kết giữa người lao động và Ngân hàng.

Ngân hàng tổ chức thăm hỏi và trợ cấp ốm đau, bệnh tật, thai sản cho người lao động; tặng hoa và quà người lao động nghỉ hưu theo chế độ; tặng quà cho bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ/chồng của người lao động nhân ngày Quốc tế người cao tuổi,...

- Chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội

Vietcombank đã thực hiện việc đóng Bảo hiểm xã hội cho 100% cán bộ ký Hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên đang làm việc tại cơ quan, giải quyết nhanh chóng, kịp thời các chế độ Bảo hiểm xã hội như: thai sản, ốm đau,... cho cán bộ. Đối với lao động thời vụ, Vietcombank thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội cho người lao động ký Hợp đồng từ 01 tháng trở lên theo quy định. Người lao động nghỉ chế độ hưu trí được hưởng mức trợ cấp phù hợp, mức trợ cấp này được tính trên cơ sở tiền lương đóng bảo hiểm xã hội và số năm công tác của cán bộ.

Ngoài ra, Ngân hàng thực hiện trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ theo đúng quy định của Nhà nước.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 (tiếp theo)

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (tiếp theo)

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Vietcombank tích cực trong công tác an sinh - xã hội vì cộng đồng, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội. Năm 2019, Vietcombank đã tham gia tài trợ các chương trình an sinh xã hội với giá trị gần 197 tỷ đồng, tập trung vào công tác giáo dục, y tế xây nhà cho người nghèo.



Một số chương trình tiêu biểu Vietcombank tài trợ như sau: Xây dựng trường mẫu giáo Sơn Ca, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (8,5 tỷ đồng); xây dựng BVKD huyện Trần Đề giai đoạn II (12,5 tỷ đồng); xây dựng trường tiểu học Cẩm Bình, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh (~7 tỷ đồng); xây dựng trường THPT Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (12,5 tỷ đồng),...



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 (tiếp theo)

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (tiếp theo)



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020



Với phương châm hành động “Chuyển đổi, Hiệu quả, Bền vững”, quan điểm chỉ đạo điều hành “Trách nhiệm – Hành động – Sáng tạo”, trọng tâm năm 2020 là đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, chuyển dịch cơ cấu hoạt động, đảm bảo tăng trưởng bền vững, hiệu quả cao và nâng cao năng suất lao động. Năm 2020 Vietcombank đề ra Bốn đột phá chiến lược, Ba trọng tâm trong chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh,...

Năm 2020, kinh tế thế giới đối mặt với nguy cơ suy thoái khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát ở Trung Quốc và lan rộng trên quy mô toàn cầu. Sản xuất toàn cầu bị đình trệ, tiêu dùng, đầu tư và thương mại thế giới suy giảm. Chỉ số sản xuất của Trung Quốc trong tháng 2 giảm xuống 37,5 điểm, mức thấp nhất kể từ 2004... Trong khi đó các rủi ro làm sụt giảm tăng trưởng vẫn hiện hữu như chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, khối lượng vay nợ của các chính phủ và người dân ngày một lớn, bất ổn địa chính trị và chính trị, biến đổi khí hậu... Chính phủ và ngân hàng trung ương nhiều nước đang tiến hành nới lỏng chính sách tiền tệ và đưa ra các gói hỗ trợ kinh tế khắc phục hậu quả của dịch bệnh

Trong tình hình đó, Chính phủ quyết liệt kiểm soát và chỉ đạo các bộ ngành hỗ trợ khắc phục hậu quả của dịch bệnh. Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo triển khai

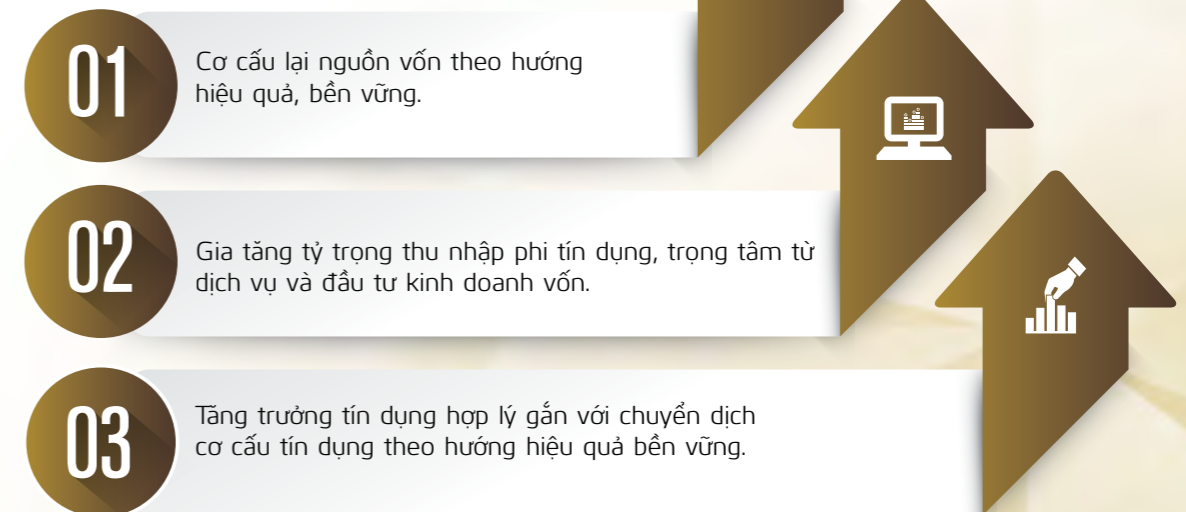
nhiều giải pháp (giảm phí và lãi suất cho vay, cơ cấu lại nợ, giữ nguyên nhóm nợ...) đối với doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Nhìn chung, tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid do có độ mở cao và phụ thuộc khá lớn vào các thị trường hiện đang bị dịch bệnh. Trong khi đó, các yếu tố tích cực từ việc EVFTA được EU phê chuẩn chỉ phát huy tác dụng sớm nhất từ quý III/2020.

Năm 2020 dự báo là một năm rất thách thức với ngành ngân hàng trong bối cảnh kinh tế bị tác động lớn bởi dịch bệnh và tình hình quốc tế diễn biến khó lường. Trong khi đó, áp lực thay đổi, đổi mới rất to lớn khi cạnh tranh tiếp tục gay gắt trên các lĩnh vực ngân hàng truyền thống cũng như lĩnh vực ngân hàng số và ngày một gia tăng giữa các ngân hàng với các công ty fintech.

BỐN ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC



BA TRỌNG TÂM CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH DOANH



ĐỊNH HƯỚNG

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 (tiếp theo)

HỘI NGHỊ NHIỆM VỤ KINH DOANH NĂM 2020

Hà Nội, ngày



NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2020

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH DOANH VÀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG



Tập trung đẩy nhanh tín dụng từ đầu năm gắn với chuyển dịch cơ cấu

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tín dụng thông qua

- Tăng tỷ trọng tín dụng bán lẻ, mở rộng tăng trưởng tín dụng từ kênh Phòng giao dịch. Phát triển nhiều sản phẩm phù hợp với các phân khúc khách hàng, các sản phẩm chuẩn, sản phẩm quản lý tài sản, các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, mua xe ô tô.
- Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng Bán buôn đối với nhóm khách hàng Bán buôn mới đáp ứng tiêu chuẩn tín dụng của Vietcombank.
- Tăng tỷ trọng dư nợ tín dụng đối với khách hàng FDI lớn có rủi ro tín dụng thấp và tiềm năng sử dụng dịch vụ tổng thể.
- Gia tăng tỷ trọng tín dụng có TSDB; chọn lọc dự án tín dụng TDH hiệu quả cao, gắn với sử dụng các dịch vụ ngân hàng tổng thể để đảm bảo kiểm soát tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay TDH theo quy định của NHNN.
- Rà soát, tái cấu trúc lãi suất đối với nhóm khách hàng có cả huy động và dư nợ tín dụng tại Vietcombank.
- Hạn chế cho vay các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao.

Tăng cường công-tác kiểm tra, kiểm soát và tuân thủ

Tập trung đẩy mạnh doanh thu phí và kinh doanh ngoại tệ

Tăng trưởng huy động vốn theo hướng hiệu quả bền vững



Tập trung đẩy mạnh doanh thu phí và kinh doanh ngoại tệ

Ngân hàng điện tử

- Mở rộng quy mô khách hàng ngân hàng điện tử mới; nâng cao tỷ lệ duy trì khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử.
- Đẩy nhanh triển khai cung ứng dịch vụ thanh toán tiên điện, tiền nước.
- Tiếp cận các khách hàng kinh doanh chuỗi, kinh doanh thương mại điện tử để mở rộng đối tượng sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử.

Tài trợ thương mại

- Mở rộng nhóm khách hàng triển khai các sản phẩm tài trợ thương mại.
- Chủ động tìm kiếm, tiếp cận và tăng cường giao dịch với các khách hàng tiềm năng; mở rộng quan hệ với các Hiệp hội, ngành nghề phù hợp định hướng tín dụng ngành hàng năm.
- Duy trì và mở rộng thị phần đối với khách hàng định chế tài chính trong nước thông qua các gói dịch vụ tổng thể TTQT-TTTM và nguồn vốn.

Kinh doanh ngoại tệ

- Gia tăng thị phần chuyển đổi ngoại tệ của các dự án ODA. Kết hợp với công ty kiểu hối đẩy mạnh thu kiểu hối, chuyển đổi ngoại tệ.
- Khai thác hiệu quả sản phẩm kết hợp giữa cung ứng dịch vụ TTQT và kinh doanh ngoại tệ.

Các dịch vụ khác

- Phát triển các dịch vụ thanh toán gắn với kết quả triển khai các dự án về hạ tầng thanh toán.
- Triển khai có hiệu quả Thỏa thuận hợp tác với tổ chức thế quốc tế.
- Xây dựng kế hoạch và triển khai việc phân phối sản phẩm bảo hiểm theo thỏa thuận đã ký kết với FWD.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 (tiếp theo)

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2020 (tiếp theo)



Tăng trưởng huy động vốn theo hướng hiệu quả bền vững

- Điều chỉnh lãi suất huy động vốn phù hợp với tình hình cạnh tranh trên thị trường.
- Tăng cường huy động nguồn vốn giá rẻ thông qua mở mới tài khoản khách hàng cá nhân, tăng cường thúc bán để khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng. Tăng cường quan hệ với các khách hàng là Tập đoàn, Tổng Công ty, Doanh nghiệp lớn, các quỹ quản lý vốn tập trung, các Bộ/Ngành có nguồn vốn lớn để thiết lập, duy trì, gia tăng thị phần tiền gửi tại Vietcombank.
- Thực hiện tốt việc cung ứng dịch vụ thu NSNN, thu hút tiền gửi KBNN.
- Đi đầu trong triển khai cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, hợp tác thu phí không dùng, thực hiện dịch vụ thanh toán với cổng dịch vụ công quốc gia, mở rộng cung cấp dịch vụ thanh toán tiền nước, tiền điện, bệnh viện, trường học và các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt khác.
- Tăng cường bán các dịch vụ phi tín dụng, bán hàng theo chuỗi, bán chéo sản phẩm, quản lý dòng tiền để khai thác nguồn vốn mới.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ SINH LỜI CỦA HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

- Đảm bảo thanh khoản gắn với sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm hỗ trợ Khối Bán buôn và Bán lẻ.
- Rà soát đầu tư và tái cấu trúc để cải thiện lãi suất đầu tư bình quân, danh mục đầu tư từ thị trường 2.
- Nghiên cứu và triển khai bán các sản phẩm ngân hàng đầu tư. Hình thành cơ chế phối hợp triển khai kinh doanh giữa VCB, VCBS, và VCBF.

TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG, THU HỒI NỢ NGOẠI BẢNG

- Thực hiện rút giảm tín dụng đối với ngành rủi ro, khách hàng không có TSĐB, khách hàng có rủi ro tiềm ẩn, khách hàng không mang lại lợi ích tổng thể cho Vietcombank.
- Rà soát và kiểm soát chặt chẽ các khoản nợ có vấn đề, nợ có khả năng chuyển xấu, xây dựng phương án thu hồi.

CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ THÚC ĐẨY TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ CÁC ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH



Giải pháp hỗ trợ kinh doanh

- Phát triển sản phẩm chuyên biệt, đặc thù theo phân khúc khách hàng; đẩy mạnh phát triển sản phẩm mới, chú trọng các sản phẩm ngân hàng đầu tư.
- Phát triển khách hàng là các công ty chứng khoán/quỹ đầu tư chứng khoán/công ty quản lý quỹ để cung ứng dịch vụ toàn diện, chú trọng phát triển quỹ mở, quỹ ETF, quỹ hưu trí tự nguyện bổ sung...
- Xây dựng và triển khai các dịch vụ thanh toán trên nền tảng công nghệ hiện đại trong các lĩnh vực trọng điểm như giao thông công cộng, thu phí không dùng, y tế, giáo dục.
- Chuyển đổi công nghệ thẻ chip không tiếp xúc theo từng giai đoạn phù hợp với quy định của NHNN và yêu cầu của thị trường.
- Phát triển các sản phẩm/dịch vụ/nền tảng ứng dụng số hóa, có hàm lượng công nghệ cao, khuyến khích khách hàng chuyển dịch các giao dịch trên kênh ngân hàng số.



Giải pháp quản trị rủi ro

- Tăng cường kiểm tra, kiểm toán nội bộ và giám sát chặt kết quả thực hiện kiến nghị kiểm tra, kiểm toán và giám sát từ xa đối với các Chi nhánh, Công ty con trong hệ thống Vietcombank.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị rủi ro thông qua việc triển khai các dự án, sáng kiến chuyển đổi thuộc Chương trình Basel II.
- Nâng cấp công tác quản trị rủi ro hoạt động.



Giải pháp hỗ trợ về công nghệ, nguồn nhân lực, thông tin quản lý

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án chuyển đổi, dự án CNTT. Vận hành thông suốt hệ thống Corebanking mới Signature, làm nền tảng cho việc triển khai chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới.

- Nâng cấp hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu kinh doanh, đảm bảo sẵn sàng cao cũng như vận hành an toàn bảo mật; quản trị hệ thống công nghệ thông tin tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế.
- Xây dựng và triển khai chiến lược marketing chuyên nghiệp, đẩy mạnh truyền thông quảng cáo tăng nhận diện thương hiệu Vietcombank.
- Triển khai hệ thống báo cáo quản trị phân tích lợi nhuận đa chiều theo khối/khách hàng/sản phẩm.
- Chuyển đổi mô hình bán và dịch vụ tại chi nhánh theo lộ trình dự án RTOM.
- Cải cách, sắp xếp lại cơ chế tiền lương gắn với hiệu quả kinh doanh, năng suất lao động.
- Xây dựng và ban hành Bộ tiêu chí lựa chọn cán bộ tài năng; khung năng lực, lộ trình đào tạo; rà soát hoàn thiện bộ JDs và KPIs.
- Tăng số lượt đào tạo bình quân và số lượt khảo thí/thi tay nghề so với mức thực hiện 2019 gắn với đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo.
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để lập BCTC theo chuẩn mực quốc tế.



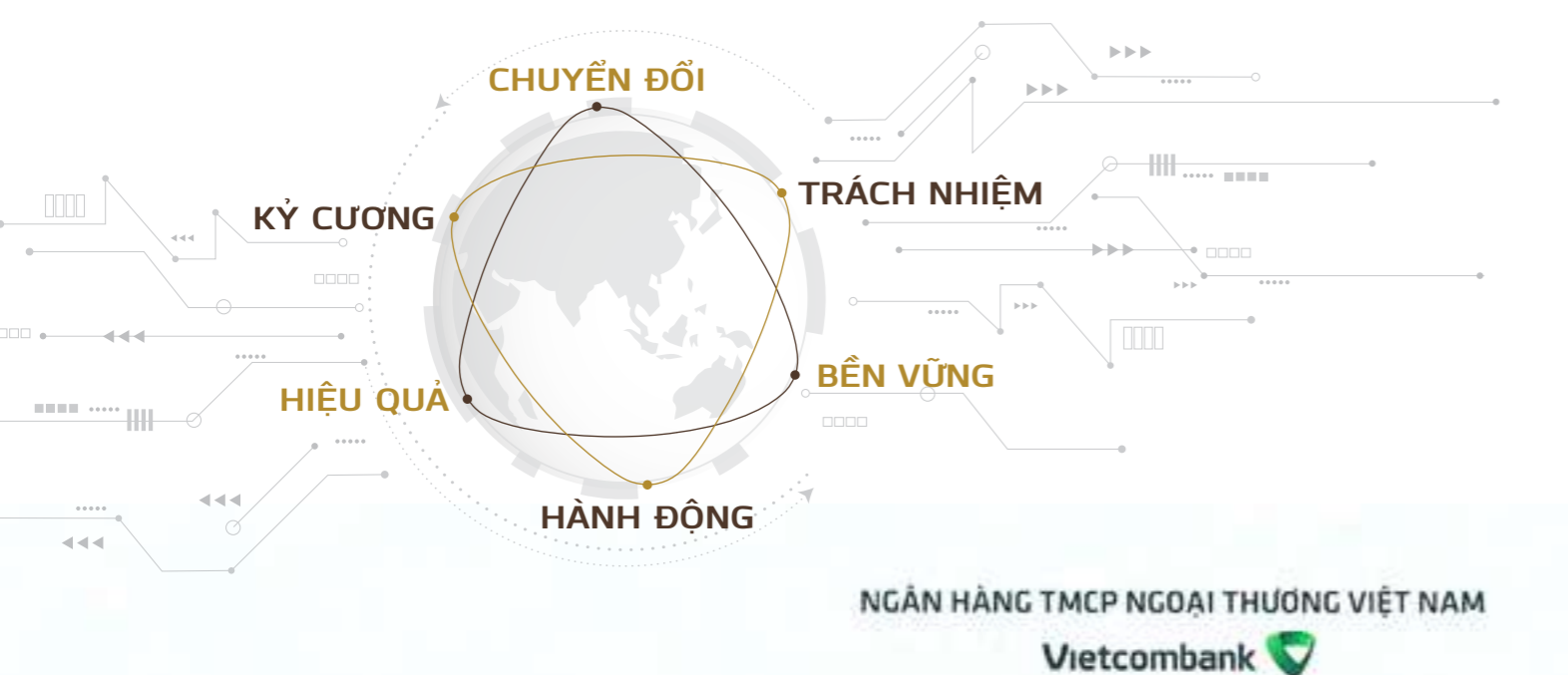
Các giải pháp khác

- Thực hiện tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận để lại và thặng dư; tăng vốn thông qua phát hành riêng lẻ cổ phiếu mới ngay khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Kien toan cong trinh tru so va phuong tien lam viec theo ke hoach duoc duyet, phuc vu hieu qua hoat dong kinh doanh.
- Nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến, đổi mới sáng tạo trong toàn hệ thống, phục vụ cho việc thực thi chiến lược phát triển, thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Vietcombank.
- Triển khai thực hiện công tác an sinh xã hội, hỗ trợ khắc phục giảm nhẹ các hậu quả do thiên tai gây ra, ưu tiên các lĩnh vực giáo dục, y tế...

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

Quán triệt phương châm Chuyển đổi – Hiệu quả – Bền vững và quan điểm chỉ đạo điều hành Kỷ cương – Hành động – Trách nhiệm được đề ra cho năm 2019, Hội đồng quản trị đã quyết liệt chỉ đạo ngay từ đầu năm, linh hoạt và kịp thời định hướng hoạt động của Vietcombank trong cả năm.



HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KINH DOANH NĂM 2020



Với nỗ lực và quyết tâm của toàn hệ thống, kết thúc năm 2019, Vietcombank đã đạt và vượt toàn bộ các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ giao, vươn lên mạnh mẽ để khẳng định vị trí dẫn đầu hệ thống ngân hàng về quy mô lợi nhuận, chất lượng tài sản.

Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu mà ĐHCĐ đề ra như sau:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Hoạt động kinh doanh của Vietcombank năm 2019 chuyển dịch đúng định hướng và đạt được những kết quả khả quan, đặc biệt lợi nhuận tiếp tục ghi nhận mức đỉnh mới.

- Tổng tài sản đạt 1.222.719 tỷ đồng, tăng 13,8% so với năm 2018, vượt kế hoạch năm 2019 do ĐHCĐ giao 1,6%.
- Dự nợ tín dụng đạt 741.208 tỷ đồng, tăng 15,9% so với năm 2018, nằm trong mức trần định hướng tăng trưởng tín dụng của Thống đốc NHNN giao.
- Tổng huy động vốn đạt 1.039.086 tỷ đồng, tăng 14,1% so với 2018. Trong đó, tiền gửi khách hàng (bao gồm phát hành giấy tờ có giá) đạt 949.835 tỷ đồng, tăng 15,4% so với năm 2018
- Vietcombank tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu. Dự nợ xấu nội bảng là 5.804 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu 0,78%, trong khi dự quỹ dự phòng rủi ro ở mức 10.417 tỷ đồng. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu nội bảng là 179%, đạt mức cao nhất trong hoạt động của Vietcombank.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 23.122 tỷ đồng (tương đương 1 tỷ đô la Mỹ), tăng 26,6% so với năm 2018, đạt 116% kế hoạch năm 2019 do ĐHCĐ giao.

TỔNG HUY ĐỘNG VỐN (Tỷ đồng)

1.039.086

tăng trưởng 14,1% so với 2018

DỰ NỢ TÍN DỤNG (Tỷ đồng)

741.208

tăng trưởng 15,9% trong mức trần 15%

DỰ NỢ XẤU NỘI BẢNG (Tỷ đồng)

5.804

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)

23.122

tương đương 1 tỷ đô la Mỹ,
tăng 26,6% so với năm 2018

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH



Về phát triển mạng lưới, quản trị nguồn nhân lực và đào tạo

- Khai trương thành lập 5 Chi nhánh mới và thành lập 6 Phòng giao dịch (PGD) theo phê duyệt của NHNN, nâng tổng số điểm giao dịch toàn hệ thống lên 111 Chi nhánh và 437 PGD. Khai trương Văn phòng đại diện tại Mỹ và được NHNN chấp thuận mở chi nhánh tại Úc.
- Năng suất lao động tăng cao, LNTT/người năm 2019 ước đạt 1.220 triệu đồng/người, tăng 15% so với năm 2018. Công tác nghiên cứu khoa học và hoạt động của Hội đồng khoa học được đẩy mạnh.



Dự án chuyển đổi

- Trong năm 2019, Vietcombank đã hoàn thành 27 dự án, hoàn thành chương trình Chuyển đổi mô hình tín dụng bán buôn (CTOM) và đang tiếp tục thực hiện 44 dự án (40 dự án trong số đó thuộc 2 chương trình/đề án). Cụ thể:
- Đề án phát triển CNTT đến năm 2020: Việc thực hiện Đề án có nhiều chuyển biến tích cực trong năm 2019, nhiều dự án được hoàn thành trong năm.
- Chương trình Basel II: Đang triển khai 12 sáng kiến. Phần lớn sáng kiến triển khai đã có kết quả ứng dụng trong hoạt động quản trị - kinh doanh. Đồng thời, Vietcombank đã được NHNN chấp thuận áp dụng Thông tư 41 từ ngày 01/01/2019.
- Các dự án còn lại: Cơ bản được triển khai đúng tiến độ. Dự án Chuyển đổi mô hình tín dụng bán lẻ RTOM đã triển khai từ đầu năm 2019 và đã hoàn thành thử nghiệm tại một số chi nhánh, báo cáo và được phê duyệt kết quả chuyển đổi mô hình bán lẻ.



Chuyển đổi Ngân hàng số

- Phê duyệt lộ trình chuyển đổi số toàn hàng;
- Tích cực triển khai dự án Chuyển đổi Ngân hàng số nhằm phục vụ mục tiêu chiến lược chuyển đổi số hóa khép kín của ngân hàng.
- Thành lập bộ máy tổ chức chuyển đổi số và hoạch định nguồn nhân lực để thực hiện chuyển đổi số.



Công tác quản trị điều hành khác

- ĐHCĐ thường niên năm 2019 của Vietcombank đã thông qua một số nội dung quan trọng về các quy chế và nhân sự thuộc HĐQT, bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT, tăng số thành viên HĐQT lên 9 thành viên.
- HĐQT tiếp tục chỉ đạo thực hiện và định kỳ đôn đốc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của Vietcombank đến năm 2020, 4 tiểu Đề án, 4 Chương trình hành động thực hiện Đề án.
- HĐQT đã thông qua và ban hành Chiến lược phát triển Vietcombank đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; các tiểu Đề án, Chương trình hành động của các khối thực hiện Chiến lược.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH

Định kỳ hàng tháng HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao của từng thành viên HĐQT. Trên cơ sở đó ban hành Nghị quyết chỉ đạo hoạt động kinh doanh, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT và thực hiện giám sát Ban điều hành tổ chức thực hiện, tuân thủ các quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định liên quan của Vietcombank.

Năm 2019, nắm bắt những chuyển biến tích cực của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, Ban điều hành đã điều hành sát sao, quyết liệt trên cơ sở các định hướng của HĐQT cũng như bám sát các mục tiêu chiến lược trung, dài hạn và các mục tiêu cụ thể cho năm 2019 do ĐHCĐ và HĐQT giao.

Các thành viên HĐQT, Ban điều hành luôn đặt lợi ích của cổ đông, của Nhà nước và Ngân hàng làm mục tiêu hoạt động hàng đầu, thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành của mình và hoàn thành các chức trách, nhiệm vụ được giao.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG:

"Chuyển đổi, Hiệu quả, Bền vững", trọng tâm là đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, chuyển dịch cơ cấu hoạt động, đảm bảo tăng trưởng bền vững, hiệu quả cao và nâng cao năng suất lao động.

TRONG NĂM 2020 VIETCOMBANK TẬP TRUNG THỰC HIỆN 4 ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC SAU:

- Đổi mới mô hình tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh;
- Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách (cơ chế quản trị nội bộ và cơ chế, chính sách với khách hàng);
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng năng lực thích ứng với ngân hàng số;
- Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, triển khai ngân hàng số.

QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH:

"Trách nhiệm - Hành động - Sáng tạo".

THỰC HIỆN 3 TRỌNG TÂM TRONG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

- Giảm dần tỷ lệ tăng trưởng tín dụng, gắn với chuyển dịch cơ cấu tín dụng hiệu quả bền vững: Tăng tỷ trọng dư nợ bán lẻ với dự án RTOM là nền tảng; tăng tỷ lệ tài sản bảo đảm trong tổng dư nợ.
- Gia tăng tỷ trọng thu nhập phi tín dụng, trọng tâm là thu nhập từ dịch vụ và đầu tư kinh doanh vốn;
- Cơ cấu lại danh mục nguồn vốn theo hướng hiệu quả, bền vững.



TỔNG SỐ LAO ĐỘNG (Người)

18.948

CHƯƠNG 3

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

92

Tổ chức và Nhân sự

94-96

Giới thiệu Hội đồng Quản trị

97-101

Giới thiệu Ban Điều hành và các chức danh lãnh đạo khác

102

Giới thiệu Ban Kiểm soát

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

NGUỒN NHÂN LỰC

Tổng số lao động của Vietcombank tính đến 31/12/2019 là 18.948 người. Với quy mô lao động lớn và không ngừng tăng lên, Ban Lãnh đạo Vietcombank luôn chú trọng việc phát triển nguồn nhân lực, coi đây là chìa khóa đem lại thành công và hiệu quả của ngân hàng

- Nguồn nhân lực được quản trị theo thông lệ tốt nhất nhằm xây dựng, phát triển và duy trì đội ngũ nhân lực chất lượng cao, hỗ trợ thực hiện mục tiêu của Vietcombank là Ngân hàng đứng đầu về chất lượng nguồn nhân lực.
- Chủ động vận dụng linh hoạt, sáng tạo, quyết liệt, đổi mới trong công tác tổ chức, nhân sự. Một mặt thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng chuyên môn hóa, tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với thông lệ quốc tế, mặt khác không ngừng đổi mới các chính sách quản lý cán bộ trong tất cả các khâu từ tuyển dụng tới quy hoạch, tuyển chọn, bổ nhiệm, luân chuyển, kỷ luật, đánh giá, đào tạo cán bộ; đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ.
- Chất lượng nhân viên được kiểm soát từ đầu vào với một chính sách tuyển dụng nghiêm túc, chuyên nghiệp; cán bộ được tuyển dụng phù hợp với vị trí công việc.
- Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện đầy đủ và chuẩn mực, xây dựng được đội ngũ lãnh đạo là những người có kiến thức hiện đại và nhiều kinh nghiệm trong chuyên môn và quản lý điều hành.
- Công tác đào tạo được đẩy mạnh nhằm nâng cao số lượng và chất lượng các khóa đào tạo cho cán bộ, nhân viên.
- Cơ chế lương được xây dựng mới, gắn chế độ đãi ngộ với năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, tạo động lực cho cán bộ cống hiến.

Vietcombank đang tích cực triển khai Chiến lược quản trị và phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020, coi đây là tiền đề để thực hiện thành công Đề án cơ cấu lại ngân hàng theo định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Thành phần Ban Lãnh đạo có thay đổi như sau:

▼ GIÁM

- Bà Vũ Thị Bích Vân, Thành viên BKS do NHNN cử (miễn nhiệm chức danh Thành viên BKS tại Đại hội đồng cổ đông 26/4/2019) do đã nghỉ hưu theo chế độ;
- Ông Nguyễn Thanh Tùng, Giám đốc Khối Bán buôn (do đã được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Vietcombank từ 01/4/2019).

▲ TĂNG

- Ông Đỗ Việt Hùng, Thành viên Hội đồng quản trị (do NHNN cử đại diện 30% vốn Nhà nước tại Vietcombank, được bầu làm Thành viên HĐQT từ ngày 26/4/2019);
- Ông Nguyễn Thanh Tùng, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc VCB từ 01/4/2019;
- Ông Đặng Hoài Đức, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc VCB từ 01/4/2019;

MẠNG LƯỚI VÀ TỔ CHỨC CỦA VIETCOMBANK

Trong năm 2019, Vietcombank khai trương hoạt động 10 Phòng giao dịch và 05 Chi nhánh mới (Kính Bắc, Chí Linh, Bảo Lộc, Tân Sài Gòn và Bà Rịa).

Tính đến 31/12/2019, mạng lưới hoạt động của Vietcombank bao gồm :

- Trụ sở chính.
- 111 Chi nhánh;
- 472 Phòng giao dịch (đã bao gồm 31 Phòng giao dịch đã được Thống đốc NHNN chấp thuận thành lập ngày 20/09/2019, trong đó 01 Phòng giao dịch đã khai trương hoạt động ngày 02/01/2020, 30 Phòng giao dịch dự kiến sẽ khai trương hoạt động trong năm 2020).
- 03 Công ty con trực thuộc trên toàn quốc (Công ty Cho thuê tài chính, Công ty chứng khoán, Công ty Kiều hối).
- 01 Văn phòng đại diện tại Singapore, 01 Văn phòng đại diện tại Mỹ, 01 Văn phòng đại diện tại khu vực phía Nam và 02 Công ty con tại nước ngoài (Công ty Vinafico Hongkong và Công ty chuyển tiền Vietcombank).
- 03 Đơn vị sự nghiệp (Trung tâm xử lý tiền mặt tại Hà Nội; Trung tâm xử lý tiền mặt tại Hồ Chí Minh; Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực).
- 01 Ngân hàng con tại Lào.
- 04 công ty liên doanh liên kết



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **NGHIÊM XUÂN THÀNH**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn

- Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng
- Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng



Ông **PHẠM QUANG DŨNG**

Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
- Đại học Tổng hợp Birmingham (Anh Quốc)
- Cử nhân Kinh tế
- Đại học Kinh tế Quốc dân

Ông **NGUYỄN MẠNH HÙNG**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh tế
- Cao học Việt Nam - Hà Lan
- Cử nhân Kinh tế
- Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội



Ông **NGUYỄN MỸ HÀO**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng
- Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng



Ông **EIJI SASAKI**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh tế
- Đại học Nihon (Nhật Bản)
- Cử nhân Kinh tế - Đại học State University
of New York tại Buffalo

Ông **PHẠM ANH TUẤN**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Đại học Nam Columbia
- Cử nhân Kinh tế
- Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ông **HỒNG QUANG**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Ngoại thương Hà Nội liên kết với Đại học Meiho (Đài Loan)
- Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
- Cử nhân Luật Tư pháp - Đại học Luật Hà Nội



Ông **TRƯƠNG GIA BÌNH**

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Trình độ chuyên môn

- Phó Giáo sư Cơ học - Do Hội đồng xét duyệt học vị và chức danh khoa học Nhà nước Việt Nam xét duyệt
- Tiến sỹ Toán Lý - Đại học Tổng hợp Lômônôpsôv (CHLB Nga)
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Tổng hợp Lômônôpsôv (CHLB Nga)



Ông **ĐỖ VIỆT HÙNG**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Chulalongkorn (Thái Lan)
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Hàng hải



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Ông **PHẠM QUANG DŨNG**

Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng - Đại học Tổng hợp Birmingham (Anh Quốc)
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân



Ông **ĐÀO MINH TUẤN**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng
- Kỹ sư Toán ứng dụng - Đại học Bách khoa Hà Nội
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân



Ông **PHẠM MẠNH THẮNG**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng
- Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng
- Cử nhân Kinh tế - Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Bà **NGUYỄN THỊ KIM OANH**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
- Đại học New South Wales.
- Cử nhân Kinh tế
- Đại học Kinh tế Quốc dân



Bà **PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng
- CPA Australia
- Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng



Bà **ĐINH THỊ THÁI**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương



Ông **EIJI SASAKI**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh tế
- Đại học Nihon (Nhật Bản)
- Cử nhân Kinh tế - Đại học State University
of New York tại Buffalo



Ông **LÊ QUANG VINH**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh tế
- Đại học New South Wales, Australia
- Cử nhân Kinh tế
- Đại học Kinh tế Quốc dân



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Ông **NGUYỄN THANH TÙNG**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Tổng hợp Paris Dauphine
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương



GIỚI THIỆU GIÁM ĐỐC KHỐI

Ông **HỒNG QUANG**

Giám đốc Khối Nhân sự

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Ngoại thương Hà Nội liên kết với Đại học Meiho (Đài Loan)
- Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
- Cử nhân Luật Tư pháp - Đại học Luật Hà Nội



Ông **ĐẶNG HOÀI ĐỨC**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh tế - Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu khoa học Ngân hàng (nay là Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh)



Ông **THOMAS WILLIAM TOBIN**

Giám đốc Khối Bán lẻ

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học McMaster (Canada)
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Toronto (Canada)



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

Bà **TRƯƠNG LỆ HIỀN**

Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh tế phát triển
- Cao học Việt Nam - Hà Lan
- Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng



Bà **ĐỖ THỊ MAI HƯƠNG**

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Ngoại thương
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương



GIỚI THIỆU KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà **LA THỊ HỒNG MINH**

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh tế
- Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
- Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng



Ông **LÊ HOÀNG TÙNG**

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Tài chính
- Cử nhân Kinh tế - Học viện Tài chính





SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG (Cổ đông)

24.331

CHƯƠNG 4

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

106-113

Quản trị Công ty

114-121

Quản trị rủi ro

122-129

Mạng lưới hoạt động

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của Vietcombank		Ghi chú
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	
1	Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	59.025	0,00159%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Được HĐQT VCB bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 01/11/2014. Thành viên không điều hành.
2	Phạm Quang Dũng	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	3.281	0,00009%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Được HĐQT VCB bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/11/2014.
3	Eiji Sasaki	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	0	0,000000%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017.
4	Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT	2.270	0,00006%	Được ĐHĐCĐ bất thường 2014 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/12/2014. Thành viên không điều hành.
5	Phạm Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	0	0,000000%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017. Thành viên không điều hành.
6	Nguyễn Mỹ Hào	Ủy viên HĐQT	7012	0,00019%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017. Thành viên không điều hành.
9	Trương Gia Bình	Ủy viên HĐQT	0	0	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 27/04/2018.
7	Hồng Quang	Ủy viên HĐQT	0	0	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 27/04/2018. Thành viên độc lập.
8	Đỗ Việt Hùng	Ủy viên HĐQT	2	0	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/04/2019.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2019, HĐQT Vietcombank đã tổ chức họp 73 phiên họp (trong đó có 21 phiên toàn thể HĐQT) và 59 trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, để định hướng, chỉ đạo hoạt động của Vietcombank trong từng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT, cũng như trao đổi về một số chuyên đề cụ thể khác.

Tỷ lệ tham dự họp của các Thành viên HĐQT trong năm 2019 như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Số buổi họp trên cơ sở lấy phiếu ý kiến	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham họp
1	Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	25/04/2013	73/73	59/59	100%	
2	Phạm Quang Dũng	TV HĐQT, TGD	25/04/2013	73/73	59/59	100%	
3	Eiji Sasaki	TV HĐQT, PTGD	28/04/2017	21/21	2/2	100%	(1)
4	Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT	26/12/2014	73/73	59/59	100%	
5	Phạm Anh Tuấn	TV HĐQT	28/04/2017	73/73	59/59	100%	
6	Nguyễn Mỹ Hào	TV HĐQT	28/04/2017	73/73	59/59	100%	
7	Hồng Quang	TV HĐQT	27/04/2018	73/73	59/59	100%	
8	Đỗ Việt Hùng	TV HĐQT	26/04/2019	51/51	56/56	100%	(2)
9	Trương Gia Bình	TV HĐQT độc lập	27/04/2018	21/21	2/2	100%	(3)

Ghi chú:

- (1) Ông Eiji Sasaki là TV HĐQT kiêm nhiệm, chỉ tính tỷ lệ tham gia họp đối với các phiên họp toàn thể.
- (2) Ông Đỗ Việt Hùng được bầu làm TV HĐQT từ ngày 26/04/2019 nên chỉ tính tỷ lệ tham gia từ ngày 26/04/2019 đến ngày 31/12/2019.
- (3) Ông Trương Gia Bình là TV HĐQT độc lập, chỉ tính tỷ lệ tham gia họp đối với các phiên họp toàn thể.

QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

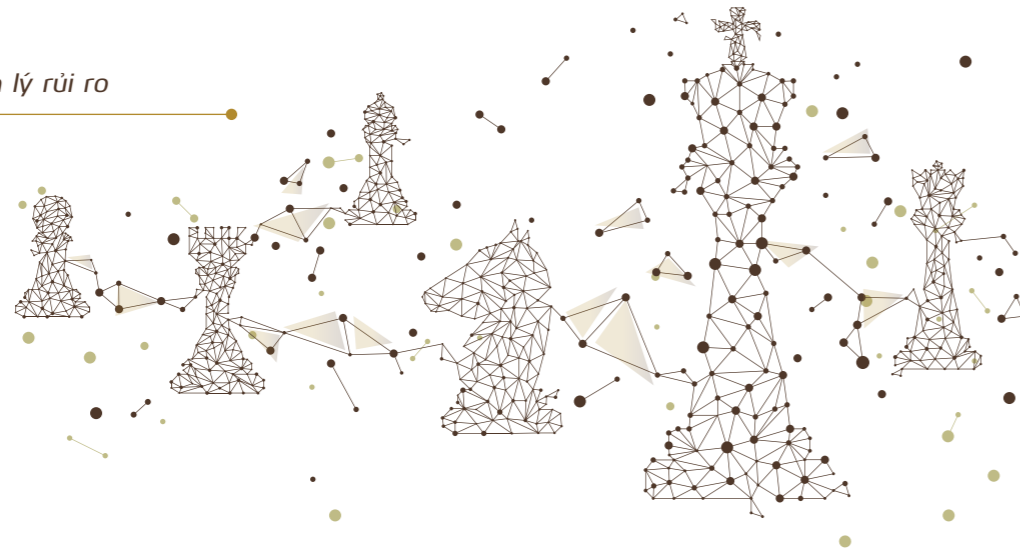
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu các Ủy ban



Ủy ban Quản lý rủi ro



Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt các chính sách và định hướng phù hợp trong từng thời kỳ liên quan đến các loại rủi ro (rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động,...), bao gồm cả việc xác định các tỷ lệ, giới hạn/hạn chế và mức độ chấp nhận rủi ro của Ngân hàng.

1	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	<i>Trưởng ban</i>
2	Ông Trương Gia Bình	Thành viên độc lập của HĐQT	<i>Thành viên</i>
3	Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	<i>Thành viên</i>
4	Ông Nguyễn Mỹ Hòa	Thành viên HĐQT	<i>Thành viên</i>
5	Ông Eiji Sasaki	Thành viên HĐQT	<i>Thành viên</i>
6	Bà Đinh Thị Thái	Phó Tổng Giám đốc	<i>Thành viên</i>
7	Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	<i>Thành viên</i>
8	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Giám đốc Khối Bán buôn	<i>Thành viên</i>
9	Ông Thomas William Tobin	Giám đốc Khối Bán lẻ	<i>Thành viên</i>

Trong năm 2019, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tổ chức 4 phiên họp định kỳ, phối hợp với các phòng ban có liên quan để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế của Vietcombank, tham mưu đề xuất cho HĐQT về các chiến lược, chính sách quản lý rủi ro, các biện pháp phòng ngừa rủi ro trên nhiều mặt hoạt động.



Ủy ban nhân sự

Ủy ban nhân sự là ủy ban có vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến nhân sự, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ khác của Vietcombank.

Thành viên Ủy ban Nhân sự gồm có:

1	Ông Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	<i>Trưởng ban</i>
2	Ông Phạm Quang Dũng	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	<i>Thành viên</i>
3	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT	<i>Thành viên</i>
4	Ông Hồng Quang	Ủy viên HĐQT	<i>Thành viên</i>
5	Ông Trần Bình Nguyên	Trưởng Ban Quản lý nhân sự	<i>Thành viên</i>

Sau khi các văn bản quy chế về quản lý cán bộ được ban hành đồng bộ, UBNS đã tích cực, chủ động trong việc tham mưu đánh giá, đề xuất quy hoạch bổ nhiệm quản lý cán bộ thuộc phân cấp thẩm quyền. Trong thời gian qua, việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức vụ lãnh đạo thuộc Trụ Sở chính và các đơn vị kinh doanh đều được thông qua bởi UBNS, góp phần nâng cao năng lực, chất lượng trong việc quản lý cán bộ.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỀU ĐÃ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 12 của Vietcombank ngày 26/04/2019 đã thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023 đối với bà Vũ Thị Bích Vân (đã nghỉ chế độ hưu trí kể từ ngày 01/03/2019 theo Quyết định của Thống đốc NHNN). Số lượng thành viên BKS tại thời điểm 31/12/2019 là 03 thành viên.

Trong năm 2019, các Thành viên BKS tham dự cuộc họp BKS như sau:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Trương Lệ Hiền	Trưởng BKS	Tháng 6/2008	4/4	100%	-
2	Bà La Thị Hồng Minh	Thành viên BKS	Tháng 6/2008	4/4	100%	-
3	Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên BKS	Tháng 6/2008	4/4	100%	-
4	Bà Vũ Thị Bích Vân	Thành viên BKS	Tháng 4/2011	1/4	25% (*)	-

(*) Ghi chú:

Bà Vũ Thị Bích Vân đã nghỉ chế độ hưu trí tại NHNN từ 01/03/2019 và được ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm ngày 26/04/2019.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS)

- **Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:**

BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, BDH trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2019 của Vietcombank được ĐHĐCĐ thông qua, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành. Nhìn chung, trong năm 2019, HĐQT và BDH đã chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Vietcombank theo đúng mục tiêu, các chỉ tiêu kinh doanh đang bám sát kế hoạch đề ra; HĐQT và BDH đã tuân thủ các quy định của Luật TCTD và Điều lệ Ngân hàng trong quản trị, điều hành.

Thực hiện theo quy định của Luật TCTD, BKS đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, TV HĐQT, TV BKS, TGD và người có liên quan của TV HĐQT, TV BKS, TGD và cập nhật thông tin định kỳ.

- **Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

Thực hiện Quy chế quản trị nội bộ Vietcombank, BKS thường xuyên tham gia các cuộc họp thường xuyên/định kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của BDH. BKS cũng được cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của ngân hàng phục vụ cho việc kiểm soát của BKS.

BKS đã phối hợp với HĐQT, BDH để rà soát các quy định về quản trị nội bộ (Điều lệ tổ chức và hoạt động của Vietcombank, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS,...) nhằm đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư 13/2018-TT-NHNN ngày 18/05/2018 và

Thông tư 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

BKS đã có sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BDH trong việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động giám sát, kiểm toán của ngân hàng. Thông qua hoạt động kiểm soát, BKS đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị với HĐQT, BDH về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và an toàn hoạt động của Ngân hàng.

- **Hoạt động khác của Ban Kiểm soát:**

Trong năm 2019, BKS đã chỉ đạo các bộ phận thực hiện công tác thẩm định BCTC năm 2018 và BCTC giữa niên độ 2019 của VCB; thực hiện lập báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ; làm đầu mối triển khai Thông tư 13/2018-TT-NHNN tại VCB; theo dõi tình hình quản lý giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn; giám sát việc triển khai thực hiện Phương án tái cơ cấu VCB đến năm 2020.

Các thành viên/cán bộ BKS đã tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nghiệp vụ nhằm nâng cao kiến thức quản trị, điều hành, tham gia các dự án chuyển đổi của ngân hàng; chủ động theo dõi, đôn đốc, phối hợp với các Phòng/Ban/Trung tâm tại TSC và các Chi nhánh trong quá trình thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ và kiến nghị theo kết luận của các đơn vị thanh tra, kiểm tra bên ngoài.



QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Trong năm 2019 có phát sinh giao dịch mua cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan, cụ thể như sau:

TT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu trước giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu sau giao dịch		Lý do tăng/giảm	Thời gian báo cáo kết quả giao dịch	Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %			
1	Ông Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	49.025	0,00136	59.025	0,0016	Mua	01/2019	
2	Ông Lê Hoàng Tùng	Kế toán trưởng	10.000	0,00027	20.000	0,0005	Mua	01/2019	
3	Ông Lê Hoàng Tùng	Kế toán trưởng	20.000	0,0005	10.000	0,00028	Bán	11/2019	
4	Ông Phạm Mạnh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	37.197	0,001	197	0	Bán	07/2019	
5	Bà Nguyễn Thị Phương		21.068	0,00057	68	0	Bán	07/2019	Vợ PTGD Phạm Mạnh Thắng

NGÂN HÀNG VIỆT NAM ĐẦU TIÊN CÓ HIỆN DIỆN THƯƠNG MẠI TẠI MỸ

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư trong năm 2019 tiếp tục được đẩy mạnh và chú trọng. Vietcombank tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin, đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch và kịp thời tới cộng đồng các nhà đầu tư. Đồng thời, Vietcombank tích cực tăng cường chất lượng công tác thông tin, tiếp xúc với cổ đông và nhà đầu tư thông qua các cuộc trao đổi trực tiếp tại trụ sở, tham dự các hội nghị đầu tư trong và ngoài nước, cập nhật thường xuyên và đăng tải rộng rãi tài liệu giới thiệu về Vietcombank và kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý.

TIẾP XÚC NHÀ ĐẦU TƯ

Tổ chức gần 80 cuộc tiếp xúc và làm việc tại Vietcombank với hàng trăm nhà đầu tư cá nhân/tổ chức, các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ trong, ngoài nước.

Các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm tìm hiểu về Vietcombank đến từ nhiều quốc gia khác nhau, trong đó nhiều nhất là các quỹ đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tiếp sau đó là các nhà đầu tư đến từ Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Châu Âu,...

Qua tiếp xúc, các nhà đầu tư đã được cập nhật kịp thời về những diễn biến kinh tế vĩ mô và ngành ngân hàng, về tình hình hoạt động cũng như triển vọng phát triển của Vietcombank. Kết quả hoạt động kinh doanh tốt cùng hiệu quả công tác quan hệ nhà đầu tư tiếp tục hỗ trợ nâng cao vị thế cổ phiếu Vietcombank trên thị trường chứng khoán, đặc biệt trong tương quan so sánh với các ngân hàng niêm yết.

THAM DỰ CÁC HỘI NGHỊ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Là công ty đại chúng lớn, có tầm ảnh hưởng, đồng thời với đội ngũ Quan hệ Nhà đầu tư được đánh giá cao về tính chuyên nghiệp, hàng năm Vietcombank được mời tham gia nhiều sự kiện đầu tư trong và ngoài nước. Năm 2019, Vietcombank đã lựa chọn tham gia một số sự kiện tiêu biểu sau:

- **Chuỗi sự kiện đầu tư do Daiwa Capital Markets (Nhật Bản) tổ chức tại các trung tâm tài chính lớn của thế giới:** Nhật Bản (03/2019), Hoa Kỳ (05/2019), Singapore (08/2019), Hong Kong (09/2019).
- **Các sự kiện đầu tư trong nước do các công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam tổ chức:** Vietnam Access Day của VCSC (03/2019), Emerging Vietnam 2019 Conference của HSC (06/2019) và 2019 Investor Conference của Vinacap (10/2019).
- **Các sự kiện đầu tư do các tổ chức tài chính uy tín khác tổ chức tại nước ngoài:** Credit Suisse tổ chức tại London và New York (02/2019), UBS tổ chức tại Bangkok (09/2019).

Việc liên tục được chọn mời tham dự tất cả các sự kiện đầu tư quan trọng nhất tổ chức trong nước và một trong số ít các doanh nghiệp Việt Nam liên tục được mời tham gia các sự kiện quốc tế đã khẳng định vị thế của Vietcombank trong mắt cộng đồng đầu tư. Thông qua các sự kiện này, bộ phận IR đã cung cấp thông tin đầy đủ, thường xuyên đến nhà đầu tư, tăng cường kết nối với hàng trăm tổ chức tài chính, quỹ đầu tư uy tín trong và ngoài nước.

QUẢN TRỊ RỦI RO

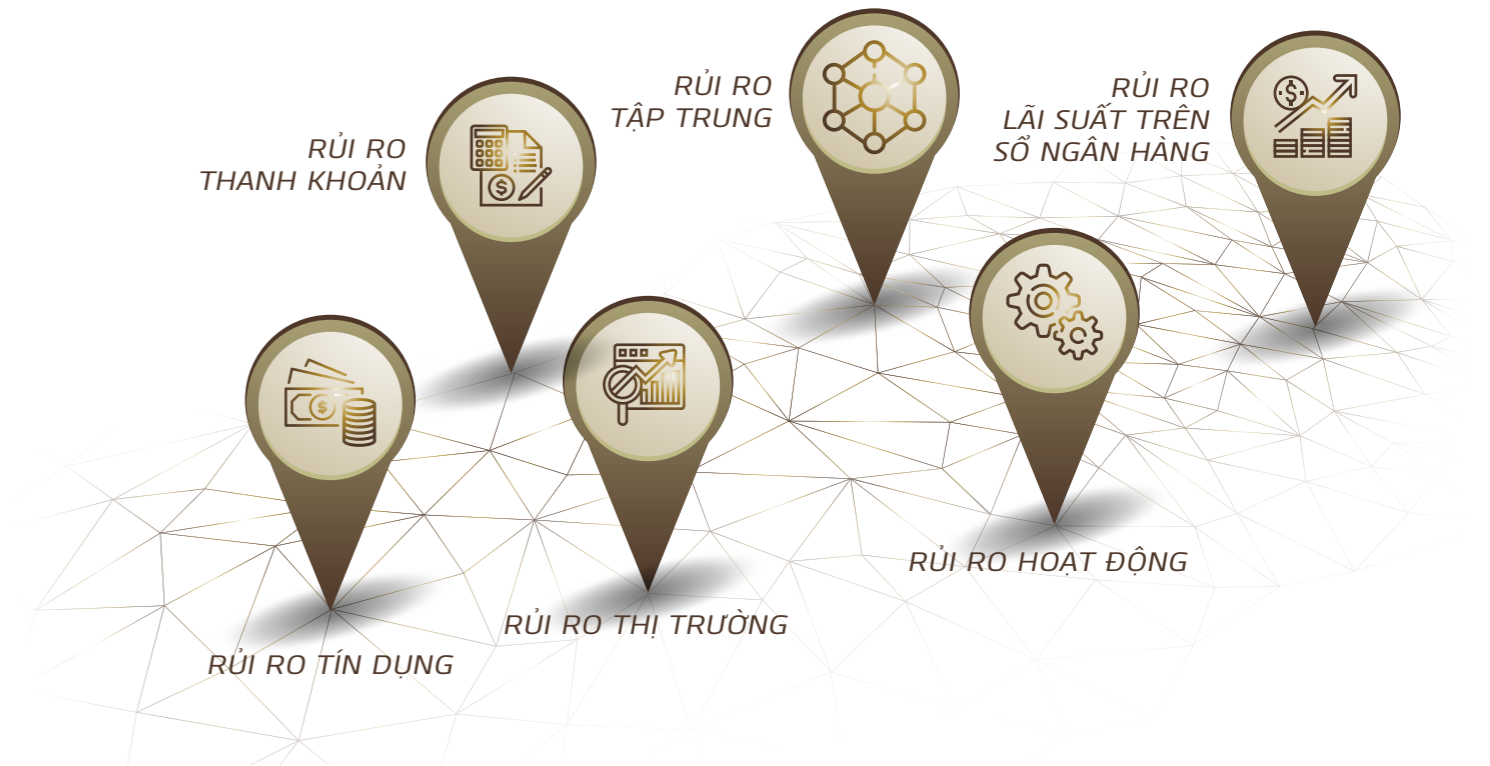


Nhằm giữ vững mục tiêu chiến lược là ngân hàng quản trị rủi ro tốt nhất Việt Nam, Vietcombank luôn chủ động nâng cao văn hóa quản trị rủi ro, tiên phong trong nghiên cứu, áp dụng các mô hình, phương thức quản trị rủi ro tiên tiến theo chuẩn mực quốc tế, định hướng của Cơ quan quản lý, cũng như nhu cầu quản trị nội bộ.

Về cơ cấu tổ chức, Vietcombank thường xuyên rà soát, kiện toàn bộ máy quản trị rủi ro phù hợp với nguyên tắc ba tuyến bảo vệ: (i) tuyến bảo vệ thứ nhất có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro; (ii) tuyến bảo vệ thứ hai có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật và (iii) tuyến bảo vệ thứ ba có chức năng kiểm toán nội bộ. Đồng thời, tăng cường, nâng cao vai trò, hoạt động của các Ủy ban, Hội đồng, Bộ phận trong công tác quản lý rủi ro, như: Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng rủi ro, Bộ phận Quản lý rủi ro, Bộ phận Tuân thủ, Kiểm toán nội bộ. Qua đó giúp nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro, đồng thời hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả tốt nhất cho Ngân hàng.

Các văn bản, chính sách, quy định, hướng dẫn về quản lý rủi ro cũng được Vietcombank định kỳ rà soát, cập nhật đáp ứng các yêu cầu, định hướng của Cơ quan quản lý, cũng như thực trạng hoạt động của Vietcombank.

Tổng hợp công tác quản lý các loại hình rủi ro trọng yếu tại Vietcombank như sau:

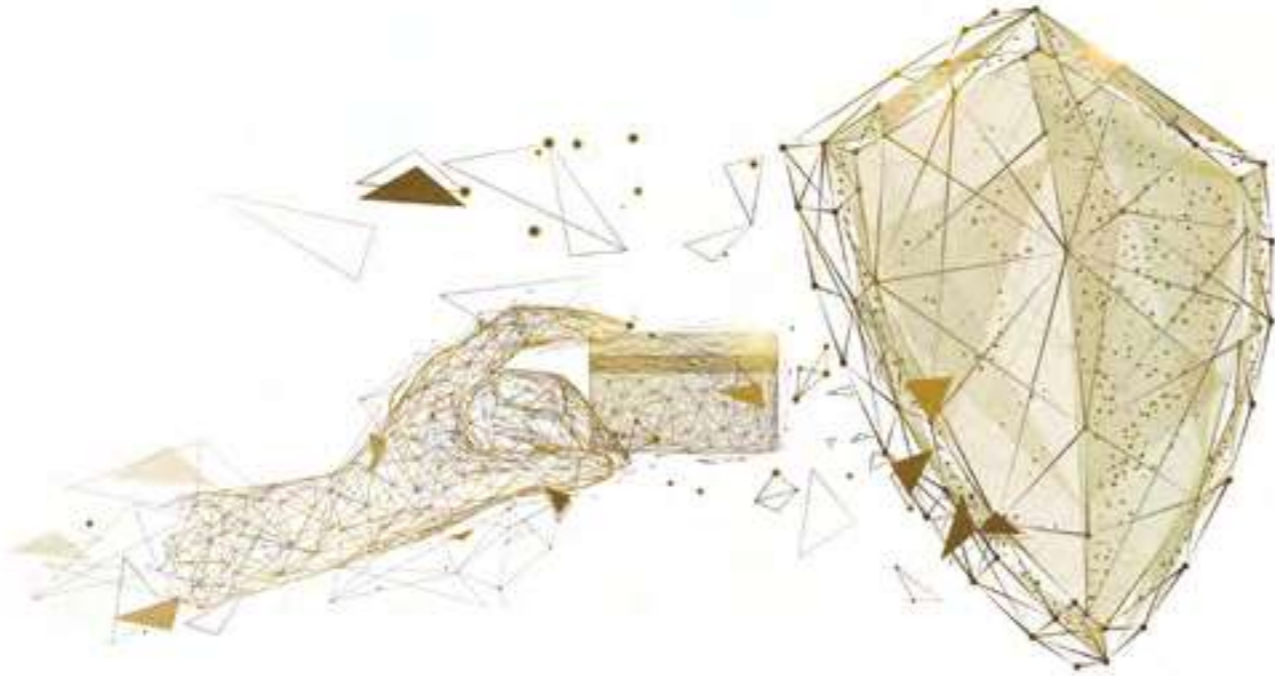


Vietcombank cũng chú trọng trong đầu tư xây dựng các công cụ, mô hình đo lường rủi ro theo các phương pháp tiên tiến. Các mô hình lượng hóa rủi ro đã được xây dựng với tỷ lệ bao phủ gần như toàn bộ danh mục của ngân hàng như: Mô hình lượng hóa xác suất vỡ nợ (mô hình PD) theo tiêu chuẩn Basel II; mô hình về tổn thất tại thời điểm vỡ nợ (mô hình LGD); mô hình về dư nợ của khách hàng tại thời điểm vỡ nợ (mô hình EAD) cho Danh mục Bán Buôn và Bán lẻ.

Bên cạnh đó, các hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ cũng thường xuyên được Vietcombank nâng cấp nhằm có thể đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu quản trị. Chất lượng và tính đầy đủ của dữ liệu tiếp tục được Vietcombank chú trọng rà soát và nâng cao, và là nền tảng quan trọng cho công tác quản trị rủi ro của Ngân hàng.

Về triển khai Basel II, tiếp nối đà triển khai của năm 2018 với kết quả là ngân hàng đầu tiên được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận áp dụng Thông tư 41 về tỷ lệ an toàn vốn sớm 01 năm so với thời hạn hiệu lực, trong năm 2019, Vietcombank tiếp tục đẩy nhanh triển khai các nội dung về ICAAP cũng như các nội dung theo phương pháp nâng cao. Đến nay, về cơ bản các điều kiện cần thiết để đáp ứng Basel II theo phương pháp nâng cao đã được hoàn thiện.

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)



RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng bao gồm: (i) Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng; (ii) Rủi ro tín dụng đối tác là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của các giao dịch tự doanh; giao dịch repo và giao dịch reverse repo; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác.

Khung quản lý rủi ro tín dụng của Vietcombank bao gồm cơ cấu tổ chức, các chính sách, quy trình, mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng, hạn mức và báo cáo rủi ro tín dụng. Một số kết quả quản lý rủi ro tín dụng chính trong thời gian vừa qua có thể kể đến như sau:

- Xây dựng hệ thống khung dấu hiệu cảnh báo sớm ("EWS"), nhằm đánh giá và nhận diện sớm các đối tượng khách hàng doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro, từ đó nâng cao chất lượng danh mục tín dụng của Ngân hàng thông qua việc đánh giá thường xuyên khách hàng sau cho vay, kịp thời đưa ra các biện pháp phòng ngừa, xử lý nhằm giảm thiểu thiệt hại cho Ngân hàng. Việc nhận diện khách hàng được

xây dựng dựa trên cơ sở phân tích định lượng các dữ liệu trên hệ thống ngân hàng lõi, hệ thống xếp hạng tín dụng kết hợp với bộ câu hỏi định tính nhằm đánh giá thiện chí, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật: (i) báo cáo quản lý danh mục tín dụng bán buôn và danh mục tín dụng bán lẻ; (ii) định kỳ, xây dựng báo cáo ngành làm căn cứ để xác định rủi ro ngành, từ đó có định hướng cấp tín dụng với từng ngành tùy theo mức độ rủi ro của từng ngành; (iii) thông tin về nhóm khách hàng có mối quan hệ liên quan để phân cấp thẩm quyền cấp tín dụng với từng nhóm khách hàng có mối quan hệ liên quan, đảm bảo các nhóm khách hàng có mức độ ảnh hưởng trọng yếu phải được cấp thẩm quyền cao hơn phê duyệt cấp tín dụng.
- Xây dựng, theo dõi và quản lý hạn mức rủi ro tín dụng, gồm: (i) Hạn mức cấp tín dụng theo đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế trên cơ sở khả năng trả nợ của khách hàng, rủi ro tín dụng của ngành, lĩnh vực kinh tế; (ii) Hạn mức cấp tín dụng theo sản phẩm, hình thức bảo đảm trên cơ sở rủi ro tín dụng tương ứng của sản phẩm, hình thức bảo đảm.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

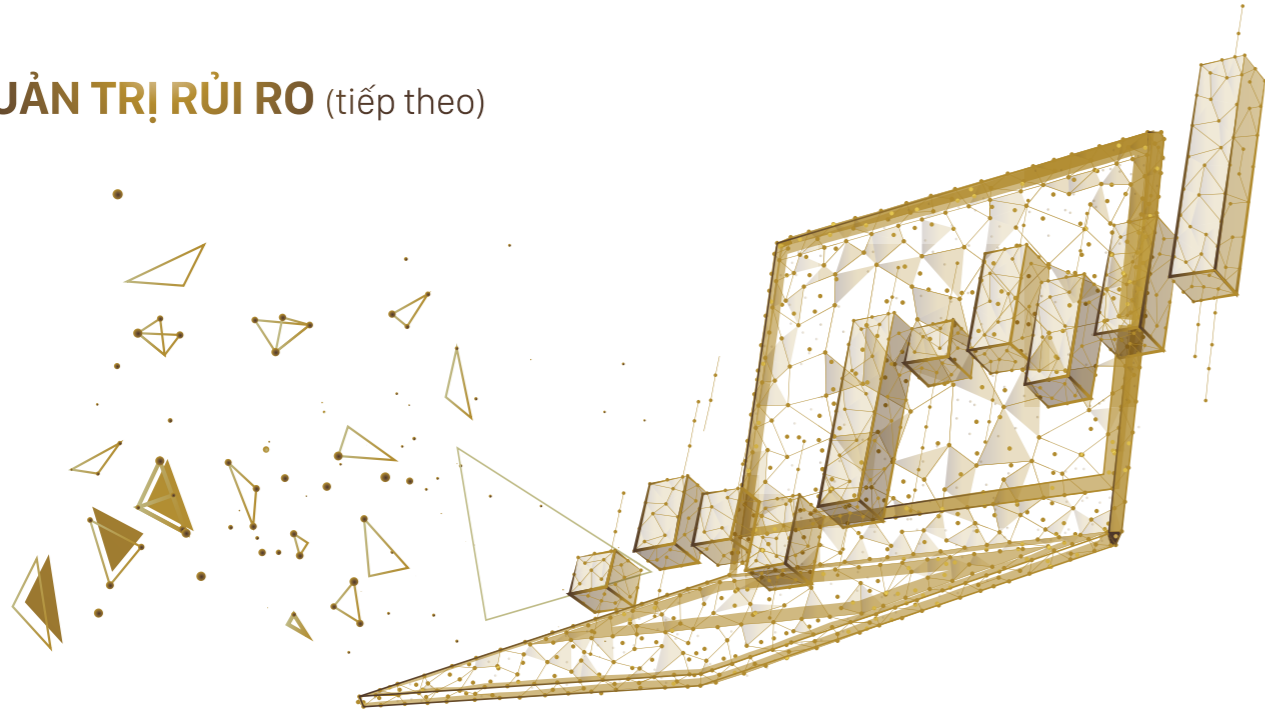
Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hoá trên thị trường đối với giá trị danh mục tài sản tài chính của ngân hàng. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro lãi suất; rủi ro giá cổ phiếu trên Sở kinh doanh và rủi ro ngoại hối, rủi ro giá hàng hóa trên Sở kinh doanh và Sở ngân hàng.

Khung quản lý rủi ro thị trường của Vietcombank là sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu tổ chức, các chính sách, quy trình, mô hình, hạn mức và báo cáo rủi ro thị trường, được xây dựng theo các tiêu chuẩn tiên tiến trên thế giới. Việc quản lý rủi ro thị trường được thực hiện chi tiết đến từng đơn vị kinh doanh, nghiệp vụ trên cơ sở xác định từng hồ sơ rủi ro nói riêng và khẩu vị rủi ro của Vietcombank nói chung. Trên cơ sở khung quản lý rủi ro thị trường đồng bộ, Vietcombank có thể chủ động phòng ngừa rủi ro nhằm hạn chế các tác động của biến động thị trường.

Năm 2019, sau khi được phê duyệt việc tuân thủ sớm Thông tư 41 về đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, và Thông tư 13 về hệ thống kiểm soát nội bộ, Vietcombank tiếp tục rà soát, định kỳ cập nhật các chính sách, quy trình và bổ sung, nâng cấp các hệ thống, mô hình, chương trình đo lường, quản lý rủi ro thị trường nhằm đáp ứng tốt nhất các quy định của Ngân hàng Nhà nước cũng như bám sát theo các thông lệ quốc tế.



QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)



RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bao gồm cả rủi ro pháp lý).

Cùng với việc cung cấp toàn diện các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng, Vietcombank ngày càng chú trọng đến công tác quản lý rủi ro hoạt động (QLRRHĐ). Khung QLRRHĐ của Vietcombank, bao gồm mô hình, cơ cấu tổ chức và các chính sách, quy trình QLRRHĐ, liên tục được cải thiện để bảo đảm tuân thủ quy định của Cơ quan quản lý Nhà nước tại Thông tư 13 và theo tiêu chuẩn tiên tiến của Basel II.

Năm 2019, công tác QLRRHĐ của Vietcombank tiếp tục được chú trọng và tăng cường, với mục tiêu giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động để bảo vệ Ngân hàng, cổ đông và khách hàng. Công tác QLRRHĐ được triển khai hiệu quả không chỉ theo chiều rộng mà còn theo chiều sâu trên phạm vi toàn hệ thống thông qua các công cụ QLRRHĐ như công tác báo cáo sự cố, tự đánh giá rủi ro và các chốt kiểm soát, xây dựng và theo dõi các chỉ số rủi ro chính (KRI), công tác đánh giá rủi ro đối với mọi chính sách, quy định, sản phẩm, dịch vụ mới, kể cả hoạt động thuê ngoài. Những công cụ này đã hỗ trợ hiệu quả việc nhận dạng, đo lường, đánh giá và giảm thiểu rủi ro hoạt động. Đặc biệt, Vietcombank đã đầu tư hệ thống phần mềm QLRRHĐ, qua đó tăng cường tự động hóa, tăng cường tính hiệu quả và chất lượng công tác QLRRHĐ tại Vietcombank.

Đặc biệt, Vietcombank rất tích cực triển khai các quy trình và hành động cụ thể để quản lý các rủi ro hoạt động trọng yếu. Trong đó, công tác quản lý rủi ro gian lận (QLRRGL) tiếp tục được đẩy mạnh, với việc thực hiện toàn diện chính sách, quy trình và công cụ QLRRGL, triển khai cơ chế tố giác và các quy định liên quan về quản lý nhân sự nhằm phòng ngừa và phát hiện sớm dấu hiệu rủi ro gian lận. Ngoài ra, khung quản lý rủi ro công nghệ thông tin (CNTT) tiếp tục được tăng cường, hoàn thiện nhằm phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro CNTT và duy trì tính liên tục trong vận hành hệ thống CNTT.

Ngoài các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và giảm thiểu rủi ro hoạt động, Vietcombank cũng tiếp tục thực hiện chuyển giao rủi ro hoạt động thông qua các gói bảo hiểm rủi ro hoạt động đối với tài sản của ngân hàng như một biện pháp QLRRHĐ bổ sung, giúp bảo vệ ngân hàng trong trường hợp phát sinh các tổn thất nghiêm trọng.

Bên cạnh các công cụ kỹ thuật, Vietcombank cũng không ngừng tập trung nâng cao văn hóa QLRRHĐ thông qua công tác đào tạo, bảo đảm tuân thủ Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, và xây dựng một môi trường lao động gắn kết để ngăn ngừa rủi ro.



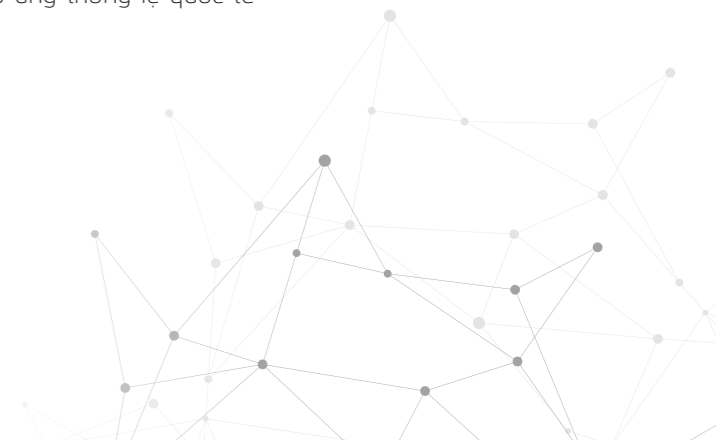
RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh do:

- Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc
- Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của ngân hàng.

Khung quản trị rủi ro thanh khoản của Vietcombank đã được thiết lập đầy đủ bao gồm mô hình, cơ cấu tổ chức quản trị, hệ thống văn bản chính sách, quy trình, quy định, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro theo thông lệ quốc tế, các tiêu chuẩn tiên tiến của Basel, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ khả năng chi trả và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng.

Năm 2019, trên cơ sở ứng dụng kết quả đầu ra của các dự án chuyển đổi, Vietcombank đã triển khai chính thức các công cụ quản lý rủi ro thanh khoản mới như hạn mức thời gian sống sót tối thiểu, ngưỡng theo dõi tỷ lệ tập trung nguồn vốn,... và thực hiện đầu tư các hệ thống, chương trình, phần mềm ALM nhằm đáp ứng thông lệ quốc tế về quản lý rủi ro thanh khoản.



QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)



RỦI RO TẬP TRUNG

Rủi ro tập trung là rủi ro do ngân hàng có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của ngân hàng. Rủi ro tập trung bao gồm rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và rủi ro tập trung đối với hoạt động giao dịch tự doanh.

Vietcombank đã thiết lập khung quản trị rủi ro tập trung đầy đủ, bao gồm mô hình, cơ cấu tổ chức quản trị, hệ thống văn bản chính sách, quy trình, quy định, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro đảm bảo tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước, cũng như quy định nội bộ của Vietcombank.

Trong công tác quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng, Vietcombank chủ trương đa dạng hóa danh mục cấp tín dụng theo các nguyên tắc sau: (i) xác định hạn mức rủi ro tập trung tín dụng cho sản phẩm tín dụng, khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế; (ii) xác định người có liên quan của khách hàng; (iii) xác định mức độ đa dạng và mức độ tương tác giữa các sản phẩm tín dụng, ngành, lĩnh vực kinh tế. Trong năm 2019, Vietcombank luôn giám sát, theo dõi các hạn mức rủi ro tập trung tín dụng đảm bảo các hạn mức rủi ro tập trung tín dụng luôn được tuân thủ theo quy định.

Đối với rủi ro tập trung trong hoạt động tự doanh, Vietcombank đã triển khai chính thức các công cụ quản lý dựa trên các tiêu chí xác định danh mục giao dịch tự doanh để áp dụng hạn mức đảm bảo mức độ đa dạng, mức độ tương tác; các hạn mức được thiết lập dựa trên mức tối đa của tỷ trọng giữa số dư của sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ và đối tác giao dịch so với tổng số dư giao dịch tự doanh.

RỦI RO LÃI SUẤT TRÊN SỔ NGÂN HÀNG

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng phát sinh do:

- *Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất;*
- *Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn;*
- *Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau;*
- *Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.*

Đối với công tác quản trị rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Vietcombank đã thiết lập hệ thống chính sách, quy trình, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát, báo cáo rủi ro theo các thông lệ quốc tế, Basel và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Vietcombank là một trong các ngân hàng đầu tiên áp dụng các công cụ, hạn mức quản lý rủi ro lãi suất vào hoạt động quản trị hàng ngày (quản lý chênh lệch kỳ hạn tái định giá giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất, độ nhạy thu nhập lãi thuần (độ nhạy NII) và độ nhạy giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (độ nhạy EVE)). Ngoài ra, Vietcombank cũng sử dụng sản phẩm phái sinh phù hợp để giảm thiểu tác động tiêu cực của biến động lãi suất.

Trong năm 2019, Vietcombank tiếp tục triển khai dự án hệ thống phần mềm ALM/FTP nhằm nâng cao mức độ tự động hóa cũng như hiệu quả quản trị rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

DANH SÁCH CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH THỜI ĐIỂM 31/12/2018

Tính đến thời điểm 31/12/2019: Vietcombank có 111 Chi nhánh và 441 Phòng giao dịch đã đi vào hoạt động. Ngày 20/09/2019, Vietcombank đã được NHNN chấp thuận thành lập 31 Phòng giao dịch. Dự kiến, các Chi nhánh và Phòng giao dịch khai trương hoạt động trong năm 2020.

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
An Giang	30-32 Hai Bà Trưng, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	02963.898999 02963.841075 02963.841816	02963.841591
Ba Đình	521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	024.37665318	024.37665313
Bắc Bình Dương	Lô D1-4-TT, Đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	0274.3697979	0274.3618787
Bắc Giang	Số 278 đường Hoàng Văn Thụ, Phường Đình Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.	0204.3855576	0204.3855575
Bắc Hà Tĩnh	Số 52 Đường Trần Phú, Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	0239.6262555	0239.6269555
Bạc Liêu	Số 14-15 lô B đường Bà Triệu, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.	0291.3955055	0291.3955055
Bắc Ninh	Ngã 6, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	0222.3811880	0222.3811848
Bắc Gia Lai	Số 737 Phạm Văn Đồng, Phường Yên Thế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia lai	02693.867927	02693.867929
Bắc Sài Gòn	Khu hành chính, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố HCM	028.37654666	028.37651327
Bến Tre	Số 55B3, Đại lộ Đông Khởi, Phường Phú Khương, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	0275.6255888	0275.6253666
Biên Hòa	Số 22, Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	0251.3991944	0251.3991947
Bình Định	66C đường Lê Duẩn, Phường Lý Thường Kiệt, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	0256.3526666 0256.3526526	0256.3523181
Bình Dương	314 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	0274.3831227	0274.3838675
Bình Phước	Số 744, Đường Phú Riềng Đỏ, Phường Tân Xuân, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	0271.3558888	0271.3867575
Bình Tây	129-129A Hậu Giang, Phường 5, Quận 6, Thành phố HCM	028.39600477 028.39600478	028.39606217

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
Bình Thuận	Số 50 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Phường Hưng Long, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	0252.3739064 0252.3739065	0252.3739290
Cà Mau	Số 07 đường An Dương Vương, Phường 7, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	0290.3575857 0290.3835207	0290.3833466
Cần Thơ	03-05-07 Hòa Bình, phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	0292 3820445	0292 3817299
Châu Đốc	Số 20 Lê Lợi, Phường Châu Phú B, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang	0296.3565603 0296.3561702	0296.3561703
Chương Dương	564 Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	024.36523333	024.36522949
Đà Nẵng	140-142 Lê Lợi, Phường Hải Châu, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	0236.3822110	0236.3826062
Đắk Lắk	06 Trần Hưng Đạo, Phường Thắng Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	0262.3818444 0262.2240777 0262.3857899	0262.3855038
Đông Anh	Thôn Nghĩa Lại, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	024.38835999	024.38835888
Đồng Nai	Số 53-55, Đường Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	0251.3823666	0251.3824191
Đông Sài Gòn	22F-24 Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố HCM	028.38407924	028.38407925
Đồng Tháp	Số 66, Đường 30/4, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	0277.3872110 0277.3872114	0277.3872119
Dung Quất	KCN Đông Dung Quất, KKT Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	0255.3632333 0255.3632212 0255.3632797	0255.3632336 0255.3610806 0255.3616688
Gia Định	Số 423-425 Đường Lê Văn Việt, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố HCM	028.37307799	028.37361199
Gia Lai	33 Quang Trung, Phường Hội Thương, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia lai	0269.3875566	0269.3828592
Tân Sơn Nhất	Số 366A33 Đường Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố HCM	028.39856868	028.39856869
Hạ Long	166 Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	0203.3811808 0203.3811911	0203.3844746
Hà Nam	Đường Lê Hoàn, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam	0226.3616666	0226.3616567
Hà Nội	Tầng 1 đến tầng 5, Số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	0220.3891131	0220.3891807
Tây Hà Nội	Lô HH-03, Đường Tố Hữu, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	024.33554545	024.33554444

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
Hà Thành	Số 344 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	024.36503333	024.32252222
Hà Tĩnh	Số 02 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	0239.3857003 0239.3777886	0239.3857002
Hải Dương	Số 66 Nguyễn Lương Bằng, Phường Bình Hàn, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	03203.891131	03203.891807
Hải Phòng	Số 275 Lạch Tray, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	0225.3842658	0225.3841117
Hồ Chí Minh	Tòa nhà VBB, Số 5 công trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố HCM	028.38297245 028.39141777	028.38297228
Hoàn Kiếm	23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	024.39335566	024.39335580
Hoàng Mai	Tầng 1, 2, Tower 1, Times City, 458 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	024.38383383	024.32115555
Huế	78 Hùng Vương, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	0234.3811900	0234.3824631
Hùng Vương	664 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM	028.38663983 028.38663984 028.38624810	028.38624804 028.38624806
Hưng Yên	Số 02, Đường Nguyễn Công Hoan, Phường Bản Yên Nhân, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên	0221.3941886	0221.3941044
Khánh Hòa	17 Quang Trung, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	0221.3589368	02583.815114
Kiên Giang	Số 89, Đường 3 tháng 2, Phường Vĩnh Bảo, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	0297.3862749	0297.3866243
Kon Tum	Số 01 đường Phan Đình Phùng, Phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	0260.3703337	0260.3913516
Kỳ Đồng	13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, Thành phố HCM	028.39318968	028.39318953
Lâm Đồng	Số 33 Nguyễn Văn Cừ, Phường 1, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	0263.3511811	0263.3533666
Lạng Sơn	Số 37, Đường Lê Lợi, Phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn	0205.3859859	0205.3866555
Lào Cai	Số 79, Đường Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	0214.3828396 0214.3828265	0214.3828261 0214.3828326
Long An	Số 2A, Phạm Văn Ngũ, Khu phố 5, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	0272.3633683	0272.3633687
Đông Đông Nai	Số 163 Quốc lộ 1A, Xã Hối Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	02513.646151	02513.646157

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
Móng Cái	Số 05, Đường Hùng Vương, Phường Trần Phú, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh	0203.3757575	0203.3881676 0203.3772886
Nam Bình Dương	Số 121, Đường ĐT 743B, Khu phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	0274.7307777	0274.3710725
Nam Đà Nẵng	Số 537, Đường Trần Hưng Đạo, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	0236.3932999	0236.3932009
Nam Định	Số 629 Trần Hưng Đạo, Phường Lộc Vượng, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định	0228.3558666	0228.3558333
Nam Hà Nội	Tầng 1, 2, 3, Tòa nhà "Nhà ở cao tầng và dịch vụ Cầu Tiên", 1277 Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	024.38699696	024.36281000
Nam Hải Phòng	Số 11 Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	0225.3552299 0225.3841080	0225.3569611
Nam Sài Gòn	Tầng 1, 2, 3, 4 Tòa nhà V6, plot V, Khu đô thị mới Himlam, 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố HCM	028.37701634	028.37701635
Nghệ An	Số 21 Đường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	0238.3842033 0220.3891807	0238.3842192
Phú Nhuận	Số 285 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố HCM	028.38479966	028.38476226
Nha Trang	21 Lê Thành Phương, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	0258.3826279 0258.829689	0258.3829682
Nhơn Trạch	Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Ấp Xóm Hố, Xã Phú Nội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	0251.3521888 0251.3561628	0251.3521999
Ninh Bình	1069 Trần Hưng Đạo, Phố 14, Phường Vân Giang, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình	0229.3894444	0229.3894446
Ninh Thuận	Số 47 đường 16/4, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	0259.3922.755	0259.3922.756
Phố Hiến	Số 186 đường Chu Mạnh Trinh, Phường Hiến Nam, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên	0221.3596666	0211.3856866
Phú Quốc	Số 1A, Đường Hùng Vương, Khu phố 1, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	0297.3626264	0297.3626265
Phúc Yên	Tòa nhà Hoài Nam, Số 06 tổ 8 Đường Hai Bà Trưng, Phường Hùng Vương, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc	0211.3636666	02113 856 866
Quy Nhơn	433 Lạc Long Quân, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	0256.3541377	0256.3741007
Phú Thọ	1606A Đại Lộ Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	0210.3766666	0210.3766667
Phú Yên	Số 192-194-196 Hùng Vương, Phường 7, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	0257.3811709	0257.3818186

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
Quảng Bình	Số 01C, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Đồng Mỹ, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	0232.3840380	0232.3828347
Quảng Nam	35 Trần Hưng Đạo, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	0235.3813062	0235.3813235
Quảng Ngãi	345 Hùng Vương, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	0255.3828578	0255.3711482
Quảng Ninh	Đường 25/4, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	0203.3629213 0203.3627972	0203.3827206
Quảng Trị	51 Trần Hưng Đạo, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	0233.3555727	0233.3555726
Sài Gòn	69 Bùi Thị Xuân, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố HCM	028.38359323 028.38359262	028.38325041
Sài Thành	2D-2E Lý Thường Kiệt, Phường 12, Quận 5, Thành phố HCM	028.39573378	028.39573380
Sở giao dịch	31-33 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	024.39368547	024.39363354 024.38241395
Sóc Sơn	Số nhà 51, Đường Quốc Lộ 3, Tổ 12, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	024.35950000	024.35950505
Sóc Trăng	Số 3 Trần Hưng Đạo, Khóm 6, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	02993.883888 02993.883889	02993 610137
Tân Bình Dương	Số 16 Đường Lê Trọng Tấn, Khu phố Bình Đường 2, Phường An Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	0274.3792158 028.37241627	0274.3790134 028.37241498
Tân Bình	108 Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố HCM	028.38157777	028.38106838
Tân Định	72 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Thành phố HCM	028.38208762	028.38206846
Tây Cần Thơ	Lô 30A7A, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	0292.3844272	0292.3843056
Tây Hồ	Số 565 Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội	024.37581111	024.37585399 024.37585388
Tây Ninh	Số 313, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	0276.3818996 0276.3818997 0276.3818992	0276.3818998
Tây Sài Gòn	Số 321-323-325 Đường Phạm Hùng, Khu dân cư Him Lam, Ấp 4A, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố HCM	028.37589297	028.37589298
Thái Bình	Nhà khách công vụ, Trụ sở 1 Công an Tỉnh Thái Bình, Đường Lê Quý Đôn, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	0227.3839724	0227.3845994
Thái Nguyên	Số 10 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	0208.3658200	0208.3658219
Thăng Long	Tòa nhà PVOIL Phú Thọ, Số 148 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	024.37557194	024.37569006

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
Thành Công	Số 01 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	024.62578686	024.37761747
Thanh Hóa	05 Phan Chu Trinh, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	0237.3728286	0237.3728386
Thanh Xuân	448-450 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	024.35578589	024.35579138
Thủ Đức	Khu chế xuất Linh Trung I, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố HCM	028.38966806	028.38974176
Thủ Thiêm	Số 55-56 Đường Song Hành, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố HCM	028.73079668	028.73079530
Tiền Giang	152 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	0273.3976999	0273.3975878
Trà Vinh	Số 05 Lê Thánh Tôn, Phường 2, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	0294.3868780	0294.3868791
Vinh	Số 9, Đường Nguyễn Sỹ Sách, Phường Hà Huy Tập, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	0238.8699567	0238.8699568
Vĩnh Long	Số 5C, Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	0270.3888288	0270.836479
Vĩnh Phúc	Số 392A, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc	0211.3720920	0211.3720921
Vũng Tàu	Số 27 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3852309 0254.3859874 0254.3859168	0254.3859859
Đông Bình Dương	Số 26, Đường Lê Duẩn, Khu 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	0274.3589999	0274.3582222
Nghi Sơn	Thôn Nam Yến, Xã Hải Yến, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa	0237.3613999	0237.3616869
Tuyên Quang	Tổ 14, Phường Tân Quang, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	0207.3999666	0207.3999555
Kinh Bắc	Tòa nhà Long Phương, Số 370 - 372 Đường Trần Phú, Phường Đông Ngàn, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	0222.3818828	0222.3906910
Chí Linh	Số 1, Đường Thái Học, Phường Sao Đỏ, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương	0220.3885522	0220.3588000
Bảo Lộc	Số 452 Trần Phú, Phường 2, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng	0263.3726886	0263.3727778
Tân Sài Gòn	Số 1943-1945 Đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 5, Thị trấn Nhà Bè, Huyện Nhà Bè, Thành phố HCM	028.38738686	028.37810081
Bà Rịa	Số 03 Trường Chinh, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3716275 0254.3716989	0254.3716276

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

CÔNG TY CON/ CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT TRONG NƯỚC

Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Tầng 4, Tòa nhà 25T1 N05, Phố Hoàng Đạo Thúy,
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

[T] : 024.39289289

[F] : 024.39289150

Công ty TNHH Một thành viên chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Tầng 12&17, Toà cao ốc VietcomBank, Hoàn Kiếm, Hà Nội

[T] : 0439369990, 0439366991, 0439366992

[F] : 0439360262, 0439360263

Công ty TNHH Một thành viên Kiểu hối Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Tầng 4, Tòa nhà Vietcombank Kỳ Đồng, Số 13-13 Bis
Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

[T] : 028.35260888

[F] : 028.35260808

Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198

Tầng 14, Phòng 1406, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm,
Hà Nội

[T] : 024.39340919

[F] : 024.39340918

Công ty TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành (VBB)

Số 5, Công trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

[T] : 028.39153360

Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (VCBF)

Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải,
Quận Hoàn Kiếm

[T] : 024.39364540

[F] : 024.39364542

Công ty TNHH Bảo hiểm - Nhân thọ Vietcombank Cardif (VCLI)

Phòng 1101, Tòa tháp Capital, Số 109 Phố Trần Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

[T] : 024.39368507

[F] : 024.39367375

Công ty liên doanh Vietcombank Bonday VCBB

35 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

[T] : 028.38213321, 38213345

[F] : 028.38213366, 38213366

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN Ở TRONG NƯỚC

Văn phòng đại diện Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại khu vực phía Nam

Tầng 33-34 Tòa nhà VBB, Số 5 Công Trường Mê Linh,
P. Bến Nghé, Quận 1, TPHCM

[T] : 028.39826468

[F] : 028.39393948

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CÔNG TY Ở NƯỚC NGOÀI

Văn phòng đại diện Vietcombank tại Singapore

1 Raffles Place, #26-03 OUB Centre, Singapore 048616

[T] : 65 6323 7558

[F] : 65 6323 7559

Văn phòng đại diện Vietcombank tại Mỹ

Suite 1427-1428, 14th floor, One Rockefeller Plaza,
New York, NY 10020

[T] : (1) 646 937 1999

Công ty tài chính Việt Nam tại Hongkong (vinafico)

16/F, Golden Star Building, 20-24, Lockhart Road,
Wanchai, Hong Kong

[T] : +852-28653905

[F] : +852-28660007

Công ty chuyển tiền Vietcombank tại Mỹ (VCB Money. Inc)

12112 Brookhurst Street, Suite 11, Garden Grove,
CA 92840 United States

[T] : (+1)-714-979-1055

[F] : (+1)-714-979-1278

Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào

Nhà số 12, Lô 15, Đại lộ Lanexang, Bản Hatsadee-Tai,
Quận Chanthabouly, Viêng Chăn, CHDCND Lào

[T] : +85621253838





TỔNG SỐ TIỀN TÀI TRỢ
HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI NĂM 2019

196.510

Triệu đồng

CHƯƠNG 5

CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

132

Hoạt động an sinh xã hội Vietcombank

CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK

Với mục tiêu xuyên suốt là hướng tới một ngân hàng xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank không ngừng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội.

Chuỗi hoạt động an sinh xã hội được Vietcombank triển khai suốt nhiều năm qua với sự tham gia tích cực từ trụ sở chính đến các chi nhánh trên toàn quốc, mục tiêu của các hoạt động không nằm ngoài việc chia sẻ khó khăn và nâng cao chất lượng đời sống dân nghèo tại những địa phương còn nhiều khó khăn trên cả nước.

Năm 2019, Vietcombank đã dành gần 197 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội. Trong giai đoạn 2015 - 2019, số tiền cho hoạt động này là trên 959 tỷ đồng.

SỐ TIỀN VIETCOMBANK ĐÃ DÀNH CHO HOẠT ĐỘNG
AN SINH XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2015-2019

959

Tỷ đồng

CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI (tiếp theo)



VÌ MỘT VIỆT NAM XANH

"**Vi một Việt Nam xanh**" là chương trình do Ban Bí thư Trung ương Đoàn kết hợp với Ban thường vụ các tỉnh/thành đoàn triển khai tại 63 tỉnh, thành trên toàn quốc với mục đích nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của cán bộ đoàn, đoàn viên, thanh thiếu nhi tham gia trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh, góp phần bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển bền vững đất nước; thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ XI trồng mới 30 triệu cây xanh.

Với ý nghĩa bảo vệ môi trường, thiết thực với cuộc sống, chương trình đã nhận được sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội và các bộ, ngành, địa phương cũng như các nghệ sĩ, diễn viên, nhà khoa học, chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực đồng hành và tham gia vận động các tầng lớp nhân dân, người hâm mộ tích cực hưởng ứng chương trình.

Là ngân hàng thương mại có hiệu quả hoạt động dẫn đầu hệ thống ngân hàng Việt Nam, với mục tiêu xuyên suốt là hướng tới một ngân hàng Xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, Vietcombank vinh dự đồng hành cùng chương trình "**Vi một Việt Nam xanh**" để góp phần hình thành nên 63 đường/vườn cây thanh niên tại 63 tỉnh/thành phố trong cả nước.



CHUNG TAY VÌ NGƯỜI NGHÈO, KHÔNG ĐỂ AI BỊ BỎ LẠI PHÍA SAU

Thực hiện chương trình quốc gia về giảm nghèo bền vững và hưởng ứng phong trào "**Cả nước chung tay vì người nghèo – không để ai bị bỏ lại phía sau**", trong dịp Tết Canh Tý 2020, Công đoàn Vietcombank đã phát động cán bộ chung tay ủng hộ người nghèo và nhận được sự hưởng ứng của 100% cán bộ, người lao động trong toàn hệ thống tự nguyện đóng góp tối thiểu 1 ngày lương, quyên góp gần 9 tỷ đồng, mang Tết ấm đến với đồng bào nghèo tại nhiều vùng khó khăn trên khắp cả nước.

Đây là chương trình có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, lan tỏa sâu rộng đến các tầng lớp trong xã hội. Số tiền ủng hộ của đoàn viên công đoàn, người lao động trong hệ thống Vietcombank là nguồn lực có ý nghĩa cùng với nguồn lực của nhà nước chăm lo cho người nghèo, thực hiện công tác giảm nghèo, đặc biệt là đối với các hộ nghèo ở các địa bàn khó khăn, hộ nghèo thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số, hướng tới mục tiêu cao cả và nhân văn là "không ai bị bỏ lại phía sau".

CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI (tiếp theo)



NHÂN TÀI ĐẤT VIỆT

7 NĂM
ĐỒNG HÀNH CÙNG
GIẢI THƯỞNG NHÂN TÀI
ĐẤT VIỆT



Giải thưởng Nhân tài Đất Việt do Hội Khuyến học Việt Nam cùng Báo Dân trí tổ chức thường niên, khởi đầu là khuyến khích và tôn vinh tài năng trong lĩnh vực CNTT - truyền thông. Qua các năm, Giải thưởng **Nhân tài Đất Việt** không ngừng mở rộng ra các lĩnh vực Khoa học công nghệ, Y dược, Môi trường và Khuyến tài.

Vietcombank đã đồng hành cùng Giải thưởng Nhân tài Đất Việt trong suốt 7 năm qua (2013 - 2019) với mong muốn được chung tay cùng Ban Tổ chức để khơi dậy sự sáng tạo từ cộng đồng, đặc biệt là những sáng kiến, nghiên cứu của các cá nhân, tập thể đem lại những giải pháp thiết thực cho cộng đồng, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trên nhiều lĩnh vực.



12 NĂM
ĐỒNG HÀNH TỔ CHỨC
CHƯƠNG TRÌNH THẮP SÁNG
ƯỚC MƠ THIẾU NHI
VIỆT NAM

THẮP SÁNG ƯỚC MƠ THIẾU NHI VIỆT NAM

Chương trình "**Thắp sáng ước mơ thiếu nhi Việt Nam**" là hoạt động thường niên (được tổ chức lần đầu tiên năm 2008) do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp với Hội đồng Đội Trung ương thực hiện, dành cho trẻ em nghèo hiếu học và trẻ em lang thang đường phố, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn. Qua 12 năm thực hiện và được tổ chức tại các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng, chương trình đã nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, sự ủng hộ to lớn của các tổ chức, cá nhân với mục đích chung tay góp sức cùng cộng đồng, chia sẻ với các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn, tiếp thêm nghị lực và niềm tin cho các em vươn lên trong cuộc sống. Vietcombank đã đồng hành trong 12 năm qua với vai trò đơn vị đồng tổ chức chương trình.

CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI (tiếp theo)



MÀU XANH CHO CUỘC SỐNG

"Green for life - Màu xanh cho cuộc sống" là dự án hướng tới việc nâng cao nhận thức cho học sinh tiểu học về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường sống xung quanh, được Vietcombank triển khai tại một số trường tiểu học trên địa bàn Hà Nội trong thời gian cuối năm 2016, đầu năm 2017. Mong muốn lớn nhất của những người làm dự án là phát triển ý thức trách nhiệm cộng đồng cho học sinh thông qua các hoạt động ý nghĩa.

Với nội dung gần gũi, đội ngũ tình nguyện viên của chương trình "Green for life" khéo léo truyền cảm hứng bảo vệ môi trường cho các bạn nhỏ Hà Nội thông qua những trò chơi tương tác vô cùng lý thú. Tham gia vào chương trình, các học sinh tiểu học không chỉ được hòa mình vào nhiều hoạt động thú vị mà còn được hướng dẫn cách để nhận biết những loại rác thải nào là rác vô cơ và loại rác thải nào là rác hữu cơ, bỏ vào các thùng đựng rác màu xanh đậm hoặc xanh nhạt do Vietcombank tài trợ.

Qua từng hoạt động cụ thể, các em học sinh đã dần hiểu rõ hơn về sự cần thiết của việc phân loại rác, những loại rác có thể phân hủy và những loại rác không thể phân hủy cần phải được xử lý đúng cách để có thể tái chế trước khi thải ra ngoài môi trường. Đây đều là những kiến thức thực tế rất bổ ích mà các bạn nhỏ cần phải ghi nhớ để vận dụng thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, các em còn được tham gia các trò chơi như ghép tranh liên quan đến bảo vệ môi trường rất ý nghĩa.

Những trải nghiệm này đã mang đến cho các em học sinh những phút giây thật thoải mái khi được cùng chung tay lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp. Đây cũng là nỗ lực của Vietcombank trong việc không ngừng xây dựng hình ảnh một Ngân hàng Xanh phát triển bền vững vì cộng đồng.



QUYÊN GÓP **5** TỶ ĐỒNG
VÌ TRƯỜNG SA THÂN YÊU

HƯỚNG VỀ BIỂN ĐÀO QUÊ HƯƠNG

Nhận thức được tầm quan trọng chiến lược trong việc gìn giữ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc, trong suốt chặng đường hơn nửa thế kỷ đồng hành cùng lịch sử đấu tranh, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển kinh tế, xã hội đất nước, với tấm lòng luôn hướng về biển đảo Tổ quốc, Vietcombank đã có nhiều hoạt động thiết thực như: Phát động cuộc vận động "**Vi Trường Sa thân yêu**" với việc quyên góp từ CBNV số tiền 5 tỷ đồng trong tổng số 50 tỷ đồng của toàn ngành ngân hàng để góp phần cải thiện đời sống người dân cũng như cán bộ, chiến sỹ đảo Trường Sa, tiếp thêm sức mạnh và ý chí cho quân, dân huyện đảo quyết tâm bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; Quyên góp ủng hộ các chương trình "**Tấm lưới nghĩa tình vì ngư dân Hoàng Sa, Trường Sa**"; "**Góp đá xây Trường Sa**"; Tài trợ dự án xây dựng công trình đưa điện lưới ra đảo Cô Tô; Tặng hệ thống loa tuyên truyền đặc biệt trị giá 3 tỷ đồng cho lực lượng cảnh sát biển Việt Nam; Trao tặng Bộ Tư lệnh Hải quân 03 xuồng cứu hộ CQ trị giá 10,5 tỷ đồng.



TẶNG BÒ GIÚP ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI CÁC HUYỆN GIÁP TÂY NGUYÊN THOÁT NGHÈO BỀN VỮNG

Năm 2015 - 2016, Vietcombank đã triển khai chương trình tài trợ bò cho đồng bào nghèo với hàng nghìn con bò được tài trợ cho các huyện miền núi khu vực Tây Nguyên và các huyện giáp Tây Nguyên. Chương trình đã được Trường Ban chỉ đạo Tây Nguyên đánh giá rất cao về tính thiết thực, hiệu quả trong việc cải thiện đời sống kinh tế đồng bào miền núi khu vực Tây Nguyên, giáp Tây Nguyên, nhằm giúp các hộ phát triển kinh tế và thoát nghèo bền vững.

CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI (tiếp theo)



Bên cạnh đó, các chương trình phát triển vùng như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ; phát triển các lĩnh vực y tế; giáo dục; hỗ trợ xây nhà tình nghĩa; hỗ trợ quỹ phòng chống thiên tai Miền Trung và nhiều lĩnh vực khác như: Chăm lo cho các gia đình chính sách; hỗ trợ người nghèo, người tàn tật, trẻ em nghèo và người già có hoàn cảnh đặc biệt luôn được Vietcombank quan tâm triển khai thực hiện với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa.

Giáo dục và Y tế là 2 lĩnh vực trọng điểm được Vietcombank đặc biệt quan tâm, các hoạt động an sinh xã hội đầu tư cho 2 lĩnh vực này được Vietcombank triển khai rộng khắp tại nhiều địa phương nghèo trên cả nước suốt thời gian qua.

ĐỐI VỚI LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Không chỉ xây dựng những ngôi trường mới, Vietcombank còn luôn đi đầu trong việc tài trợ trang thiết bị học tập, giảng dạy và nâng cấp các hạng mục xây dựng tại các trường đang hoạt động. Những bộ bàn ghế, thư viện, phòng tin học hay đơn giản chỉ là những bể nước sạch, nhà để xe, sân thể thao,... tuy đơn giản nhưng rất thiết thực với những ngôi trường còn nhiều khó khăn, góp phần không nhỏ trong việc cải thiện và nâng cao chất lượng dạy và học cho thầy cô, học sinh. Bên cạnh đó, tiếp sức cho học sinh nghèo an tâm vững bước trên con đường tới trường cũng được Vietcombank hết sức quan tâm thông qua việc tặng hơn 10 nghìn chiếc cặp phao cứu sinh cho các em học sinh nghèo vùng lũ, vùng sông nước; tặng nhiều xe đạp cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học.

Hàng năm, Vietcombank cũng dành tặng hàng chục tỷ đồng học bổng cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc hoặc có nỗ lực học tập trong điều kiện khó khăn thông qua các Quỹ học bổng, Quỹ khuyến học tại các địa phương và các chương trình gây quỹ khuyến học trên phạm vi toàn quốc. Qua những hoạt động này, Vietcombank mong muốn được góp phần thắp lên niềm tin cho những em nhỏ có điều kiện chưa may mắn, thắp lửa cho những đam mê và truyền thống hiếu học của thế hệ trẻ Việt Nam.



CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI (tiếp theo)

ĐỐI VỚI LĨNH VỰC Y TẾ

Không chỉ tài trợ xây dựng các bệnh viện, trạm y tế, trang bị các thiết bị thiết yếu cho công tác khám, chữa bệnh,... Vietcombank còn luôn quan tâm, chia sẻ khó khăn với các bệnh nhân như hỗ trợ chi phí phẫu thuật, thăm hỏi các bệnh nhân đặc biệt là trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Những phong trào ủng hộ suất ăn cho bệnh nhân cũng được các nhóm đoàn thể Vietcombank thực hiện thường xuyên tại nhiều địa phương.

Bên cạnh những chương trình quy mô lớn do Vietcombank phối hợp với các địa phương và các cơ quan thực hiện, từng cá nhân cán bộ Vietcombank luôn ý thức và hàng ngày vẫn có những đóng góp cho nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa để cùng chung tay góp sức xây dựng một xã hội ngày càng văn minh, tươi đẹp.



CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI (tiếp theo)

BẢNG THÔNG TIN SỐ LIỆU VỀ ASXH NĂM 2019 VÀ GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2015 - 2019

TỔNG SỐ LIỆU ASXH

ĐVT: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	2019	Giai đoạn 5 năm (2015 - 2019)
1	Tổng số tiền tài trợ cho hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank	196.510	959.259

TỔNG SỐ TIỀN TÀI TRỢ
HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI NĂM 2019

196.510

Triệu đồng

KHU VỰC

ĐVT: Triệu đồng

TT	Khu vực	Năm 2019
1	Khu vực Tây Bắc	40.338
2	Khu vực Tây Nguyên	19.621
3	Khu vực Tây Nam Bộ	34.114
4	Các tỉnh/thành phố khác	102.437

CÁC LĨNH VỰC

ĐVT: Triệu đồng

TT	Mục đích tài trợ	Giá trị thực hiện năm 2019
1	Giáo dục	122.845
2	Y tế	20.620
3	Xây dựng nhà cho người nghèo/nhà đại đoàn kết	25.405
4	Khắc phục hậu quả thiên tai	658
5	Lĩnh vực khác	26.982

MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH/CÔNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI TIÊU BIỂU VIETCOMBANK ĐÃ TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2019

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Tên chương trình	Số tiền
1	Xây dựng Trường Mầm non Vàng Anh, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình, Tỉnh Cà Mau	13
2	Xây dựng Trường tiểu học Nam Cường, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình	5
3	Xây dựng Trường THCS Trần Hưng Đạo, Thị trấn Ea Pốk, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk	4
4	Xây dựng nhà cho người nghèo tại Tỉnh Quảng Ngãi	5
5	Xây dựng trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Lơ Ku, Huyện Kbang, Tỉnh Gia Lai	5,5
6	Xây dựng Trường Mầm non Thôn Hiền Lương, Xã Vĩnh Thành, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị	5

TỔNG TÀI SẢN (Tỷ đồng)

1.222.719

Tăng 13,8% so với năm 2018

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

149-150	Thông tin về Ngân hàng
151	Báo cáo của Ban Điều hành
152-153	Báo cáo kiểm toán độc lập
154-156	Bảng cân đối kế toán hợp nhất
157	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
158-159	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
160-218	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin về Ngân hàng	149 - 150
Báo cáo của Ban Điều hành	151
Báo cáo kiểm toán độc lập	152 - 153
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	154 - 156
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	157
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	158 - 159
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	160 - 218

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 523/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 3 năm 2012, Quyết định số 1547/QĐ-NHNN ngày 6 tháng 8 năm 2014, Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015, Quyết định số 95/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 1 năm 2017, Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 5 năm 2017, Quyết định số 2293/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017, Quyết định số 300/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 2 năm 2019 và Quyết định số 2447/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung giấy phép về nội dung hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, mã số doanh nghiệp 0100112437 được cấp đổi lần thứ 13 vào ngày 16 tháng 1 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ông Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Quang Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Mỹ Hào	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Eiji Sasaki	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Hồng Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Trương Gia Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Đỗ Việt Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019

BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ông Phạm Quang Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 1 tháng 11 năm 2019
Ông Đào Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 6 năm 2017
Ông Phạm Mạnh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 10 tháng 3 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 26 tháng 12 năm 2019
Bà Đinh Thị Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2015
Ông Eiji Sasaki	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Bà Phùng Nguyễn Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Ông Lê Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Hoài Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2019

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG (Tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bà Trương Lệ Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà La Thị Hồng Minh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Vũ Thị Bích Vân	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2019

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Lê Hoàng Tùng
Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Từ ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Nghiêm Xuân Thành
Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (theo Giấy Ủy quyền số 64/UQ-VCB-CSTCKT ngày 4 tháng 3 năm 2020)

Từ ngày 4 tháng 3 năm 2020
Bà Phùng Nguyễn Hải Yến
Chức danh: Phó Tổng Giám đốc

TRỤ SỞ CHÍNH

198 Trần Quang Khải
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Ngân hàng cần phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai sót trọng yếu so với các chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và cũng đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành Ngân hàng:



Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 148 đến trang 218.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Ngân hàng và các công ty con, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00541-20-4



Trần Đình Vinh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0339-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2020

A handwritten signature in blue ink, reading "Phạm Huy Cường".

Phạm Huy Cường

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2675-2019-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B02/TCTD-HN

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	13.778.358	12.792.045
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")	5	34.684.091	10.845.701
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	249.470.372	250.228.037
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		190.100.329	187.352.500
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		62.370.043	63.875.537
3	Dự phòng rủi ro		(3.000.000)	(1.000.000)
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	1.801.126	2.654.806
1	Chứng khoán kinh doanh		1.889.628	2.725.051
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(88.502)	(70.245)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	98.312	275.983
VI	Cho vay khách hàng		724.290.102	621.573.249
1	Cho vay khách hàng	9	734.706.891	631.866.758
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(10.416.789)	(10.293.509)
VIII	Chứng khoán đầu tư	11	167.529.689	149.296.430
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		35.699.090	35.321.259
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		132.271.302	114.251.030
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(440.703)	(275.859)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn		2.464.493	2.476.067
2	Vốn góp liên doanh	12(a)	940.807	897.308
3	Đầu tư vào công ty liên kết	12(b)	10.863	10.339
4	Đầu tư dài hạn khác	12(c)	1.587.823	1.635.418
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12(c)	(75.000)	(66.998)
X	Tài sản cố định		6.710.443	6.527.466
1	Tài sản cố định hữu hình	13	4.449.649	4.459.292
a	Nguyên giá tài sản cố định		11.161.239	10.534.068
b	Hao mòn tài sản cố định		(6.711.590)	(6.074.776)
3	Tài sản cố định vô hình	14	2.260.794	2.068.174
a	Nguyên giá tài sản cố định		3.050.669	2.772.517
b	Hao mòn tài sản cố định		(789.875)	(704.343)
XII	Tài sản Có khác		21.891.872	17.356.776
1	Các khoản phải thu	15(a)	8.829.375	4.065.268
2	Các khoản lãi, phí phải thu	15(b)	8.150.156	7.409.149
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	15(c)	405.543	6.740
4	Tài sản Có khác	15(d)	4.510.592	5.879.141
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	15(d)	(3.794)	(3.522)
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		1.222.718.858	1.074.026.560

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	16	92.365.806	90.685.315
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	17	73.617.085	76.524.079
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		71.046.512	75.245.679
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		2.570.573	1.278.400
III	Tiền gửi của khách hàng	18	928.450.869	801.929.115
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	19	20.431	25.803
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	21.383.932	21.461.132
VII	Các khoản nợ khác		25.997.753	21.221.737
1	Các khoản lãi, phí phải trả	21(a)	10.382.357	8.717.540
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		22.023	19.295
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	21(b)	15.593.373	12.484.902
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		1.141.835.876	1.011.847.181
VIII	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn của tổ chức tín dụng		42.428.820	36.322.343
a	Vốn điều lệ		37.088.774	35.977.686
c	Thặng dư vốn cổ phần		4.995.389	-
g	Vốn khác		344.657	344.657
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		12.186.141	9.445.732
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		16.361	84.450
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		113.011	119.178
5	Lợi nhuận chưa phân phối		26.055.190	16.138.687
a	Lợi nhuận để lại năm trước		12.188.554	5.383.568
b	Lợi nhuận để lại năm nay		13.866.636	10.755.119
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		83.459	68.989
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	22(a)	80.882.982	62.179.379
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.222.718.858	1.074.026.560

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN

STT	Chi tiêu	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
1	Bảo lãnh vay vốn	292.563	276.512
2	Cam kết giao dịch hối đoái	91.594.629	61.831.282
	Cam kết mua ngoại tệ	25.775.812	12.471.111
	Cam kết bán ngoại tệ	65.818.817	49.360.171
4	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	57.406.598	57.703.713
5	Bảo lãnh khác	53.276.574	54.250.031
6	Các cam kết khác	349.311	295.856

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Người duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Hoàng Tùng

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến


Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán


Kế toán Trưởng


Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B03/TCTD-HN

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	67.724.190	55.863.951
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(33.146.840)	(27.455.435)
I	Thu nhập lãi thuần		34.577.350	28.408.516
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		9.002.507	7.022.155
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(4.695.663)	(3.619.663)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	4.306.844	3.402.492
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	3.378.274	2.266.429
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28	145.982	250.462
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	7.040	-
5	Thu nhập từ hoạt động khác		3.427.765	3.515.904
6	Chi phí hoạt động khác		(357.970)	(281.539)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	30	3.069.795	3.234.365
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	245.096	1.716.169
	TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		45.730.381	39.278.433
VIII	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	32	(15.817.575)	(13.611.094)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		29.912.806	25.667.339
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	(6.790.429)	(7.398.113)
XI	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		23.122.377	18.269.226
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34(a)	(4.992.464)	(3.648.356)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34(b)	396.075	1.192
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.596.389)	(3.647.164)
XIII	LỢI NHUẬN SAU THUẾ		18.525.988	14.622.062
XIV	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		(15.090)	(16.484)
XVI	Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng		18.510.898	14.605.578
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (Trình bày lại)	35	4.481	3.323

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2020


Người lập:

Người duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Hoàng Tùng

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến


Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán


Kế toán Trưởng


Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu B04/TCTD-HN

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Phương pháp trực tiếp)

STT	Chi tiêu	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	66.956.606	54.473.260
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(31.567.168)	(27.395.363)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	4.306.844	3.402.492
04	Chênh lệch số tiền thực thu và thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán	3.068.655	3.203.390
05	Chi phí khác đã trả	(115.005)	(42.957)
06	Tiền thu từ các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn rủi ro	3.179.526	3.272.247
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(14.532.712)	(12.787.284)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(4.827.328)	(2.585.774)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động		26.469.418	21.540.011
(Tăng)/giảm về tài sản hoạt động			
09	Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	2.189.341	2.306.008
10	Các khoản về kinh doanh chứng khoán	(17.562.680)	(14.454.777)
11	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	177.671	556.371
12	Các khoản cho vay khách hàng	(102.840.133)	(88.432.298)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản cho vay	(4.502.397)	(4.083.722)
14	Tài sản hoạt động khác	(3.354.149)	(2.666.699)
Tăng/(giảm) về nợ hoạt động			
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	1.680.491	(80.699.753)
16	Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	(2.906.994)	9.581.876
17	Các khoản tiền gửi của khách hàng	126.521.754	93.409.398
18	Các khoản phát hành giấy tờ có giá	(77.572)	3.246.793
19	Các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(5.372)	2.650
21	Công nợ hoạt động khác	720.675	824.980
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(1.434.221)	(1.365.175)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	25.075.832	(60.234.337)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu B04/TCTD-HN

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

STT	Chi tiêu	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(1.005.065)	(1.133.639)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	11.589	6.767
03	Tiền chi cho thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(6.315)	(1.692)
04	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	95.773	2.628.038
05	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	154.582	129.753
06	Tiền thu từ cổ tức đã có quyết định từ năm trước	42.989	-
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(706.447)	1.629.227
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01	Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	1.111.088	-
02	Thặng dư vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	4.995.389	-
03	Cổ tức đã trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(2.219.483)	(2.914.981)
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	3.886.994	(2.914.981)
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	28.256.379	(61.520.091)
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	244.014.156	305.534.247
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm (Thuyết minh 36)	272.270.535	244.014.156

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Người duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Hoàng Tùng

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến






Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B05/TCTD-HN

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc kèm với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") được chuyển đổi từ một ngân hàng thương mại Nhà nước theo phương án cổ phần hóa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, và các quy định có liên quan khác của pháp luật. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 với thời gian hoạt động là 99 năm và Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, mã số doanh nghiệp 0100112437 được cấp đổi lần thứ 13 vào ngày 16 tháng 1 năm 2019.

Các hoạt động chính của Ngân hàng theo Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015, Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 5 năm 2017, Quyết định số 2293/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017 và Quyết định số 2447/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN về nội dung hoạt động của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh và các công ty khác, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu, và một số hoạt động kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất và phái sinh giá cả hàng hóa theo quy định của pháp luật; hoạt động mua nợ; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNNVN quy định.

(b) Vốn điều lệ

Theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN do NHNNVN cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, vốn điều lệ của Ngân hàng là 12.100.860.260.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0100112437 được cấp đổi lần thứ 13 vào ngày 16 tháng 1 năm 2019 và nội dung sửa đổi Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại Quyết định số 300/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 2 năm 2019 của NHNNVN, vốn điều lệ của Ngân hàng là 37.088.774.480.000 đồng. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

	31/12/2019		31/12/2018	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Số cổ phần của Nhà nước	2.774.353.387	74,80%	2.774.353.387	77,10%
Số cổ phần của cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	556.334.933	15,00%	539.668.502	15,00%
Số cổ phần của các chủ sở hữu khác	378.189.128	10,20%	283.746.686	7,90%
	3.708.877.448	100%	3.597.768.575	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B05/TCTD-HN

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

(c) Địa điểm và hệ thống chi nhánh

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ngân hàng có một (1) Trụ sở chính, một (1) Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực Vietcombank, hai (2) Trung tâm xử lý tiền mặt, một trăm mười một (111) chi nhánh trên toàn quốc, bốn (4) công ty con tại Việt Nam, ba (3) công ty con tại nước ngoài, ba (3) công ty liên doanh, một (1) công ty liên kết, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Mỹ, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Singapore và một (1) văn phòng đại diện đặt tại thành phố Hồ Chí Minh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng có một (1) Trụ sở chính, một (1) Trung tâm Đào tạo, một (1) Trung tâm xử lý tiền mặt, một trăm linh sáu (106) chi nhánh trên toàn quốc, bốn (4) công ty con tại Việt Nam, ba (3) công ty con tại nước ngoài, ba (3) công ty liên doanh, một (1) công ty liên kết, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Mỹ, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Singapore và một (1) văn phòng đại diện đặt tại thành phố Hồ Chí Minh).

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là "Vietcombank".

(d) Công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017 của NHNNVN	Cho thuê tài chính	100%
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 09/GPHĐKD ngày 24 tháng 4 năm 2002 được sửa đổi lần gần đây nhất theo giấy phép số 63/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN")	Chứng khoán	100%
Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông ("Vinafico")	Đăng ký kinh doanh số 58327 ngày 10 tháng 2 năm 1978 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp	Dịch vụ tài chính	100%
Công ty TNHH Một thành viên Kiều hối Vietcombank	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314633162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 9 năm 2017	Nhận tiền kiều hối	100%
Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào	Giấy phép hoạt động số 88/BOL ngày 25 tháng 5 năm 2018 do Ngân hàng Nhà nước Lào cấp	Ngân hàng	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	Giấy đăng ký kinh doanh số E0321392009-6 do Chính quyền Bang Nevada, Hoa Kỳ cấp ngày 15 tháng 6 năm 2009	Chuyển tiền kiều hối	87,5%
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30 tháng 5 năm 1996 và sửa đổi lần cuối ngày 30 tháng 1 năm 2019 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	Cho thuê văn phòng	70%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành	Giấy phép đầu tư số 2458/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 2 năm 2005 và hai giấy phép điều chỉnh số 2458/GCNĐC1/41/1 ngày 26 tháng 10 năm 2011 và số 2458/GCNĐC2/41/1 ngày 28 tháng 12 năm 2012	Cho thuê văn phòng	52%
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005; sửa đổi lần gần đây nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 2 năm 2018	Quản lý quỹ đầu tư	51%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank – Cardif	Giấy phép đầu tư số 55/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23 tháng 10 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC1/KDBH ngày 28 tháng 12 năm 2018	Bảo hiểm nhân thọ	45%

Công ty liên kết

Công ty liên kết	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday	Giấy phép số 283/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 12 năm 1991; sửa đổi lần gần đây nhất theo giấy phép điều chỉnh số 283/GPĐC4 ngày 4 tháng 3 năm 2002	Cho thuê văn phòng	16%

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Vietcombank có 18.948 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 17.215 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Vietcombank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ngân hàng có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh 1(d). Ngân hàng lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 155”). Cũng theo quy định tại Thông tư 155, Ngân hàng cũng đã lập báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (“Báo cáo tài chính riêng”) được phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2020.

(b) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất, được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được làm tròn đến hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng (“TCTD”) do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Vietcombank bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Các giao dịch ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Vietcombank, tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các giao dịch thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá giao ngay tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp hợp nhất cho các công ty con và theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho các công ty liên doanh và liên kết có đồng tiền hạch toán khác với VND, các tài sản, công nợ và vốn của các công ty này được chuyển đổi sang VND theo các tỷ giá giao ngay áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân áp dụng trong kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo được ghi nhận trên phần vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(e) Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

(i) Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các số dư nội bộ, giao dịch và thu nhập/chi phí của các giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần lợi nhuận và giá trị tài sản thuần của các công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Ngân hàng sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

(ii) Công ty liên kết và công ty liên doanh

Công ty liên kết là công ty mà Ngân hàng có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát đối với các chính sách và hoạt động của doanh nghiệp.

Công ty liên doanh là công ty mà Ngân hàng có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí giữa các bên liên doanh đối với các quyết định tài chính và hoạt động.

Ngân hàng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Ngân hàng hưởng lợi nhuận hoặc chịu phần lỗ trong các công ty liên kết và liên doanh từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các doanh nghiệp này và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nếu phần sở hữu của Ngân hàng trong khoản lỗ của các công ty liên kết và liên doanh lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh, Ngân hàng không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Ngân hàng có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên kết và liên doanh. Các chính sách kế toán của các công ty liên kết và liên doanh cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(f) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu Kho bạc và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và cho vay các TCTD khác đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi hoặc cho vay, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(g) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác có kỳ hạn tối đa ba tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc.

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Việc phân loại các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09"). Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 2(h).

Theo Thông tư 02, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

(h) Cho vay khách hàng

(i) Dự nợ cho vay khách hàng

Cho vay khách hàng được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo số dư nợ gốc tại ngày báo cáo.

Dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày một dòng riêng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

Việc phân loại các khoản cho vay khách hàng và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 02 và Thông tư 09.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Ngân hàng đã được NHNNVN chấp thuận thực hiện phân loại nợ dựa trên phương pháp định tính theo quy định tại Điều 7, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005. Tuy nhiên, theo Thông tư 02, Ngân hàng phải thực hiện phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1 Điều 11, Thông tư 02. Theo đó, trong trường hợp kết quả phân loại đối với một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1, Điều 11, Thông tư 02 khác nhau thì khoản nợ phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B05/TCTD-HN

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Ngân hàng sử dụng kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ gốc sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được chiết khấu:

	Tỷ lệ dự phòng
Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 – Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn	100%

Nợ xấu là nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5.

(iii) Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Ngân hàng trích lập khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung bằng 0,75% tổng số dư nợ được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày làm việc cuối cùng của quý. Riêng đối với quý 4, dự phòng rủi ro tín dụng chung được trích lập bằng 0,75% tổng số dư nợ được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11.

(iv) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02, Ngân hàng sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong các trường hợp sau:

- » Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- » Các khoản nợ được phân loại vào Nhóm 5.

(i) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua và nắm giữ trong vòng một năm nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá thị trường. Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Vietcombank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Vietcombank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B05/TCTD-HN

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán khi có lợi. Đối với các chứng khoán vốn, đơn vị được đầu tư không phải là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Vietcombank và Vietcombank không phải là cổ đông sáng lập hoặc là đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Thành viên/Hội đồng Quản trị/Ban điều hành.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được. Vietcombank có ý định và có khả năng nắm giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo nguyên tắc thấp hơn giữa giá gốc trên sổ sau khi phân bổ và giá thị trường. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Ngoài ra, theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các chứng khoán đầu tư là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (bao gồm cả trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành giao dịch trên thị trường thứ cấp) cũng được Vietcombank phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 2(h).

(iii) Góp vốn, đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Vietcombank có dưới 11% quyền biểu quyết và Vietcombank là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Thành viên/Hội đồng Quản trị/Ban điều hành nhưng Vietcombank không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị được đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán vốn, các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (ngoài các khoản góp vốn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và công ty con).

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập nếu tổ chức kinh tế ("TCKT") trong nước mà Vietcombank đang sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Vietcombank theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 ("Thông tư 48"). Theo đó, mức trích dự phòng cho khoản đầu tư là chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở TCKT nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng và vốn chủ sở hữu của TCKT nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng nhân (x) với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Vietcombank tại TCKT nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng. Đối với khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết hoặc giá thị trường của khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá thị trường của chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B05/TCTD-HN

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

(j) Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

(k) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến tại địa điểm đặt tài sản.

Theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- » Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- » Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;
- » Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

» Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
» Máy móc, thiết bị	3 – 5 năm
» Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
» Tài sản cố định hữu hình khác	4 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B05/TCTD-HN

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

(l) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Theo Thông tư 45, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- » Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- » Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- » Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất;
- » Thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (thời gian thuê đất sau ngày có hiệu lực thi hành của Luật Đất đai năm 2003, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo thời gian thuê đất;
- » Thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong năm tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

Theo Thông tư 45, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp không được trích khấu hao.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Vietcombank.

(ii) Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác

Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được khấu hao trong vòng 4 năm theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(m) Tài sản Có khác

Ngoại trừ các khoản phải thu về doanh thu mà không thu được như trình bày tại Thuyết minh 2(t), đối với các tài sản Có khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, Vietcombank thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 48 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, các tài sản Có này được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo thời gian quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất không thu hồi được đối với các tài sản Có chưa đến hạn thanh toán nhưng Vietcombank thu thập được các bằng chứng xác định TCKT đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Vietcombank yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Vietcombank khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các tài sản Có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, Vietcombank thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 2(h).

(n) Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo giá gốc.

(o) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

(p) Phát hành giấy tờ có giá

Phát hành giấy tờ có giá được ghi nhận theo giá gốc và các khoản phân bổ phụ trội hoặc chiết khấu lũy kế. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

(q) Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc cho Vietcombank từ 12 tháng trở lên ("người lao động đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Vietcombank phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của người lao động trong 6 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc của người đó. Trước năm 2012, dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Vietcombank.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư này quy định rằng khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư, doanh nghiệp phải hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư quỹ sang năm sau sử dụng. Theo đó, Vietcombank đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(r) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông và được ghi nhận là khoản mục nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được Ngân hàng sử dụng theo mục đích quy định tại Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 ("Nghị định 93").

(s) Vốn và các quỹ

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi Vietcombank mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi căn trừ các ảnh hưởng về thuế, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

(iv) Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng và Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Vietcombank ("VCBL") dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- » Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế riêng của mỗi đơn vị. Theo quy định tại Nghị định 93, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của Ngân hàng/VCBL.
- » Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế riêng của mỗi đơn vị. Nghị định 93 không quy định về mức tối đa của quỹ này.
- » Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông/Hội đồng Thành viên và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trích lập các quỹ nói trên và chia cổ tức cho cổ đông được ghi vào lợi nhuận chưa phân phối của Vietcombank.

Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank ("VCBS") trích lập các quỹ dự trữ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

- » Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá 10% vốn điều lệ của VCBS.
- » Quỹ dự phòng tài chính: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá 10% vốn điều lệ của VCBS.

(v) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ của các công ty con ở nước ngoài sang Đồng Việt Nam cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(t) Doanh thu và chi phí

(i) Thu nhập lãi và chi phí lãi

Vietcombank ghi nhận thu nhập lãi theo phương pháp dự thu đối với lãi của dư nợ được phân loại vào Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn được trình bày tại Thuyết minh 2(h). Lãi chưa thu phát sinh từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Vietcombank thực thu lãi.

Chi phí lãi được ghi nhận theo phương pháp dự chi.

(ii) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ và thu nhập cổ tức

Các khoản thu nhập từ hoạt động dịch vụ được hạch toán theo phương pháp dự thu. Cổ tức nhận được bằng tiền mặt từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Vietcombank được xác lập.

(iii) Cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu

Theo Thông tư 200, các khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do Vietcombank nắm giữ.

(iv) Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo Thông tư số 16/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 2 năm 2018, đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng đến kỳ hạn thu không thu được thì Vietcombank hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán năm hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán năm và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Vietcombank sẽ hạch toán vào thu nhập hoạt động kinh doanh.

(u) Thuê tài sản

(i) Đi thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(ii) Cho thuê

Vietcombank ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản cho vay khách hàng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính. Các khoản cho thuê tài chính được ghi nhận là khoản dư nợ gốc cho vay khách hàng và thu nhập từ các khoản mục này được ghi nhận là các khoản "Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự". Vietcombank phân bổ thu nhập từ cho thuê tài chính trong suốt thời gian cho thuê dựa trên lãi suất thuê và số dư thuần cho thuê tài chính. Việc phân loại nợ cho các khoản cho thuê tài chính được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Vietcombank ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán. Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(v) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(w) Các bên liên quan

Các bên liên quan của Vietcombank bao gồm các trường hợp sau đây:

- » Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty mẹ hoặc TCTD mẹ của Vietcombank;
- » Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Vietcombank;
- » Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Vietcombank;
- » Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Vietcombank;
- » Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Vietcombank;
- » Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Vietcombank.

Chính phủ Việt Nam, thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cổ đông của Vietcombank. Do vậy, trong báo cáo tài chính hợp nhất này, một số tổ chức thuộc Chính phủ Việt Nam, bao gồm Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được coi là các bên liên quan của Vietcombank.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Vietcombank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được lập theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được lập theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B05/TCTD-HN

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

(y) Các khoản mục ngoại bảng

(i) Các hợp đồng ngoại hối

Vietcombank ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Vietcombank.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa. Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch phát sinh từ các lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(iii) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Vietcombank có các khoản cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Vietcombank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, Vietcombank phải phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm, tương tự các khoản cho vay khách hàng cho mục đích quản lý (Thuyết minh 2(h)).

(z) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Vietcombank có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Vietcombank dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B05/TCTD-HN

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

(aa) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Vietcombank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Vietcombank (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, Vietcombank sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

3. TRÌNH BÀY CÔNG CỤ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Trong quá trình hoạt động, Vietcombank thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:

- » Tiền;
- » Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước;
- » Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác;
- » Chứng khoán kinh doanh;
- » Cho vay khách hàng;
- » Chứng khoán đầu tư;
- » Góp vốn, đầu tư dài hạn;
- » Các tài sản phái sinh; và
- » Các tài sản tài chính khác.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:

- » Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước;
- » Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác;
- » Tiền gửi của khách hàng;
- » Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro;
- » Phát hành giấy tờ có giá;
- » Các khoản nợ phải trả phái sinh; và
- » Các khoản nợ phải trả tài chính khác.

(a) Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Chỉ riêng cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, Vietcombank đã phân loại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210").

Tài sản tài chính được phân loại thành:

- » Tài sản tài chính kinh doanh;
- » Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- » Các khoản cho vay và phải thu; và
- » Tài sản sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Nợ phải trả tài chính được phân loại thành:

- » Các khoản nợ phải trả tài chính kinh doanh; và
- » Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(b) Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư 210, Vietcombank thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ trong Thuyết minh 43(b).

Việc lập và trình bày giá trị hợp lý của các công cụ tài chính chỉ cho mục đích trình bày tại Thuyết minh 43(b). Các công cụ tài chính của Vietcombank vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được trình bày ở các thuyết minh trên.

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi có một thị trường hoạt động, Vietcombank xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Trong trường hợp không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các công cụ tài chính không có thị trường hoạt động được xem là không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

4. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	11.080.853	9.761.340
Tiền mặt bằng ngoại tệ	2.697.034	3.030.243
Chứng từ có giá bằng ngoại tệ	471	462
	13.778.358	12.792.045

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (i)	34.404.607	10.152.565
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào (ii)	279.484	693.136
	34.684.091	10.845.701

(i) Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm số dư dự trữ bắt buộc và số dư tiền gửi thanh toán.

Số dư bình quân tài khoản thanh toán của Ngân hàng tại NHNNVN không thấp hơn tiền dự trữ bắt buộc trong tháng. Dự trữ bắt buộc trong kỳ duy trì dự trữ bắt buộc được tính bằng cách lấy tỷ lệ dự trữ bắt buộc quy định đối với Ngân hàng theo từng loại tiền gửi trong kỳ duy trì dự trữ bắt buộc nhân với số dư bình quân tiền gửi phải tính dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng trong kỳ xác định dự trữ bắt buộc tương ứng theo từng loại tiền gửi.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2019	31/12/2018
Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
Tiền gửi bằng ngoại tệ của TCTD ở nước ngoài	1%	1%

Lãi suất thực tế của tài khoản tiền gửi thanh toán tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2019	31/12/2018
Trong dự trữ bắt buộc bằng VND	0,8%/năm	1,2%/năm
Trong dự trữ bắt buộc bằng USD	0%/năm	0%/năm
Vượt dự trữ bắt buộc bằng VND	0%/năm	0%/năm
Vượt dự trữ bắt buộc bằng USD	0,05%/năm	0,05%/năm

(ii) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm số dư tiền gửi ký quỹ bằng Kíp Lào ("LAK") liên quan đến việc thành lập công ty con của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, số dư dự trữ bắt buộc và số dư tiền gửi thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2019	31/12/2018
Tiền gửi bằng LAK có thời hạn dưới 12 tháng	5%	5%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	10%	10%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

6. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	113.811	101.265
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	40.081.007	42.122.160
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	93.834.489	71.666.407
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	56.071.022	73.462.668
	190.100.329	187.352.500
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
Cho vay bằng VND	60.449.061	56.765.202
Cho vay bằng ngoại tệ	1.920.982	7.110.335
	62.370.043	63.875.537
Dự phòng rủi ro	(3.000.000)	(1.000.000)
	249.470.372	250.228.037

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác:

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	209.275.554	207.957.674
Nợ cần chú ý	-	46.938
Nợ có khả năng mất vốn	3.000.000	1.000.000
	212.275.554	209.004.612

Biến động trong năm của dự phòng rủi ro tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác như sau:

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Số dư đầu năm	1.000.000	-
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	2.000.000	1.000.000
Số dư cuối năm	3.000.000	1.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu chính phủ	994.592	1.181.914
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	-	935.301
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	544.000	250.400
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	4.705	10
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	346.331	357.426
	1.889.628	2.725.051
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(88.502)	(70.245)
	1.801.126	2.654.806

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Đã niêm yết	994.592	2.117.216
Chưa niêm yết	544.000	250.399
Chứng khoán vốn		
Đã niêm yết	252.544	251.143
Chưa niêm yết	98.492	106.293
	1.889.628	2.725.051

Biến động trong năm của dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh như sau:

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Số dư đầu năm	70.245	81.211
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng (Thuyết minh 28)	18.257	(10.966)
Số dư cuối năm	88.502	70.245

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị hợp đồng Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp đồng Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ				
Hợp đồng hoán đổi tiền tệ	80.161.918	(59.895)	49.068.305	245.703
Hợp đồng kỳ hạn tiền tệ	13.347.334	158.207	15.228.880	30.280
	93.509.252	98.312	64.297.185	275.983

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	726.968.213	624.073.743
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	3.172.630	3.930.917
Cho thuê tài chính	4.429.029	3.855.993
Các khoản trả thay khách hàng	1.000	1.000
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	136.019	5.105
	734.706.891	631.866.758

Phân tích dư nợ theo chất lượng nợ cho vay như sau:

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	726.342.426	621.862.679
Nợ cần chú ý	2.560.532	3.781.086
Nợ dưới tiêu chuẩn	686.839	291.788
Nợ nghi ngờ	587.253	1.160.507
Nợ có khả năng mất vốn	4.529.841	4.770.698
	734.706.891	631.866.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay như sau:

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Nợ ngắn hạn	384.355.979	342.212.900
Nợ trung hạn	48.461.992	53.310.111
Nợ dài hạn	301.888.920	236.343.747
	734.706.891	631.866.758

Phân tích dư nợ theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Doanh nghiệp Nhà nước	61.597.154	68.153.883
Công ty trách nhiệm hữu hạn	139.575.487	128.333.629
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	43.644.729	38.567.007
Hợp tác xã và công ty tư nhân	2.268.308	2.487.292
Cá nhân	315.781.580	235.884.022
Khác	171.839.633	158.440.925
	734.706.891	631.866.758

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành như sau:

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Sản xuất và gia công chế biến	174.032.670	163.734.487
Thương mại, dịch vụ	131.856.583	120.238.625
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	30.411.521	29.340.404
Xây dựng	32.357.572	28.873.357
Vận tải kho bãi và thông tin liên lạc	24.742.604	23.352.261
Khai khoáng	14.458.842	15.476.351
Nông, lâm, thủy hải sản	16.122.626	14.499.324
Nhà hàng, khách sạn	12.837.989	11.362.643
Khác	297.886.484	224.989.306
	734.706.891	631.866.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Dự phòng chung	5.282.328	4.695.445
Dự phòng cụ thể	5.134.461	5.598.064
	10.416.789	10.293.509

Biến động trong năm của dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Số dư đầu năm	4.695.445	4.116.920
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	586.898	578.524
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(15)	1
Số dư cuối năm	5.282.328	4.695.445

Biến động trong năm của dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Số dư đầu năm	5.598.064	3.996.136
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	4.038.866	5.683.777
Xử lý các khoản cho vay khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	(4.502.397)	(4.083.722)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(72)	1.873
Số dư cuối năm	5.134.461	5.598.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (a)	35.574.786	35.233.134
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (b)	131.954.903	114.063.296
	167.529.689	149.296.430

(a) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
Trái phiếu chính phủ	17.444.329	22.120.565
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	18.246.571	13.192.504
<i>Chứng khoán vốn</i>		
Chứng khoán vốn do các TCKT khác trong nước phát hành	8.190	8.190
	35.699.090	35.321.259
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	(124.304)	(88.125)
Tổng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	35.574.786	35.233.134

(i) Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (*)	124.125	88.125
Dự phòng giảm giá chứng khoán vốn	179	-
	124.304	88.125

(*) Biến động trong năm của dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (bao gồm cả trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành giao dịch trên thị trường thứ cấp) như sau:

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Số dư đầu năm	88.125	16.500
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	36.000	71.625
Số dư cuối năm	124.125	88.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(b) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Trái phiếu chính phủ	82.997.995	83.967.301
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	42.593.538	22.601.979
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	6.679.769	7.681.750
	132.271.302	114.251.030
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (ii)	(316.399)	(187.734)
Tổng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	131.954.903	114.063.296

(i) Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	316.399	187.734

Biến động trong năm của dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (bao gồm cả trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành giao dịch trên thị trường thứ cấp) như sau:

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Số dư đầu năm	187.734	123.547
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	128.665	64.187
Số dư cuối năm	316.399	187.734

(ii) Phân tích chất lượng chứng khoán chưa niêm yết được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	62.473.769	38.080.751

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

12. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

(a) Vốn góp liên doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành (i)	Cho thuê văn phòng	52%	410.365	515.262
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (i)	Quản lý quỹ đầu tư	51%	135.150	152.913
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif (ii)	Bảo hiểm nhân thọ	45%	270.000	272.632
			815.515	940.807

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành (i)	Cho thuê văn phòng	52%	410.365	492.807
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (i)	Quản lý quỹ đầu tư	51%	135.150	145.031
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif (ii)	Bảo hiểm nhân thọ	45%	270.000	259.470
			815.515	897.308

(i) Ngân hàng sở hữu 52% vốn góp của Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành và 51% vốn góp của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank. Điều lệ của các công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của các công ty này. Do đó, việc sở hữu quá 50% phần vốn góp của các công ty này không đồng nghĩa với việc Ngân hàng có quyền kiểm soát đối với các công ty này. Do vậy, các khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại vào tài khoản "Vốn góp liên doanh" thay vì phân loại vào tài khoản "Đầu tư vào công ty con".

(ii) Ngân hàng sở hữu 45% vốn góp của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif. Điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản "Vốn góp liên doanh" thay vì phân loại vào tài khoản "Đầu tư vào công ty liên kết".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday	Cho thuê văn phòng	16%	11.110	10.863

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday	Cho thuê văn phòng	16%	11.110	10.339

Ngân hàng có ảnh hưởng đáng kể thông qua việc tham gia vào Hội đồng Thành viên nhưng không kiểm soát về các chính sách hoạt động và tài chính của công ty này. Do vậy, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty liên kết” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư dài hạn khác”.

(c) Đầu tư dài hạn khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất – Nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	4,50%	319.907
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	4,42%	802.269
Quỹ bảo lãnh tín dụng các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bảo lãnh tín dụng	0,80%	1.864
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	8,03%	67.900
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB)	Dịch vụ thông tin tín dụng	6,64%	7.962
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ	1,83%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	1,04%	305.585
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	-	2.936
			1.587.823
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác			(75.000)
			1.512.823

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất – Nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	4,50%	319.907
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	4,50%	802.269
Quỹ bảo lãnh tín dụng các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bảo lãnh tín dụng	0,80%	1.864
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	8,03%	67.900
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB)	Dịch vụ thông tin tín dụng	6,64%	7.962
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ	1,83%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	1,21%	353.180
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	-	2.936
			1.635.418
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác			(66.998)
			1.568.420

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác trong năm như sau:

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Số dư đầu năm	66.998	25.139
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	8.002	41.859
Số dư cuối năm	75.000	66.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.342.436	3.986.076	882.033	1.323.523	10.534.068
Tăng trong năm	199.053	234.813	130.325	203.575	767.766
- Mua mới	192.190	229.427	123.163	178.672	723.452
- Tăng khác	6.863	5.386	7.162	24.903	44.314
Giảm trong năm	(13.851)	(68.811)	(25.718)	(32.215)	(140.595)
- Thanh lý, nhượng bán	(13.851)	(40.015)	(25.690)	(19.133)	(98.689)
- Giảm khác	-	(28.796)	(28)	(13.082)	(41.906)
Số dư cuối năm	4.527.638	4.152.078	986.640	1.494.883	11.161.239
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.119.209	3.453.910	608.271	893.386	6.074.776
Tăng trong năm	205.415	297.156	85.965	176.286	764.822
- Khấu hao	205.415	296.590	85.595	155.163	742.763
- Tăng khác	-	566	370	21.123	22.059
Giảm trong năm	(13.452)	(67.715)	(26.643)	(20.198)	(128.008)
- Thanh lý, nhượng bán	(8.958)	(39.926)	(25.690)	(19.031)	(93.605)
- Giảm khác	(4.494)	(27.789)	(953)	(1.167)	(34.403)
Số dư cuối năm	1.311.172	3.683.351	667.593	1.049.474	6.711.590
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	3.223.227	532.166	273.762	430.137	4.459.292
Số dư cuối năm	3.216.466	468.727	319.047	445.409	4.449.649

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 4.374.256 triệu VND (31/12/2018: 3.885.159 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền và bằng sáng chế	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.069.536	602.318	100.663	2.772.517
Tăng trong năm	112.847	226.355	4.608	343.810
- Mua mới	112.847	164.794	3.972	281.613
- Tăng khác	-	61.561	636	62.197
Giảm trong năm	(2.324)	(1.424)	(61.910)	(65.658)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.424)	-	(1.424)
- Giảm khác	(2.324)	-	(61.910)	(64.234)
Số dư cuối năm	2.180.059	827.249	43.361	3.050.669
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	72.279	546.672	85.392	704.343
Tăng trong năm	17.189	130.366	1.322	148.877
- Khấu hao	13.871	68.805	1.322	83.998
- Tăng khác	3.318	61.561	-	64.879
Giảm trong năm	-	(1.424)	(61.921)	(63.345)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.424)	-	(1.424)
- Giảm khác	-	-	(61.921)	(61.921)
Số dư cuối năm	89.468	675.614	24.793	789.875
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.997.257	55.646	15.271	2.068.174
Số dư cuối năm	2.090.591	151.635	18.568	2.260.794

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 632.470 triệu VND (31/12/2018: 562.477 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC

(a) Các khoản phải thu

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Các khoản phải thu nội bộ	1.595.353	1.361.701
Các khoản phải thu bên ngoài (i)	7.234.022	2.703.567
	8.829.375	4.065.268

(i) Các khoản phải thu bên ngoài

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định	1.088.039	927.569
Phải thu từ ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	311.981	290.225
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (Thuyết minh 38)	60	80
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Thuyết minh 38)	31.812	19.743
Tạm ứng thuế khác (Thuyết minh 38)	2	2
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	794.000	492.249
Các khoản phải thu khác	5.008.128	973.699
	7.234.022	2.703.567

(*) Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Xây dựng cơ bản dở dang	794.000	492.249
<i>Trong đó, những dự án lớn:</i>	<i>704.857</i>	<i>383.354</i>
Dự án trụ sở Chi nhánh Thành Công	268.588	92.133
Dự án trụ sở Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	244.565	102.005
Dự án trụ sở Chi nhánh Bắc Sài Gòn	39.894	22.832
Dự án trụ sở Chi nhánh Thủ Đức	32.590	28.831
Dự án trụ sở Chi nhánh Phú Yên	30.234	18.421
Dự án trụ sở Chi nhánh Cần Thơ	25.309	-
Dự án trụ sở Chi nhánh Lạng Sơn	17.074	-
Dự án trụ sở Chi nhánh Vũng Tàu	14.138	1.336
Dự án trụ sở Chi nhánh Gia Lai	7.879	-
Dự án trụ sở Chi nhánh Hưng Yên	6.989	95
Dự án trụ sở Chi nhánh Hà Nội	6.390	3.499
Dự án trụ sở Chi nhánh Quảng Trị	5.812	2.647
Dự án trụ sở Chi nhánh Quảng Ngãi	5.395	2.422
Dự án trụ sở Chi nhánh Ninh Bình	-	60.000
Dự án trụ sở Chi nhánh Kon Tum	-	49.133

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(b) Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Từ cho vay khách hàng	2.845.886	2.971.363
Từ tiền gửi và cho vay các TCTD khác	396.445	365.801
Từ các khoản chứng khoán đầu tư	4.822.200	4.017.845
Từ các giao dịch phái sinh	83.920	51.938
Phí phải thu	1.705	2.202
	8.150.156	7.409.149

(c) Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	405.543	6.740

(d) Tài sản Có khác

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Đặt cọc tiền thuê nhà, thuê tài sản cố định	886.166	626.509
Vật liệu	155.406	123.944
Tạm ứng thanh toán thẻ	1.422.634	4.082.720
Tiền thuê đất trả tiền trước một lần	465.839	467.016
Tài sản Có khác	1.580.547	578.952
	4.510.592	5.879.141
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(3.794)	(3.522)
	4.506.798	5.875.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

16. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3.065.470	3.580.863
Vay theo hồ sơ tín dụng	2.263.278	2.787.812
Vay khác	802.192	793.051
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	89.288.604	87.095.730
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	335.832	214.07.768
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.087.772	9.687.962
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	87.865.000	56.000.000
Tiền gửi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	11.732	8.722
	92.365.806	90.685.315

17. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	71.046.512	75.245.679
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	7.400.827	14.859.745
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	27.053.436	46.498.477
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	24.500.000	8.490.250
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	12.092.249	5.397.207
Vay các tổ chức tín dụng khác	2.570.573	1.278.400
Vay bằng VND	1.259.900	1.278.400
Vay bằng ngoại tệ	1.310.673	-
	73.617.085	76.524.079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

18. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	262.977.124	226.842.211
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	199.196.380	170.439.488
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	63.780.744	56.402.723
Tiền gửi có kỳ hạn	642.710.681	558.786.377
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	561.425.254	471.896.716
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	81.285.427	86.889.661
Tiền gửi vốn chuyên dùng	21.019.106	14.948.566
Tiền gửi ký quỹ	1.743.958	1.351.961
	928.450.869	801.929.115

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Các tổ chức kinh tế	461.608.933	380.422.106
Cá nhân	466.841.936	421.507.009
	928.450.869	801.929.115

19. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	20.431	25.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

20. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Chứng chỉ tiền gửi		
Trung hạn bằng VND	325	325
Trung hạn bằng ngoại tệ	691	994
Kỳ phiếu, trái phiếu		
Ngắn hạn bằng VND	47	47
Ngắn hạn bằng ngoại tệ	30	30
Trung hạn bằng VND	10.552.616	10.630.839
Trung hạn bằng ngoại tệ	12	12
Dài hạn bằng VND	10.830.211	10.828.885
	21.383.932	21.461.132

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

(a) Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Lãi tiền gửi của khách hàng	9.854.141	8.210.463
Lãi tiền gửi và vay các TCTD khác	51.452	32.613
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá	370.979	376.975
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh	102.640	91.193
Phí ủy thác đầu tư	3.145	6.296
	10.382.357	8.717.540

(b) Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ (i)	3.503.957	2.809.792
Các khoản phải trả bên ngoài (ii)	8.031.170	7.076.700
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.058.246	2.598.410
	15.593.373	12.484.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(i) Các khoản phải trả nội bộ

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	2.931.439	2.473.336
Các khoản phải trả khác	572.518	336.456
	3.503.957	2.809.792

(ii) Các khoản phải trả bên ngoài

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Thuế phải trả (Thuyết minh 38)	1.748.922	1.610.091
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	1.508.125	1.342.984
- Thuế giá trị gia tăng phải trả	60.684	50.938
- Các thuế khác phải trả	180.113	216.169
Lãi nhận trước chờ phân bổ	1.371	87.535
Phải trả xây dựng và mua sắm tài sản cố định	266.354	347.802
Tiền giữ hộ chờ thanh toán	253.820	220.120
Các khoản khác phải trả khách hàng	1.288.992	1.524.150
Các khoản chờ thanh toán khác	176.176	269.602
Lãi hỗ trợ lãi suất thu hồi phải trả Nhà nước	64.528	64.528
Vay Bộ Tài chính	1.003.156	1.001.583
Cổ tức phải trả (*)	747.619	-
Phải trả khác	2.480.232	1.951.289
	8.031.170	7.076.700

(*) Đến ngày 13 tháng 1 năm 2020, Ngân hàng đã hoàn thành việc thanh toán các khoản cổ tức này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác		Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		Quỹ của tổ chức tin dụng		Quỹ dự phòng tài chính		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch lợi nhuận chưa phân phối		Lợi nhuận tích lũy của cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng		
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1/1/2019	35.977.686	-	344.657	3.119.785	6.255.286	70.661	9.445.732	84.450	119.178	16.138.687	68.989	62.179.379	6.106.488	-	-	18.510.898	15.090	-	-	-	-	18.525.988	-
Tăng vốn trong năm	1.111.088	4.995.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tạm trích các quỹ dự trữ bắt buộc ('DTBB') trong năm 2019	-	-	-	910.048	1.820.095	-	2.730.143	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ('KTPL') trong năm 2019	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh trích lập các quỹ DTBB và quỹ KTPL theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	-	-	-	5	10	-	15	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức cho cổ đông năm 2018 (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(15.996)	-	(15.996)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích các quỹ của các công ty con	-	-	-	11.175	15.072	-	26.247	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Biến động khác	-	(11)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	37.088.774	4.995.389	344.657	4.041.013	8.074.467	70.661	12.186.141	16.361	113.011	26.055.190	83.459	80.882.982	4.647	(24)	(4.612)	15.090	(21)	(56.848)	(1.897.716)	(939.661)	(2.967.102)	(15.996)	(31.176)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(b) Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Cổ phiếu phổ thông		
Nhà nước	27.743.534	27.743.534
Cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	5.563.349	5.396.685
Các cổ đông khác	3.781.891	2.837.467
	37.088.774	35.977.686

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Ngân hàng là:

	31/12/2019		31/12/2018	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần theo giấy phép	3.708.877.448	37.088.774	3.597.768.575	35.977.686
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.708.877.448	37.088.774	3.597.768.575	35.977.686
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.708.877.448	37.088.774	3.597.768.575	35.977.686

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND.

23. CỔ TỨC

Theo Nghị quyết số 12/TN2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng đã quyết định mức chia cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt là 8% mệnh giá, tương đương với số tiền là 2.967.102 triệu VND. Ngày 17 tháng 12 năm 2019, Hội đồng Quản trị Ngân hàng đã phê duyệt Nghị quyết số 598/NQ-VCB-HĐQT về việc thanh toán cổ tức năm 2018. Đến ngày 13 tháng 1 năm 2020, Ngân hàng đã hoàn thành việc thanh toán cổ tức cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

24. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Thu nhập lãi từ cho vay khách hàng	53.185.411	43.756.805
Thu nhập từ lãi tiền gửi	4.412.907	2.880.373
Thu nhập lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	8.893.830	8.304.634
- từ chứng khoán đầu tư	8.809.299	8.164.621
- từ chứng khoán kinh doanh	84.531	140.013
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	326.787	287.078
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	454.131	411.962
Thu khác từ hoạt động tín dụng	451.124	223.099
	67.724.190	55.863.951

25. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Chi phí lãi tiền gửi	31.224.709	25.365.310
Chi phí lãi tiền vay	337.223	544.079
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	1.500.039	1.516.041
Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	84.869	30.005
	33.146.840	27.455.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Thu từ dịch vụ thanh toán	6.199.194	4.590.636
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	164.507	245.694
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	1.278	6.321
Thu khác	2.637.528	2.179.504
	9.002.507	7.022.155
Chi phí cho hoạt động dịch vụ		
Chi cho dịch vụ thanh toán	(3.877.007)	(2.907.563)
Chi cho dịch vụ ngân quỹ	(96.571)	(69.372)
Chi cho dịch vụ viễn thông	(114.680)	(100.790)
Chi cho nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(3.485)	(746)
Chi khác	(603.920)	(541.192)
	(4.695.663)	(3.619.663)
	4.306.844	3.402.492

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	6.397.100	4.449.872
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	781.001	363.485
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	562.523	325.992
Lãi đánh giá lại các hợp đồng phái sinh	40.323	87.041
	7.780.947	5.226.390
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi cho kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(3.627.773)	(865.920)
Chi cho các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(653.967)	(983.543)
Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	(73.863)	(466.445)
Lỗ đánh giá lại các hợp đồng phái sinh	(47.070)	(644.053)
	(4.402.673)	(2.959.961)
	3.378.274	2.266.429

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

28. LÃI THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	207.337	539.389
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(43.098)	(299.893)
(Trích lập)/hoàn nhập chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	(18.257)	10.966
	145.982	250.462

29. LÃI THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	7.220	-
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(1)	-
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán vốn	(179)	-
	7.040	-

30. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu nhập từ các khoản cho vay đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro	3.179.526	3.272.247
Thu từ nghiệp vụ hoán đổi lãi suất	59.590	-
Thu nhập khác	188.649	243.657
	3.427.765	3.515.904
Chi phí hoạt động khác		
Chi phí cho nghiệp vụ hoán đổi lãi suất	-	(9.117)
Chi về nghiệp vụ bán nợ	(32)	(159)
Chi công tác xã hội	(163.238)	(150.034)
Chi phí khác	(194.700)	(122.229)
	(357.970)	(281.539)
	3.069.795	3.234.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

31. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Cổ tức nhận được từ các khoản góp vốn, mua cổ phần (Thuyết minh 34(a))	154.582	129.753
- Cổ tức từ các khoản góp vốn, mua cổ phần đã nhận	135.090	122.636
- Cổ tức từ chứng khoán vốn kinh doanh đã nhận	19.492	7.117
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần	48.178	1.557.490
Hạch toán lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 34(a))	42.336	28.926
	245.096	1.716.169

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	302.195	253.632
Chi phí cho nhân viên	8.668.512	7.677.596
Trong đó:		
- Chi lương và phụ cấp (Thuyết minh 37)	7.807.100	6.920.065
- Các khoản chi đóng góp theo lương	654.053	608.943
- Chi trợ cấp	5.566	3.977
Chi về tài sản	2.700.957	2.340.006
Trong đó:		
- Khấu hao tài sản cố định	826.761	797.551
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	3.515.416	2.728.089
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	578.981	526.591
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 12(c))	8.002	41.859
Chi phí hoạt động khác	43.512	43.321
	15.817.575	13.611.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

33. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 6)	2.000.000	1.000.000
Dự phòng chung cho vay khách hàng		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 10)	586.898	578.524
Dự phòng cụ thể cho vay khách hàng		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 10)	4.038.866	5.683.777
Dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	164.665	135.812
Trích lập dự phòng cho chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 11(a))	36.000	71.625
Trích lập dự phòng cho chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 11(b))	128.665	64.187
	6.790.429	7.398.113

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	23.122.377	18.269.226
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Lợi nhuận tính thuế của các công ty con	(379.354)	(436.375)
Cổ tức thu được trong năm (Thuyết minh 31)	(154.582)	(129.753)
Phân chia lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 31)	(42.336)	(28.926)
Các khoản điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	15.523	104.032
Chi phí từ các hoạt động không chịu thuế TNDN trong năm	2.020.699	29.601
Thu nhập chịu thuế	24.582.327	17.807.805
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của Ngân hàng (thuế suất: 20%)	4.916.465	3.561.561
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của công ty con (thuế suất: 24%)	7.835	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của các công ty con (thuế suất: 20%)	66.913	84.024
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của công ty con (thuế suất: 16,5%)	1.251	2.771
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	4.992.464	3.648.356

(b) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(396.075)	(1.192)

(c) Thuế suất áp dụng

Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế, ngoại trừ Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào có nghĩa vụ nộp thuế theo thuế suất 24% và Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông có nghĩa vụ nộp thuế theo thuế suất 16,5%. Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần	18.510.898	14.605.578
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.928.317)	(2.650.736)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	16.582.581	11.954.842

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập vào thời điểm cuối năm. Do đó, lợi nhuận thuần dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm tương ứng.

(b) Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	2019	2018
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành tại ngày 1 tháng 1	3.597.768.575	3.597.768.575
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	102.889.860	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	3.700.658.435	3.597.768.575

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2019	2018 (Trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.481	3.323

36. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	13.778.358	12.792.045
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	34.684.091	10.845.701
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	223.808.086	220.376.410
	272.270.535	244.014.156

37. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	2019	2018
Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)	18.948	17.215
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
Tổng quỹ lương và phụ cấp (Triệu VND) (Thuyết minh 32)	7.807.100	6.920.065
Thu nhập bình quân tháng/người (Triệu VND)	34,34	33,50

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

38. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số dư tại ngày 1/1/2019		Phát sinh trong năm		Số dư tại ngày 31/12/2019	
	Triệu VND	Số phải nộp Triệu VND	Số đã nộp Triệu VND	Số đã nộp Triệu VND	Phải trả Triệu VND	Ung trước Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	31.195	636.927	(639.250)	60.684	(31.812)	28.872
Thuế TNDN hiện hành	1.342.904	4.992.489	(4.827.328)	1.508.125	(60)	1.508.065
Trong đó:						
- Thuế TNDN của Vietcombank	1.342.984	4.992.464	(4.827.323)	1.508.125	-	1.508.125
- Điều chỉnh thuế các năm trước	(22)	25	(5)	-	(2)	(2)
- Nghĩa vụ thuế năm 2008 của Vinafino	(58)	-	-	-	(58)	(58)
Các loại thuế khác	216.167	1.247.993	(1.284.049)	180.113	(2)	180.111
	1.590.266	6.877.409	(6.750.627)	1.748.922	(31.874)	1.717.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

39. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THẾ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Tiền gửi	109.803.809	91.140.187
Giấy tờ có giá	82.429.392	91.307.623
Bất động sản	795.024.169	622.702.902
Tài sản bảo đảm khác	243.180.100	241.787.741
	1.230.437.470	1.046.938.453

40. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Vietcombank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Vietcombank ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Vietcombank khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Vietcombank cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Vietcombank ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Vietcombank phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Vietcombank trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Vietcombank thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Tỷ lệ giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Vietcombank đánh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

41. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Mối liên quan	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
Thu nhập/(chi phí)		
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
Đại diện chủ sở hữu		
Thu nhập từ lãi tiền gửi	209.296	216.309
Chi phí lãi tiền gửi và tiền vay	(130.356)	(152.162)
Bộ Tài chính		
Bên liên quan của chủ sở hữu		
Chi phí lãi tiền gửi	(1.557.823)	(1.287.656)
Chi phí lãi tiền vay	(43.855)	(31.792)

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đã chi không vượt quá 0,35% lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Nghị quyết số 12/TN2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng Cổ đông.

Thu nhập của Ban Điều hành đã chi theo Quy chế Tiền lương trong hệ thống Vietcombank.

(b) Số dư với các bên liên quan

Mối liên quan	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Phải thu/(phải trả)		
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
Đại diện chủ sở hữu		
Tiền gửi của Vietcombank tại NHNNVN	34.404.607	10.152.565
Tiền gửi và tiền vay của NHNNVN tại Vietcombank	(3.077.202)	(3.589.585)
Bộ Tài chính		
Bên liên quan của chủ sở hữu		
Tiền gửi tại Ngân hàng	(89.288.604)	(87.095.730)
Vay Bộ Tài chính	(1.003.156)	(1.001.583)
Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản		
Cổ đông chiến lược		
Tiền gửi của Ngân hàng tại Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản	5.588.921	1.767.477
Tiền gửi của Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản tại Ngân hàng	(3.913.211)	(3.667.092)
Cho vay Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản	100.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

42. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:	Miền Bắc		Miền Trung và Tây Nguyên		Miền Nam		Nước ngoài		Loại trừ		Tổng cộng	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	95.199.315	16.255.408	4.850.383	14.711.716	83.793	12.268	129.333	90.009.523	(89.997.255)	90.009.523	67.724.190	(33.146.840)
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(80.280.125)	(11.405.025)	(4.597.071)	(26.731)	(18.261)	41.416	(45.540)	(4.695.663)	(4.540)	90.009.523	34.577.350	9.002.507
I Thu nhập lãi thuần	14.919.190	4.850.383	895.514	3.267.228	42.115	1.176	1.176	4.306.844	(121.486)	4.306.844	3.378.274	14.5.982
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4.820.544	922.245	223.473	895.514	160.871	-	-	-	-	-	7.040	3.427.765
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	(4.597.071)	(26.731)	(4.597.071)	(26.731)	(18.261)	41.416	(45.540)	(4.695.663)	(4.540)	90.009.523	34.577.350	9.002.507
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	223.473	895.514	160.871	895.514	160.871	-	-	-	(12.268)	-	7.040	3.427.765
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.321.020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IV Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	158.250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	7.040	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5 Thu nhập từ hoạt động khác	1.333.541	356.208	1.333.541	1.737.690	326	-	326	-	-	-	3.427.765	(357.970)
6 Chi phí hoạt động khác	(131.162)	(114.512)	(131.162)	(112.296)	-	-	-	-	-	-	-	-
VI Lãi thuần từ hoạt động khác	1.202.379	241.696	1.202.379	1.625.394	326	-	326	-	-	-	3.069.795	245.096
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	245.096	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng thu nhập hoạt động	19.076.448	6.148.464	19.076.448	20.499.545	127.410	(121.486)	127.410	(121.486)	(121.486)	96.006	45.730.381	(15.817.575)
VIII Chi phí hoạt động	(10.485.636)	(1.436.113)	(10.485.636)	(3.914.410)	(77.422)	96.006	(77.422)	96.006	96.006	96.006	29.912.806	(6.790.429)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	8.590.812	4.712.351	8.590.812	16.585.135	49.988	(25.480)	49.988	(25.480)	(25.480)	96.006	29.912.806	(6.790.429)
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(3.337.520)	(1.590.605)	(3.337.520)	(1.861.639)	(665)	-	(665)	-	-	-	(6.790.429)	23.122.377
XI Tổng lợi nhuận trước thuế	5.253.292	3.121.746	5.253.292	14.723.496	49.323	(25.480)	49.323	(25.480)	(25.480)	96.006	23.122.377	(4.992.464)
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.414.814)	(624.349)	(1.414.814)	(2.944.216)	(9.085)	-	(9.085)	-	-	-	(4.992.464)	396.075
8 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	398.803	-	398.803	-	(2.728)	-	(2.728)	-	-	-	396.075	(4.596.389)
XII Chi phí thuế TNDN	(1.016.011)	(624.349)	(1.016.011)	(2.944.216)	(11.813)	-	(11.813)	-	-	-	(4.596.389)	18.525.988
XIII Lợi nhuận sau thuế	4.237.281	2.497.397	4.237.281	11.779.280	37.510	(25.480)	37.510	(25.480)	(25.480)	96.006	18.525.988	18.525.988

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

42. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:		Dịch vụ tài chính ngân hàng		Dịch vụ tài chính phi ngân hàng		Chứng khoán		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	156.994.074	4.81.737	225.558	20.076	(89.997.255)	67.724.190								
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(122.800.545)	(256.493)	(88.668)	(10.657)	90.009.523	(33.146.840)								
I Thu nhập lãi thuần	34.193.529	225.244	136.890	9.419	12.268	34.577.350								
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	8.748.238	33.161	189.637	194.373	(162.902)	9.002.507								
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	(4.613.979)	(971)	(39.584)	(82.545)	41.416	(4.695.663)								
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.134.259	32.190	150.053	111.828	(121.486)	4.306.844								
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	3.378.187	87	-	-	-	3.378.274								
IV Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	123.062	-	35.188	-	(12.268)	145.982								
IV Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	7.219	-	(179)	-	-	7.040								
5 Thu nhập từ hoạt động khác	3.423.239	3.304	893	329	-	3.427.765								
6 Chi phí hoạt động khác	(357.891)	(53)	(26)	-	-	(357.970)								
VI Lãi thuần từ hoạt động khác	3.065.348	3.251	867	329	-	3.069.795								
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	225.604	-	19.492	-	-	245.096								
Tổng thu nhập hoạt động	45.127.208	260.772	342.311	121.576	(121.486)	45.730.381								
VIII Chi phí hoạt động	(15.571.930)	(113.760)	(173.904)	(53.987)	96.006	(15.817.575)								
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	29.555.278	147.012	168.407	67.589	(25.480)	29.912.806								
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(6.752.585)	(37.844)	-	-	-	(6.790.429)								
XI Tổng lợi nhuận trước thuế	22.802.693	109.168	168.407	67.589	(25.480)	23.122.377								
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	(4.924.300)	(20.729)	(35.226)	(12.209)	-	(4.992.464)								
8 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.00.000	(2.728)	(1.197)	-	-	396.075								
XII Chi phí thuế TNDN	(4.524.300)	(23.457)	(36.423)	(12.209)	-	(4.596.389)								
XIII Lợi nhuận sau thuế	18.278.393	85.711	131.984	55.380	(25.480)	18.525.988								

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(a) Thuyết minh về tài sản bảo đảm

Vietcombank không nắm giữ tài sản bảo đảm mà Vietcombank được phép bán hoặc đem tài sản đó đi bảo đảm cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ.

(b) Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019		Giá trị ghi sổ - gộp		Hạch toán theo		Giá trị hợp lý	
Kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	giá trị phân bổ	Tổng giá trị ghi sổ	Tổng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản tài chính							
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	-	-	13.778.358	13.778.358	13.778.358
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	-	-	34.684.091	34.684.091	34.684.091
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	-	-	252.470.372	252.470.372	(*)
IV Chứng khoán kinh doanh	1.889.628	-	-	-	1.889.628	1,889,628	(*)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	98.312	-	-	-	98.312	98.312	(*)
VI Cho vay khách hàng	-	-	-	-	734.706.891	734.706.891	(*)
VIII Chứng khoán đầu tư	-	132.271.302	-	-	35.699.090	167.970.392	(*)
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	1,587,823	1,587,823	(*)
XII Tài sản tài chính khác	-	-	-	-	15.943.148	15.943.148	(*)
	1,987,940	132,271,302	1,051,582,860	372,869,913	1,223,129,015	1,223,129,015	
Nợ phải trả tài chính							
I Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	165.982.891	165.982.891	(*)
II Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	928.450.869	928.450.869	(*)
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	20.431	20.431	(*)
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	21,383,932	21,383,932	(*)
VI Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	13,169,028	13,169,028	(*)
	-	-	-	-	1,129,007,151	1,129,007,151	

(*) Do không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có thị trường hoạt động này không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Vietcombank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Vietcombank không ngừng phát triển, an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Vietcombank trong từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Vietcombank và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban Quản lý Rủi ro là bộ phận do Hội đồng Quản trị ra quyết định thành lập và chịu trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong việc quản lý mọi loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Vietcombank.

Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có ("ALCO") là bộ phận do Tổng Giám đốc ra quyết định thành lập. Chủ tịch ALCO là Tổng Giám đốc. Các thành viên của ALCO là các cán bộ chủ chốt đang thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro trong Vietcombank.

ALCO có nhiệm vụ giám sát và quản lý tổng thể các hạng mục tài sản có và tài sản nợ trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng của Vietcombank nhằm tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá các tổn thất phát sinh do những biến động bất lợi từ thị trường; quản lý rủi ro thanh khoản; điều hành lãi suất và tỷ giá phù hợp.

Trong phạm vi phân cấp, ALCO được quyền đưa ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro.

(i) Rủi ro tín dụng

Vietcombank luôn phải đứng trước các rủi ro tín dụng, đó là nguy cơ mất mát về tài chính khi các bên đối tác không thể hoàn thành nghĩa vụ đúng hạn. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu trong nghiệp vụ cho vay dưới hình thức các khoản cho vay và tạm ứng, trong đầu tư dưới hình thức các chứng khoán nợ. Các công cụ tài chính ngoại bảng, như cam kết cho vay, cũng tiềm ẩn rủi ro tín dụng. Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện thông qua các chính sách và thủ tục có liên quan, trong đó có chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro và Hội đồng Tín dụng.

Vietcombank tiến hành phân loại nợ đối với các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, cam kết ngoại bảng, các khoản ủy thác cho vay, ủy thác và đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế chưa niêm yết dựa trên yêu cầu của Thông tư 02 và Thông tư 09 (Thuyết minh 2(h)), qua đó thường xuyên đánh giá rủi ro của các khoản nợ có vấn đề, nợ xấu và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp.

Để quản lý rủi ro tín dụng Vietcombank sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan đến công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(i) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Số liệu trình bày dưới đây thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, không tính đến tài sản bảo đảm hay hỗ trợ tín dụng:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá	Đã bị giảm giá và trích lập dự phòng	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi tại NHNN	34.684.091	-	-	34.684.091
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	249.470.372	-	3.000.000	252.470.372
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	190.100.329	-	-	190.100.329
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	59.370.043	-	3.000.000	62.370.043
Chứng khoán kinh doanh	1.538.592	-	-	1.538.592
Cho vay khách hàng - gộp	720.768.201	5.574.225	8.364.465	734.706.891
Chứng khoán đầu tư - gộp	167.962.202	-	-	167.962.202
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	35.690.900	-	-	35.690.900
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	132.271.302	-	-	132.271.302
Tài sản Có khác	15.943.148	-	-	15.943.148
	1.190.366.606	5.574.225	11.364.465	1.207.305.296

Thông tin thêm về giá trị ghi sổ của tài sản bảo đảm Vietcombank nắm giữ tại ngày báo cáo được trình bày tại Thuyết minh 39.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường.

Kỳ định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng để phân tích kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank:

- » Tiền mặt, vàng bạc, đá quý, góp vốn, đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định và các tài sản có khác) được xếp vào nhóm các khoản mục không chịu lãi;
- » Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được xếp vào khoản mục đến 1 tháng;
- » Kỳ định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư phụ thuộc vào quy định về lãi suất của tổ chức phát hành đối với từng loại chứng khoán;
- » Kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro và các khoản nợ khác được xác định như sau:
 - » Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
 - » Các khoản mục có lãi suất thả nổi: kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- » Kỳ định lại lãi suất thực tế của các giấy tờ có giá đã phát hành được xác định dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá; phụ thuộc vào quy định về lãi suất của Vietcombank đối với từng đợt phát hành.

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(ii) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày kỳ định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Quá hạn		Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 tháng đến 6 tháng	Từ 6 tháng đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND								
Tài sản										
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	13.778.358	-	-	-	-	-	-	-	13.778.358
II Tiền gửi tại NHNN	-	-	34.684.091	-	-	-	-	-	-	34.684.091
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - góp	-	-	166.767.335	63.512.600	5.682.919	16.507.518	-	-	-	252.470.372
IV Chứng khoán kinh doanh - góp	-	-	351.036	-	-	-	-	-	-	1.889.628
V Các công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác	-	-	98.312	-	-	-	-	-	-	98.312
VI Cho vay khách hàng - góp	13.450.643	-	172.783.068	24.995.643	169.916.966	69.009.842	56.577.264	3.012.669	-	734.706.891
VII Chứng khoán đầu tư - góp	-	-	8.190	2.349.121	10.561.314	8.351.206	29.631.777	86.125.572	30.943.212	167.970.392
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn - góp	-	-	2.539.493	-	-	-	-	-	-	2.539.493
IX Tài sản cố định	-	-	6.710.443	-	-	-	-	-	-	6.710.443
X Tài sản có khác - góp	-	-	21.895.666	-	-	-	-	-	-	21.895.666
Tổng tài sản	13.450.643	45.381.498	378.122.207	324.030.353	183.951.091	115.149.137	142.702.836	33.955.881	123.674.364	123.674.364
Nợ phải trả										
I Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	111.616.654	38.688.625	11.836.221	917.090	2.924.301	-	-	165.982.891
II Tiền gửi của khách hàng	-	-	100.412	502.251.079	159.733.741	124.124.767	5734.252	9.442	928.450.869	928.450.869
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	148	-	-	-	20.283	-	-	20.431
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	183.035	-	-	5.106.100	14.899.586	1.195.211	-	21.383.932
VI Các khoản nợ phải trả khác	-	-	936.283	66.873	-	-	-	-	-	25.997.753
Tổng nợ phải trả	-	25.095.009	614.987.199	198.489.239	135.960.988	142.520.366	23.578.422	1.204.653	114.183.587	114.183.587
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	13.450.643	20.286.489	(236.864.992)	125.541.114	47.990.103	(27.371.229)	119.124.414	32.751.228	94.907.770	94.907.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Vietcombank được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Vietcombank chủ yếu bằng VND, USD và EUR. Một số tài sản khác và nợ phải trả của Vietcombank bằng ngoại tệ khác ngoài VND, USD và EUR. Vietcombank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Vietcombank và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Vietcombank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Vietcombank áp dụng tại ngày báo cáo như sau:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2019	31/12/2018
USD/VND	23.170	23.200
EUR/VND	26.213	26.757

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iii) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả bằng các đơn vị tiền tệ khác được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	VND		USD		EUR		Tiền tệ khác		Tổng cộng	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản										
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	11.080.852	2.033.415	333.168	330.923	13.778.358					
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	31.147.235	3.506.001	-	30.855	34.684.091					
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	154.397.361	70.814.463	7.859.176	19.399.372	252.470.372					
IV Chứng khoán kinh doanh - gộp	1.889.628	-	-	-	1.889.628					
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	50.085.609	(49.743.457)	3.322	(247.162)	98.312					
VI Cho vay khách hàng - gộp	644.893.007	89.343.948	326.393	143.543	734.706.891					
VII Chứng khoán đầu tư - gộp	110.045.392	57.925.000	-	-	167.970.392					
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	2.539.493	-	-	-	2.539.493					
IX Tài sản cố định	6.666.780	31.268	-	12.395	6.710.443					
X Tài sản Có khác - gộp	19.965.272	1.636.840	68.592	224.962	21.895.666					
Tổng tài sản	1.032.710.629	175.547.478	8.590.651	19.894.888	1.236.743.646					
Nợ phải trả										
I Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	124.427.030	22.513.846	3.921.128	15.120.887	165.982.891					
II Tiền gửi của khách hàng	774.022.063	147.404.192	4.407.479	2.617.135	928.450.869					
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	20.431	-	-	-	20.431					
V Phát hành giấy tờ có giá	21.383.199	733	-	-	21.383.932					
VI Các khoản nợ phải trả khác	24.127.872	1.612.902	104.235	152.744	25.997.753					
Tổng nợ phải trả	943.980.595	171.531.673	8.432.842	17.890.766	1.141.835.876					
Trạng thái tiền tệ nội bảng	88.730.034	4.015.805	157.809	2.004.122	94.907.770					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iv) *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là tình huống Vietcombank không thể thực hiện các cam kết tài chính đã thỏa thuận đối với khách hàng hoặc đối tác do không huy động đủ vốn hoặc không thanh khoản được tài sản.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến kỳ thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank:

- » Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước được xem như tiền gửi thanh toán, bao gồm cả tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- » Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh được coi là dưới 1 tháng do các chứng khoán này được nắm giữ trong ngắn hạn nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá;
- » Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán theo như quy định của đơn vị phát hành;
- » Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa trên ngày đáo hạn mà hợp đồng quy định. Thời gian đáo hạn thực tế có thể thay đổi do các hợp đồng cho vay được gia hạn;
- » Thời gian đáo hạn của các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần được coi là hơn 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định; và
- » Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được xác định dựa vào tính chất của các khoản vay, tiền gửi và giấy tờ có giá này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Ví dụ tài khoản tiền gửi thanh toán của các TCTD khác tại Vietcombank và tiền gửi thanh toán của Vietcombank tại các TCTD khác dùng để thực hiện yêu cầu giao dịch của khách hàng được xếp loại không kỳ hạn, thời gian đáo hạn với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trên thực tế, các khoản vay và tiền gửi này có thể được tái tục và duy trì trong thời gian lâu hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iv) *Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)*

Bảng dưới đây phân tích thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Trên 3 tháng		Đến 3 tháng		Đến 1 tháng		Từ trên 1 tháng đến 3 tháng		Từ trên 3 tháng đến 12 tháng		Từ trên 1 năm đến 5 năm		Trên 5 năm		Tổng cộng	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản																
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	-	13.778.358	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.778.358	-
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	-	34.684.091	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	34.684.091	-
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - góp	-	-	-	166.767.334	63.512.600	19.266.137	2.702.961	221.340	252.470.372	1.889.628	98.312	-	-	-	-	-
IV Chứng khoán kinh doanh - góp	-	-	-	1889.628	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-	98.312	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
VI Cho vay khách hàng - góp	1513.875	11.936.768	49.674.140	152.176.894	212.894.486	117.088.777	189.421.951	734.706.891	167.970.392	2.539.493	6.710.443	21.895.666	-	-	-	-
VII Chứng khoán đầu tư - góp	-	-	1.993.631	8.937.296	34.737.239	88.774.014	33.528.212	252.470.372	1.889.628	98.312	-	-	-	-	-	-
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn - góp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IX Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
X Tài sản Có khác - góp	-	-	-	-	21.895.666	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	1.513.875	11.936.768	268.787.182	246.620.768	266.897.862	208.565.752	232.421.439	1.236.743.646	13.778.358	34.684.091	252.470.372	1.889.628	98.312	-	-	-
Nợ phải trả																
I Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	110.814.696	38.692.742	12.798.639	3.428.054	248.760	165.982.891	1.889.628	98.312	-	-	-	-	-	-
II Tiền gửi của khách hàng	-	-	249.661.404	170.000.193	281.320.845	44.839.964	182.628.463	928.450.869	20.431	21.895.666	-	-	-	-	-	-
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	148	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	184.106	-	-	-	10.373.400	21.383.932	25.997.753	1.003.156	1.003.156	-	-	-	-	-
VI Các khoản nợ phải trả khác	-	-	-	24.994.597	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	-	360.660.354	233.687.532	294.119.484	58.661.701	194.706.805	1.141.835.876	20.431	21.895.666	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	1.513.875	11.936.768	(91.873.172)	12.933.236	(27.221.622)	149.904.051	37.714.634	94.907.770	13.778.358	34.684.091	252.470.372	1.889.628	98.312	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

44. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt vào ngày 11 tháng 3 năm 2020.

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Người duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Hoàng Tùng

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến



Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc



NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

[📍] : 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

[☎] : (+84) 24 3934 3137

[☎] : (+84) 24 3826 9067

[🌐] : Swift: BFTV VNVX

[🌐] : www.vietcombank.com.vn